

Số: 958 /CBTT-VSF

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 4 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty: **TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM – CÔNG TY  
CỔ PHẦN**

Mã chứng khoán: VSF

Địa chỉ trụ sở chính: 333 đường Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, Quận 1,  
Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại liên hệ: (028).38370026

Fax: (028).38365898

E-mail: vanphong@vsfc.com.vn

Website: www.vinafood2.com.vn

Người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin: Ông Trần Tấn Đức – Phó  
Tổng giám đốc.

Loại thông tin công bố:

24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ

Nội dung công bố thông tin: Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên  
năm 2022 Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần được đính  
kèm, đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại  
hội tại đường dẫn: <https://vinafood2.com.vn>, mục Quan hệ cổ đông.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty tại  
đường dẫn: <https://vinafood2.com.vn>, mục Quan hệ cổ đông.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn  
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH**



**Trần Tấn Đức**



## TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Trụ sở chính: 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Giấy CNĐKDN số: 0300613198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/02/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 23/11/2021.

Điện thoại: (028) 3837 0026

Fax: (028) 38365898-38365899

Website: www.vinafood2.com.vn

### DANH MỤC TÀI LIỆU

1. Dự thảo báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị;
2. Dự thảo báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc năm 2021;
3. Dự thảo báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát;
4. Tờ trình báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng công ty đã được kiểm toán;
5. Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022;
6. Tờ trình phân phối lợi nhuận, mức cổ tức;
7. Tờ trình thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
8. Tờ trình phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; và giao Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán độc lập trong danh sách được phê duyệt;
9. Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty (đính kèm dự thảo Điều lệ và Bảng tổng hợp các nội dung sửa đổi Điều lệ);
10. Tờ trình phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty (đính kèm dự thảo Quy chế);
11. Tờ trình phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty (đính kèm dự thảo Quy chế);
12. Tờ trình phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty (đính kèm dự thảo Quy chế);
13. Tờ trình miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;
14. Tờ trình miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát;
15. Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
16. Phiếu biểu quyết;
17. Các tài liệu, mẫu biểu phục vụ cho Đại hội đồng cổ đông.



# TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
MSDN: 0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

Số: /BC-LFMN-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2022

**Dự thảo**

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** **Về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông  
Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

### **I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021**

#### **1. Thành phần Hội đồng quản trị (HĐQT)**

Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa theo Quyết định số 2133/QĐ-TTg ngày 29/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) lần đầu ngày 11/9/2020 đã bầu thành viên HĐQT Tổng công ty nhiệm kỳ 2018-2023 có 05 thành viên.

Trong năm 2021, ĐHĐCĐ bất thường ngày 22/10/2021 đã thông qua việc miễn nhiệm 03 thành viên HĐQT và bầu 03 thành viên HĐQT, thành phần HĐQT có thay đổi cụ thể như sau:

THÀNH PHẦN HĐQT NĂM 2021	Cơ cấu HĐQT			
	Chức vụ	Chuyên trách	Không chuyên trách	Giữ chức vụ điều hành
<b>Đến ngày 22/10/2021</b>	<b>05 thành viên</b>	<b>02</b>	<b>03</b>	<b>02 thành viên</b>
- Ông Võ Thanh Hà	Chủ tịch HĐQT	x		
- Bà Nguyễn Thị Hoài	Phó chủ tịch HĐQT		x	Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Ngọc Nam	Phó chủ tịch HĐQT	x		
- Ông Bạch Ngọc Văn	Thành viên HĐQT		x	Phó Tổng giám đốc
- Ông Đỗ Ngọc Khanh	Thành viên HĐQT		x	

THÀNH PHẦN HĐQT NĂM 2021	Cơ cấu HĐQT			
	Chức vụ	Chuyên trách	Không chuyên trách	Giữ chức vụ điều hành
<b>Kể từ ngày 22/10/2021</b>	<b>05 thành viên</b>	<b>02</b>	<b>03</b>	<b>01 thành viên</b>
- Ông Nguyễn Huy Hưng	Chủ tịch HĐQT	x		
- Bà Nguyễn Thị Hoài	Phó chủ tịch HĐQT		x	Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Ngọc Nam	Phó chủ tịch HĐQT	x		
- Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên HĐQT		x	
- Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân	Thành viên HĐQT		x	

Tổng công ty là công ty đại chúng, tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp (Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc), đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom, không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập, cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và thành viên không điều hành theo quy định tại Điều 276 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

## 2. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2021

Các thành viên HĐQT thực hiện trách nhiệm của người quản lý Tổng công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Theo phân công nhiệm vụ, các thành viên HĐQT thực hiện các nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty. Trong năm 2021, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã tiến hành 21 cuộc họp HĐQT, tổ chức 95 lượt lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, các buổi làm việc với Ban điều hành Tổng công ty, lãnh đạo các chi nhánh/đơn vị phụ thuộc, Người đại diện của Tổng công ty tại các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty. Theo đó, HĐQT đã ban hành 60 nghị quyết, 51 quyết định và các văn bản chỉ đạo thuộc thẩm quyền của HĐQT để chỉ đạo và giám sát việc thực hiện đối với Ban Tổng giám đốc, các đơn vị phụ thuộc và người đại diện của Tổng công ty trong thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên trong toàn Tổng công ty (đính kèm Phụ lục các cuộc họp và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị).

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã tập trung thực hiện các nội dung chương trình theo quyền hạn, trách nhiệm được giao để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện việc quản lý, điều hành Tổng công ty tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, cụ thể:



(i) Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2021 của Tổng công ty:

Năm 2021, trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế thế giới và trong nước do tác động của dịch bệnh Covid-19. Đối với Tổng công ty, có những thuận lợi, khó khăn, thời cơ và thách thức đã được tập thể lãnh đạo Tổng công ty phân tích, đánh giá cụ thể, HĐQT Tổng công ty đã tập trung chỉ đạo thực hiện các giải pháp, huy động mọi nguồn lực về con người, vốn, kho tàng, máy móc thiết bị để đạt mục tiêu nhiệm vụ kinh doanh của Tổng công ty. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 với các chỉ tiêu chủ yếu sau:

**\* Công ty mẹ**

ST T	Hạng mục	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2020	% so 2020
<b>I</b>	<b>MUA VÀO (sản phẩm chủ yếu)</b>				
1	Lúa, gạo qui gạo	Tấn	523.376	679.148	77,06
2	Lúa mì	Tấn	36.185	36.309	99,66
<b>II</b>	<b>BÁN RA (sản phẩm chủ yếu)</b>				
1	Gạo (a + b)	Tấn	<b>459.970</b>	<b>666.523</b>	<b>69,01</b>
	a. Xuất khẩu	Tấn	331.325	384.149	86,25
	b. Tiêu thụ nội địa	Tấn	128.645	282.374	45,56
2	Bột mì	Tấn	23.639	20.093	117,65
3	Thực phẩm chế biến	Tấn	925	772	119,77
<b>III</b>	<b>Kim ngạch XNK</b>				
	- Xuất khẩu	1000 USD	169.368	180.564	93,80
	- Nhập khẩu	1000 USD	8.334	4.942	168,66
<b>IV</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	Tr đồng	<b>7.779.637</b>	<b>9.548.525</b>	<b>81,47</b>
<b>V</b>	<b>Lợi nhuận</b>	Tr đồng	<b>-352.088</b>	<b>-271.803</b>	

**\* Tổng hợp toàn Tổng công ty**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2020	% so 2020
1	Tổng doanh thu	Tr. đồng	<b>16.712.435</b>	<b>16.719.755</b>	<b>99,96</b>
2	Lợi nhuận (trước thuế)	Tr. đồng	<b>-298.536</b>	<b>-210.109</b>	

*(ii) Về quản lý sử dụng vốn:*

- HĐQT ủy quyền sử dụng hạn mức vay ngân hàng năm 2021 cho các chi nhánh/đơn vị phụ thuộc theo kế hoạch SXKD. Đồng thời, chỉ đạo Ban điều hành thường xuyên thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ, toàn diện việc quản lý, sử dụng vốn tại các chi nhánh/đơn vị phụ thuộc đảm bảo việc sử dụng vốn đúng mục đích, hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn.

- Chỉ đạo tăng cường quản lý vốn đầu tư tại các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty thông qua hệ thống người đại diện của Tổng công ty tại doanh nghiệp.

- Trong năm 2021, tình hình tài chính Tổng công ty gặp rất nhiều khó khăn, HĐQT đã chỉ đạo quyết liệt thực hiện các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn; chỉ đạo và cùng với Ban điều hành làm việc với các ngân hàng về hạn mức tín dụng, vay phù hợp; chỉ đạo xây dựng chi tiết kế hoạch vay vốn và trả nợ với điều kiện thực tế của Tổng công ty nhằm đảm bảo ổn định hoạt động SXKD toàn Tổng công ty.

- Đồng thời, chỉ đạo việc thu hồi các khoản công nợ của Tổng công ty.

*(iii) Về quản lý sử dụng tài sản và đầu tư phát triển:*

- Chỉ đạo rà soát, có phương án sử dụng có hiệu quả các tài sản hiện có của Tổng công ty để tăng nguồn thu cho Tổng công ty; phê duyệt chủ trương thanh lý, nhượng bán tài sản không cần dùng tại các đơn vị phụ thuộc và Văn phòng Tổng công ty để thu hồi vốn.

- Chủ trương ưu tiên đầu tư một số hạng mục cần thiết phục vụ cho SXKD tại các đơn vị phụ thuộc; chủ trương thực hiện hợp tác khai thác để tăng hiệu quả sử dụng tài sản.

- Ban hành Quy chế quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; mua sắm, thanh lý tài sản cố định và công cụ, dụng cụ của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

*(iv) Về quản lý vốn đầu tư tại các doanh nghiệp:*

- Chỉ đạo đối với Người đại diện của Tổng công ty tại các công ty con, công ty liên kết biểu quyết, quyết định trong cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đúng theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và quy định của Tổng công ty. Đồng thời có những chủ trương chỉ đạo kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh tại các công ty thành viên.

- Chỉ đạo Người đại diện của Tổng công ty xây dựng phương án tái cơ cấu vốn đầu tư của Tổng công ty tại doanh nghiệp theo phương án cổ phần hóa Tổng công ty đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

*(v) Về tổ chức lao động:*

- Chỉ đạo kiện toàn nhân sự tại các Ban nghiệp vụ Tổng công ty và lãnh đạo tại các chi nhánh/đơn vị phụ thuộc Tổng công ty; rà soát, cử người đại diện của Tổng công ty tại các doanh nghiệp.

- Ban hành Quy định về cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm các Ban nghiệp vụ của Tổng công ty.

- Ban hành Quy chế trả lương, thù lao, trả thưởng và thang, bảng lương theo vị trí, chức danh công việc của người quản lý, người lao động tại Cơ quan Văn phòng và các đơn vị phụ thuộc Tổng công ty.

*(vi) Công tác khác về quản trị doanh nghiệp:*

- Chỉ đạo thực hiện việc quyết toán cổ phần hóa Tổng công ty, bàn giao sang công ty cổ phần.

- Chỉ đạo khẩn trương hoàn tất phương án sử dụng đất theo quy định của pháp luật về sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước trình có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

- Chỉ đạo việc thu hồi các khoản công nợ của Tổng công ty, các đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết.

- Chỉ đạo việc xây dựng đề án sắp xếp lại doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 2133/QĐ-TTg ngày 29/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa Tổng công ty và Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg ngày 02/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2021-2025.

**3. Về hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng giám đốc:**

- Hội đồng quản trị đã giám sát trực tiếp bằng hình thức tham dự các cuộc họp giao ban, sơ, tổng kết của Tổng công ty để chỉ đạo kịp thời việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và các đơn vị.

- Việc chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc theo đúng thẩm quyền, trách nhiệm, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Ban Tổng giám đốc trong thực hiện nhiệm vụ. Qua kiểm tra, giám sát, Hội đồng quản trị đã nắm bắt kịp thời tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và các chi nhánh/đơn vị phụ thuộc và có những chỉ đạo kịp thời đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, hạn chế thấp nhất những rủi ro phát sinh.

**4. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:**

- Trong năm 2021, hoạt động Tổng công ty gặp nhiều khó khăn nhưng Ban Tổng giám đốc đã rất nỗ lực triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các chủ trương từ Hội đồng quản trị, linh hoạt trước những diễn biến của tình hình thực tế phát sinh tại Tổng công ty. Sự phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc luôn được thực hiện chặt chẽ, kịp thời để nắm bắt và xử lý hiệu quả những vấn đề phát sinh và các tình huống cấp thiết.

- Trong công tác điều hành hoạt động hàng ngày, Ban Tổng giám đốc đã thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ, các quy chế của Tổng công ty; đề xuất giải quyết các khó khăn, vướng mắc vì mục đích chung đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, hạn chế tối đa thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông; thực hiện báo cáo Hội đồng quản trị theo quy định.

#### **5. Hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ:**

Hội đồng quản trị đã thành lập Ban Kiểm toán nội bộ (Quyết định số 17/2021/QĐ-LTMN-HĐQT ngày 29/3/2021) và ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ (Quyết định số 19/2021/QĐ-LTMN-HĐQT ngày 31/3/2021). Ban Kiểm toán nội bộ đã hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

#### **6. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị: Không có.**

#### **7. Về các giao dịch với các bên liên quan:**

Được báo cáo trong Báo cáo tình hình quản trị Tổng công ty năm 2021 và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

#### **8. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc**

Thù lao, tiền lương, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; và được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2021 của Tổng công ty được kiểm toán trình Đại hội đồng cổ đông.

## **II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2022**

### **1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:**

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch SXKD năm 2022 trình Đại hội đồng cổ đông. Các chỉ tiêu chính về kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển năm 2022 như sau:

\* Công ty mẹ:

- Tổng doanh thu: 8.520.561 triệu đồng
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 1.600 triệu đồng
- Các khoản nộp ngân sách nhà nước: Theo quy định



- Kế hoạch Đầu tư phát triển năm 2022: 142.349 triệu đồng

\* Hợp nhất:

- Tổng doanh thu: 15.717.036 triệu đồng

- Tổng lợi nhuận trước thuế: 104.655 triệu đồng

## **2. Một số giải pháp thực hiện:**

Để thực hiện hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2022, Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban điều hành Tổng công ty quyết liệt thực hiện các công tác sau đây:

### **2.1. Thực hiện theo mô hình quản lý tập trung, trong đó:**

- Tổ chức kinh doanh lương thực theo phương thức tập trung, tăng cường cạnh tranh, phân chia thị trường, điều phối hoạt động kinh doanh mua bán tại các đơn vị phụ thuộc; tăng cường công tác phát triển thị trường, khách hàng, truyền thông marketing.

- Xây dựng hệ thống kế toán, tài chính tập trung để quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại các đơn vị phụ thuộc, đảm bảo sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả, sử dụng tài sản đúng với hiện trạng, kỹ thuật tài sản được giao, tính đúng giá thành, nâng cao năng lực cạnh tranh của các đơn vị; sử dụng, khai thác có hiệu quả các nguồn lực.

- Thực hiện các giải pháp về tài chính để tăng nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, duy trì quan hệ tín dụng với các ngân hàng thương mại, mở rộng quan hệ với các ngân hàng mới; tăng cường công tác thu hồi nợ.

- Thực hiện quản lý đầu tư tập trung, điều tiết, luân chuyển tài sản hợp lý giữa các đơn vị để tiết kiệm chi phí đầu tư; sử dụng, khai thác có hiệu quả các nguồn lực; rà soát, đánh giá các tài sản không cần dùng, tiến hành thanh lý để thu hồi vốn.

- Tăng cường công tác quản lý vốn đầu tư, giám sát, đánh giá đối với Người đại diện của Tổng công ty tại các doanh nghiệp, nâng cao vai trò, trách nhiệm của Người đại diện trong công tác quản lý vốn đầu tư của Tổng công ty.

- Sắp xếp, kiện toàn tổ chức lại bộ máy tại các đơn vị phụ thuộc có đủ điều kiện năng lực tổ chức SXKD theo hướng tập trung, hiệu quả theo cơ chế khoán sản lượng, chi phí quản lý, chi phí hoạt động; xây dựng bộ máy tổ chức, nhân sự toàn Tổng công ty theo hướng tinh gọn, hoạt động có hiệu quả, bộ máy lãnh đạo đoàn kết, thống nhất, đồng lòng vì sự phát triển chung của toàn Tổng công ty.

- Thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí hoạt động SXKD.

2.2. Tăng cường thu hồi nợ. Đối với các vụ án đã có phán quyết của Tòa án chủ động tranh thủ sự hỗ trợ của cơ quan thi hành án địa phương để thu hồi nợ.



2.3. Hoàn tất việc quyết toán tại thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần, bàn giao sang công ty cổ phần.

2.4. Về phương án sử dụng đất: Căn cứ Quyết định số 161/QĐ-UBQLV ngày 22/4/2022 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp về việc giữ lại tiếp tục sử dụng đối với nhà, đất của Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (Doanh nghiệp cấp I), khẩn trương thực hiện hoàn thiện hồ sơ pháp lý về nhà, đất và thực hiện quản lý, sử dụng nhà, đất theo quy định của pháp luật. Đồng thời, tiếp tục thực hiện để hoàn tất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất theo Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 và Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ đối với các cơ sở nhà, đất theo các văn bản số 506/UBQLV-NN, 507/UBQLV-NN và 508/UBQLV-NN ngày 22/4/2022 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2.5. Hoàn thành việc sắp xếp lại doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 2133/QĐ-TTg ngày 29/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa Tổng công ty và theo Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg ngày 02/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Tiêu chí phân loại doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, thoái vốn giai đoạn 2021-2025.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và phương hướng hoạt động năm 2022.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Huy Hưng**

## PHỤ LỤC

### Các cuộc họp và các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

(Kèm theo văn bản số ...../BC-LTMN-HĐQT ngày ..../4/2022)

#### 1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị năm 2021

Hội đồng quản trị (HĐQT) bao gồm 05 thành viên và đã tổ chức 21 cuộc họp, cụ thể như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Võ Thanh Hà (Đến ngày 22/10/2021)	Chủ tịch	15	100%
	Ông Nguyễn Huy Hưng (Từ ngày 22/10/2021)		6	
2	Bà Nguyễn Thị Hoài	Thành viên	21	100%
3	Ông Nguyễn Ngọc Nam	Thành viên	21	100%
4	Ông Bạch Ngọc Văn (Đến ngày 22/10/2021)	Thành viên	15	100%
	Ông Nguyễn Tiến Dũng (Từ ngày 22/10/2021)	Thành viên	6	100%
5	Ông Đỗ Ngọc Khanh (Đến ngày 22/10/2021)	Thành viên	15	100%
	Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân (Từ ngày 22/10/2021)	Thành viên	6	100%

#### 2. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2021

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
I	NGHỊ QUYẾT		
1	01/2021/NQ-LTMN-HĐQT	27/01/2021	Về việc các nội dung chỉ đạo Tổ đại diện của Tổng công ty tại Công ty CP Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau
2	02/2021/NQ-LTMN-HĐQT	01/02/2021	Vv kế hoạch hỗ trợ thu nhập dịp Nguyên đán 2021 cho người lao động Công ty mẹ - TCT
3	03/2021/NQ-LTMN-HĐQT	24/02/2021	Vv hỗ trợ Công ty Trà Vinh trả nợ vay đến hạn.
4	04/2021/NQ-LTMN-HĐQT	05/03/2021	Nghị quyết về việc chuyển xếp hệ số lương

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			Người quản lý chuyên trách công ty mẹ Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần
5	05/2021/NQ-LTMN-HĐQT	09/03/2021	Vv thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ của TCT LTMN-CTCP
6	06/2021/NQ-LTMN-HĐQT	09/03/2021	Về một số nội dung họp HĐQT ngày 8/3/2021
7	07/2021/NQ-LTMN-HĐQT	10/03/2021	Vv gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
8	08/2021/NQ-LTMN-HĐQT	11/03/2021	Vv chấp thuận miễn chức vụ Giám đốc Ban Thanh tra pháp chế TCT Lương thực miền Nam - CTCP
9	09/2021/NQ-LTMN-HĐQT	12/03/2021	Về việc hạn mức tín dụng năm 2021 của Công ty cp Xuất nhập khẩu Kiên Giang
10	10/2021/NQ-LTMN-HĐQT	18/03/2021	Vv các nội dung đề Người đại diện vốn của TCT có ý kiến, biểu quyết tại họp HĐQT, ĐHĐCĐ của Công ty cổ phần SG Lương thực
11	11/2021/NQ-LTMN-HĐQT	22/03/2021	Vv các nội dung đề Người đại diện vốn của TCT có ý kiến, biểu quyết tại họp HĐQT, ĐHĐCĐ năm 2021 của Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco
12	12/2021/NQ-LTMN-HĐQT	22/03/2021	Vv bảo lãnh thanh toán thực hiện hợp đồng phân phối sản phẩm vinamilk cho Công ty Lương thực Sông Hậu
13	13/2021/NQ-LTMN-HĐQT	29/03/2021	Vv chủ trương giải thể chi nhánh Gia Lai của Công ty cổ phần Lương thực Bình Định
14	14/2021/NQ-LTMN-HĐQT	02/04/2021	Vv ký kết thỏa thuận dịch vụ với công ty SSOE
15	15/2021/NQ-LTMN-HĐQT	14/04/2021	Vv các nội dung đề NDD của TCT có ý kiến biểu quyết tại HĐQT, ĐHĐCĐ của Công ty CP Sài Gòn Lương thực
16	16/2021/NQ-LTMN-HĐQT	22/04/2021	Vv ủy quyền sử dụng hạn mức tín dụng năm 2021 cho công ty Bột mì Bình Đông
17	17/2021/NQ-LTMN-HĐQT	26/04/2021	Về việc các nội dung đề Người đại diện của Tổng công ty có ý kiến, biểu quyết tại họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm An Giang
18	18/2021/NQ-LTMN-HĐQT	27/04/2021	Vv hỗ trợ cho NLD dịp lễ Giỗ Tổ Hùng Vương (10/3AL), Thống nhất đất nước (30/4) và Quốc tế lao động (01/5) năm 2021
19	19/2021/NQ-LTMN-HĐQT	28/04/2021	Về việc các nội dung đề Người đại diện của Tổng công ty có ý kiến, biểu quyết tại họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
20	20/2021/NQ-LTMN-HĐQT	04/05/2021	Về việc các nội dung đề Người đại diện của Tổng công ty có ý kiến, biểu quyết tại họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			2021 của Công ty cổ phần Bao Bì Tiền Giang
21	21/2021/NQ-LTMN-HĐQT	05/05/2021	Vv công tác nhân sự lãnh đạo quản lý tại Công ty Lương thực Thực phẩm An Giang
22	22/2021/NQ-LTMN-HĐQT	06/05/2021	Về một số nội dung Hội đồng Quản trị ngày 06/5/2021
23	23/2021/NQ-LTMN-HĐQT	10/05/2021	Vv ủy quyền sử dụng hạn mức tín dụng cho Công ty Lương thực Long An
24	24/2021/NQ-LTMN-HĐQT	11/05/2021	Vv báo cáo tình hình quản trị Tổng công ty năm 2020
25	25/2021/NQ-LTMN-HĐQT	24/05/2021	Vv công tác nhân sự tại Công ty NSTP Trà Vinh
26	26/2021/NQ-LTMN-HĐQT	17/06/2021	Về việc các nội dung đề Người đại diện của Tổng công ty biểu quyết tại cuộc họp HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm (Mecofood)
27	27/2021/NQ-LTMN-HĐQT	17/06/2021	Về việc các nội dung đề Người đại diện của Tổng công ty biểu quyết tại cuộc họp HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Lương thực và Bao bì Đồng Tháp
28	28/2021/NQ-LTMN-HĐQT	22/06/2021	Về việc các nội dung đề Người đại diện của Tổng công ty biểu quyết tại cuộc họp HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 tại Công ty cổ phần Lương thực Bình Định
29	29/2021/NQ-LTMN-HĐQT	29/06/2021	Về việc công tác nhân sự tại Công ty cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm
30	30/2021/NQ-LTMN-HĐQT	29/06/2021	Về việc các nội dung đề Người đại diện của Tổng công ty biểu quyết trong cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
31	31/2021/NQ-LTMN-HĐQT	01/07/2021	Vv họp các nội dung đề Người đại diện của Tổng công ty biểu quyết trong cuộc họp HĐQT, ĐHCĐCD của Công ty CP XNK NSTP Cà Mau
32	32/2021/NQ-LTMN-HĐQT	01/07/2021	Vv họp các nội dung đề Người đại diện của Tổng công ty biểu quyết trong cuộc họp HĐQT, ĐHCĐCD thường niên 2021 của Công ty CP Sài Gòn Lương thực (Công ty SJFood)
33	34/2021/NQ-LTMN-HĐQT	07/07/2021	Về việc chỉ đạo Người đại diện của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Bao bì Tiền Giang về nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ và các quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
34	35/2021/NQ-LTMN-HĐQT	12/07/2021	Về một số nội dung họp HĐQT ngày 12/7/2021
35	36/2021/NQ-LTMN-HĐQT	06/08/2021	Về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
36	37/2021/NQ-LTMN-HĐQT	02/08/2021	Vv công tác nhân sự Phó TGD Tổng công ty
37	38/2021/NQ-LTMN-HĐQT	12/08/2021	Phiên họp HĐQT ngày 12/8/2021
38	39/2021/NQ-LTMN-HĐQT	12/08/2021	Về việc ủy quyền sử dụng hạn mức tín dụng để vay vốn trung dài hạn tại HDBank của Công ty



TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			Lương thực Đồng Tháp
39	40/2021/NQ-LTMN-HĐQT	12/08/2021	Về hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Sài Gòn
40	41/2021/NQ-LTMN-HĐQT	12/08/2021	Về việc bảo lãnh cho Công ty Lương thực Long An vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang
41	42/2021/NQ-LTMN-HĐQT	24/08/2021	Phiên họp HĐQT ngày 23.8.2021
42	43/2021/NQ-LTMN-HĐQT	25/08/2021	Vv công tác nhân sự tại một số đơn vị trực thuộc TCT
43	44/2021/NQ-LTMN-HĐQT	31/08/2021	Về việc công tác nhân sự tại Ban Tài chính Tổng công ty Lương thực miền Nam - CTCP
44	45/2021/NQ-LTMN-HĐQT	08/09/2021	Về chủ trương huy động nguồn vốn từ các công ty thành viên của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần
45	46/2021/NQ-LTMN-HĐQT	09/09/2021	Về việc các nội dung đề Người đại diện của Tổng công ty biểu quyết trong cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm An Giang
46	47/2021/NQ-LTMN-HĐQT	16/09/2021	Về việc duyệt nội dung tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông
47	48/2021/NQ-LTMN-HĐQT	20/09/2021	Về việc các nội dung đề Người đại diện của Tổng công ty có ý kiến, biểu quyết tại họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Lương thực thực phẩm Colusa - Miliket
48	49/2021/NQ-LTMN-HĐQT	29/09/2021	Về việc tổ chức thực hiện kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông
49	50/2021/NQ-LTMN-HĐQT	01/10/2021	Về việc duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2021
50	51/2021/NQ-LTMN-HĐQT	18/10/2021	Về việc chủ trương bán đấu giá thanh lý tài sản trên đất là Kho A1 Mỏ Cà để trả lại đất cho địa phương
51	52/2021/NQ-LTMN-HĐQT	20/10/2021	Về việc các nội dung chỉ đạo Người đại diện của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Xây lắp cơ khí và Lương thực Thực phẩm về công tác nhân sự
52	53/2021/NQ-LTMN-HĐQT	21/10/2021	Về việc thông qua báo cáo thường niên năm 2020 của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần
53	54/2021/NQ-LTMN-HĐQT	22/10/2021	Vv bầu Chủ tịch HĐQT và cử Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần
54	55/2021/NQ-LTMN-HĐQT	01/11/2021	Vv chủ trương cho thuê một phần diện tích của tòa nhà VP Tổng công ty



TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
55	56/2021/NQ-LTMN-HĐQT	03/11/2021	Phiên họp họp HĐQT ngày 03/11/2021
56	57/2021/NQ-LTMN-HĐQT	15/11/2021	Vv nghiên cứu dự án chuyển đổi Giai đoạn 2 của dự án Chợ chuyên doanh lúa gạo Thốt Nốt;
57	58/2021/NQ-LTMN-HĐQT	15/11/2021	Vv phương án chuyển nhượng vốn của Tổng Công ty tại Công ty CP XNK NSTP An Giang (AFIEX);
58	59/2021/NQ-LTMN-HĐQT	15/11/2021	Vv chủ trương sửa chữa Văn phòng Tổng Công ty;
59	60/2021/NQ-LTMN-HĐQT	06/12/2021	Vv chủ trương lựa chọn thêm 01 đơn vị tư vấn thẩm định giá và xác định giá khởi điểm cổ phiếu AFX của Tổng công ty tại Cty CP XNK NSTP An Giang
60	61/2021/NQ-LTMN-HĐQT	30/12/2021	Vv thông qua mẫu Hợp đồng lao động
<b>II</b>	<b>QUYẾT ĐỊNH</b>		
1	01/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	14/01/2021	Về việc kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện công tác bàn giao chức danh Chủ tịch HĐQT, Người địa diện theo PL, TGD TCT
2	02/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	29/01/2021	Về việc phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành tại Công ty Lương thực Sông Hậu
3	03/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	03/02/2021	Về việc miễn nhiệm và cử người đại diện của Tổng công ty Lương thực miền Nam tại Công ty CP XNK NSTP An Giang.
4	04/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	01/03/2021	Vv miễn nhiệm Người đại diện của TCT Lương thực miền Nam -CTCP tại Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa-Miliket
5	05/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	01/03/2021	Vv cử đại diện phần vốn của TCT Lương thực miền Nam -CTCP tại Công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Colusa-Miliket
6	06/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	09/03/2021	Vv cử đại diện phần vốn của TCT Lương thực miền Nam -CTCP tại Công ty TNHH Lương thực Thực phẩm Cambodia- Việt Nam (CAVIFOODS)
7	07/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	12/03/2021	Vv chuyển xếp hệ số lương Người quản lý chuyên trách công ty mẹ ( Ông Trần Vĩnh Thanh)
8	08/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	12/03/2021	Vv chuyển xếp hệ số lương Người quản lý chuyên trách công ty mẹ (Nguyễn Tuấn Vinh)
9	09/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	12/03/2021	Vv chuyển xếp hệ số lương Người quản lý chuyên trách công ty mẹ (Lê Thị Thảo)
10	10/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	12/03/2021	Vv chuyển xếp hệ số lương Người quản lý chuyên trách công ty mẹ (Trần Tấn Đức)
11	11/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	12/03/2021	Vv chuyển xếp hệ số lương Người quản lý chuyên trách công ty mẹ (Bạch Ngọc Văn)
12	12/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	12/03/2021	Vv chuyển xếp hệ số lương Người quản lý chuyên trách công ty mẹ (Nguyễn Thị Hoài)
13	13/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	12/03/2021	Vv chuyển xếp hệ số lương Người quản lý chuyên trách công ty mẹ (Nguyễn Ngọc Nam)

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
14	14/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	12/03/2021	Vv chuyển xếp hệ số lương Người quản lý chuyên trách công ty mẹ (Võ Thanh Hà)
15	15/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	19/03/2021	Ban hành Quy định về cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm các Ban nghiệp vụ của Tổng công ty Lương thực miền Nam -CTCP
16	16/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	22/03/2021	Vv thành lập BTC ĐHCĐ thường niên 2021 Tổng công ty Lương thực miền Nam.
17	17/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	29/03/2021	Về việc thành lập Ban Kiểm toán nội bộ TCT
18	18/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	30/03/2021	Về việc điều động nhân sự cho Ban kiểm toán nội bộ TCT
19	19/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	31/03/2021	Quyết định Ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ
20	20/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	07/04/2021	Vv miễn nhiệm và cử người đại diện của TCT tại CT CP Bao Bì Tiền Giang
21	21/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	07/04/2021	Vv thay đổi Người đại diện của TCT tại công ty CP Bột mì Bình An
22	22/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	13/04/2021	Vv ban hành Quy chế quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; mua sắm, thanh lý tài sản cố định và công cụ, dụng cụ của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty CP
23	23/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	13/04/2021	Vv chấp thuận chủ trương đầu tư một số hạng mục cần thực hiện sớm tại Công ty Bột mì Bình Đông, Công ty Lương thực Sóc Trăng, Công ty Lương thực Sông Hậu và Công ty Lương thực Vĩnh Long
24	24/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	13/04/2021	Vv chấp thuận chủ trương đầu tư sớm một số hạng mục cần thực hiện tại Công ty LT TP An Giang, Công ty LT Long An, CT Lương thực Sông Hậu, Chi nhánh Thốt Nốt, Công ty Lương thực Tiền Giang và Công ty Nông Sản Thực Phẩm Tiền Giang
25	25/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	22/04/2021	Vv phê duyệt điều chỉnh tiến độ thực hiện Dự án Kho lương thực Khánh Hưng
26	26/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	26/04/2021	Vv cử Người đại diện của Tổng công ty Lương thực miền Nam tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản thực phẩm An Giang
27	27/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	28/04/2021	Vv cử Người đại diện của Tổng công ty Lương thực miền Nam tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
28	28/2021/QĐ-LTMN-HQĐT	25/05/2021	Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật (Hệ thống máy tách màu 10 - 14 tấn gạo/giờ tại Xí nghiệp chế biến lương thực số 1 - Công ty Lương thực Long An)
29	29/2021/QĐ-LTMN-HQĐT	25/05/2021	Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật (Hệ thống máy tách màu 10 - 14 tấn gạo/giờ tại Xí nghiệp chế biến lương thực số 1 - Công ty Lương thực Long An)

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
30	30/2021/QĐ-LTMN-HQĐT	07/06/2021	VV điều chỉnh Ngày truyền thống Tổng công ty Lương thực miền Nam
31	31/2021/QĐ-LTMN-HQĐT	17/06/2021	Về công tác nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Công ty cổ phần Lương thực và Bao bì Đồng Tháp
32	32/2021/QĐ-LTMN-HQĐT	22/06/2021	Về việc chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét bán niên và kiểm toán BCTC năm 2021 của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần
33	33/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	29/06/2021	Vv phê duyệt chủ trương thực hiện cải tạo, sửa chữa thay mái tole các xí nghiệp thuộc công ty Lương thực Trà Vinh
34	34/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	30/06/2021	VV công tác nhân sự tại công ty cổ phần Lương thực Thực phẩm Vĩnh Long
35	35/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	01/07/2021	Vv công tác nhân sự tại Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu nông sản thực phẩm Cà Mau
36	36/2021/Q-LTMN-HĐQT	01/07/2021	Vv cử người Đại diện của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần tại Công ty CP Lương.
37	37/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	06/08/2021	Vv công tác nhân sự tại Công ty cổ phần Sài Gòn Lương thực
38	38/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	10/08/2021	về việc công tác nhân sự Phó Tổng giám đốc
39	39/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	20/09/2021	Về việc miễn nhiệm, thay thế Người đại diện của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Lương thực thực phẩm Colusa-Miliket
40	40/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	21/10/2021	Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư hạng mục cấp thiết phục vụ cho sản xuất kinh doanh của Công ty Lương thực Long An
41	41/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	21/10/2021	Về việc phê duyệt chủ trương điều chỉnh hạng mục: Đầu tư cầu trục cố định sức nâng 40 - 45 tấn đã qua sử dụng của Công ty Lương thực Sông Hậu
42	42/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	21/10/2021	Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (Dự án Kho Lương thực Tam Bình- Công ty Lương thực Vĩnh Long)
43	43/2021/QĐ-LTMN-HĐTQ	25/10/2021	Vv ban hành Quy chế tạm thời phân quyền, ủy quyền và phối hợp HĐQT, NĐD theo PL và TGD Tổng công ty lương thực miền Nam - CTCP
44	44/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	05/11/2021	Vv thành lập Văn phòng Tổng công ty
45	45/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	15/11/2021	Vv phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Lương thực miền Nam- Công ty cổ phần;
46	46/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	15/11/2021	Vv thành lập Ban đổi mới và phát triển doanh nghiệp (thuộc Tổng Công ty Lương thực miền Nam- Công ty cổ phần);
47	48/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	23/11/2021	Vv miễn nhiệm, thay thế Người đại diện của Tổng Công ty tại Công ty CP Tô Châu;

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
48	49/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	23/11/2021	Vv thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 của Tổng Công ty Lương thực miền Nam-VINAFOOD II;
49	50/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	23/11/2021	Vv miễn nhiệm, thay thế Người đại diện của Tổng Công ty tại Công ty CAVIFOODS.
50	51/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	06/12/2021	Vv ban hành Quy chế trả lương, thù lao, trả thưởng và Thang, bảng lương theo vị trí, chức danh công việc của người quản lý, người lao động tại Cơ quan Văn phòng và các đơn vị phụ thuộc Tổng công ty, áp dụng từ ngày 01/01/2020
51	52/2021/QĐ-LTMN-HĐQT	10/12/2021	Vv thành lập và sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy các Ban nghiệp vụ Tổng công ty Lương thực miền Nam-Công ty cổ phần





# TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
MSDN: 0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

Số: /BC- LTMN-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2022

**Dự thảo**

## **BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT Kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc năm 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông  
Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần;*

*Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.*

Ban kiểm soát (BKS) báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (Tổng công ty) về kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT), Tổng giám đốc trong năm 2021 với các nội dung sau:

### **A. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021**

#### **I. Tổng quan thị trường**

##### **1. Tình hình chung**

Năm 2021, Việt Nam đối mặt với sự tác động nghiêm trọng của cuộc khủng hoảng toàn cầu cả về y tế, kinh tế, xã hội, nhất là tác động của dịch bệnh Covid - 19 bùng phát lần thứ 4. Về cơ bản, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát. Tuy nhiên, do ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid - 19, Kinh tế vĩ mô tiềm ẩn một số rủi ro; sức ép lạm phát tăng; xuất khẩu giảm tốc trong khi giá hàng hóa nhập khẩu tăng mạnh; xuất hiện tình trạng đứt gãy một số chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng, lưu thông hàng hóa có lúc, có nơi ách tắc cục bộ, đặc biệt là vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Theo thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan Việt Nam đến ngày 08/12/2021 lượng gạo xuất khẩu đã thông quan đạt 5.921.000 tấn (cùng kỳ 5.792.000 tấn), tăng nhẹ so với năm 2020.

Đến nay, tình hình dịch bệnh đã cơ bản được kiểm soát trên phạm vi cả nước, nhưng vẫn còn diễn biến phức tạp, khó lường.

##### **2. Tình hình của Tổng công ty**



Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế và do tác động của dịch bệnh Covid - 19, hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Tổng công ty có những thuận lợi - khó khăn như sau:

### **2.1. Thuận lợi**

- Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) ngày 12/10/2021 dự báo thị trường gạo thế giới niên vụ 2020/2021 về nhu cầu tiêu thụ và thương mại toàn cầu dự báo tăng nhẹ so năm 2020, cũng có yếu tố tác động của dịch bệnh Covid - 19 còn diễn biến phức tạp trên phạm vi toàn cầu; cụ thể là: Tiêu thụ gạo toàn cầu tăng thêm 1,20 triệu tấn và ở mức 500,40 triệu tấn, trong đó các nước tăng lượng tiêu thụ nhiều hơn là: Nigeria, Saudi Arabia,...; Thương mại gạo toàn cầu tăng thêm 01 triệu tấn và ở mức 45,3 triệu tấn; Tồn kho toàn cầu dự kiến giảm 0,80 triệu tấn, nhưng vẫn ở mức kỷ lục 179 triệu tấn (trong đó, lượng tồn kho lớn nhất chủ yếu là Trung Quốc chiếm 65%, Ấn Độ chiếm 17% tổng lượng).

- Sản xuất lúa trong nước được duy trì và phát triển ổn định; tính riêng vùng ĐBSCL (theo báo cáo của Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp & PTNT) sản lượng lúa năm 2021 ước đạt 24,33 triệu tấn, tăng 510,39 ngàn tấn so năm 2020, đảm bảo đủ nguồn cung lúa, gạo hàng hóa cho xuất khẩu.

### **2.2. Khó khăn**

- Chính sách xuất nhập khẩu gạo của các nước, nhất là các thị trường chính của Việt Nam không ổn định, có nhiều thay đổi, theo khuynh hướng tự do hóa thương mại, không còn hợp đồng tập trung. Tổng công ty không còn được lợi thế là doanh nghiệp đầu mối tập trung luân phiên như trước đây và thị trường, khách hàng thương mại của Tổng công ty chỉ mới được khai thác và phát triển sau cổ phần hóa đến nay nên sản lượng bán ra, doanh thu còn rất hạn chế.

- Dịch bệnh Covid - 19 vẫn diễn biến rất phức tạp, khó lường trên phạm vi toàn cầu, xuất hiện liên tục các biến chủng mới, tốc độ lây nhiễm nhanh; trong nước dịch bệnh bùng phát lần thứ 4, từ trung tuần tháng 4/2021 với diễn biến ngày càng nghiêm trọng, nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính phủ, làm cho chuỗi cung ứng toàn cầu bị ảnh hưởng nặng nề, chuỗi sản xuất - lưu thông - cung ứng trong nước có nơi bị đứt gãy, nhất là các tỉnh vùng ĐBSCL, đã tác động đến thị trường, mặt bằng giá xuất khẩu và hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh phụ thuộc hoàn toàn vào vốn vay ngân hàng làm mất đi tính chủ động trong hoạt động SXKD.

Với những thuận lợi, khó khăn trên, Tổng công ty đã tập trung chỉ đạo, điều hành, huy động mọi nguồn lực để triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; tuy nhiên, thực hiện năm 2021 không đạt mục tiêu kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

## **II. Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2021**

### **1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu**

#### **1.1. Công ty mẹ**

##### **a) Kết quả kinh doanh**

Stt	Chỉ tiêu	Báo cáo tài chính riêng		Tỷ lệ (% so 2020)
		Năm 2020	Năm 2021	
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>9.548.525.481.722</b>	<b>7.779.636.985.996</b>	<b>-19%</b>
	- Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ	9.444.931.421.578	7.676.859.932.284	-19%
	- Doanh thu tài chính	83.348.555.925	88.142.921.472	6%
	- Thu nhập khác	20.245.504.219	14.634.132.240	-28%
	- Lãi trong Công ty liên doanh, liên kết	0	0	
<b>2</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>9.820.328.785.064</b>	<b>8.131.725.009.971</b>	<b>-17%</b>
	- Giá vốn hàng hàng	9.086.059.956.939	7.440.437.286.389	-18%
	- Chi phí tài chính	148.469.015.245	128.995.993.197	-13%
	- Chi phí bán hàng	326.372.734.544	323.094.461.734	-1%
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	206.116.513.323	189.335.611.605	-8%
	- Chi phí khác	53.310.565.013	49.861.657.046	-6%
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(271.803.303.342)</b>	<b>(352.088.023.975)</b>	<b>30%</b>
4	Thuế TNDN hiện hành	0	0	
5	Thuế thu nhập được hoãn lại	0	0	
<b>6</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>(271.803.303.342)</b>	<b>(352.088.023.975)</b>	<b>30%</b>

*b) Sản lượng thực hiện so với cùng kỳ*

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ (% so 2020)
<b>I</b>	<b>MUA VÀO</b>				
1	Lúa, gạo qui gạo	Tấn	523.376	679.148	77,06
2	Lúa mì	Tấn	36.185	36.309	99,66
3	Xăng, dầu, nhớt	Ngàn lít	2.416	3.068	78,76
4	Xe Honda	Chiếc	5.126	6.029	85,02
<b>II</b>	<b>BÁN RA</b>				
1	Gạo (a + b)	Tấn	<b>459.970</b>	<b>666.523</b>	<b>69,01</b>
	a. Xuất khẩu	Tấn	331.325	384.149	86,25
	b. Tiêu thụ nội địa	Tấn	128.645	282.374	45,56
2	Bột mì	Tấn	23.639	20.093	117,65
3	Thực phẩm CB	Tấn	925	772	119,77
4	Bao bì	Ngàn cái	2.023	3.311	61,08
5	Xăng, dầu, nhớt	Ngàn lít	2.416	3.044	79,38
6	Nước khoáng	Ngàn lít	14.315	15.532	92,16
7	Xe Honda	Chiếc	4.952	6.118	80,94

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2021	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ (% so 2020)
<b>III</b>	<b>Kim ngạch XNK</b>	<b>1000 USD</b>			
	- Xuất khẩu	1000 USD	169.368	180.564	93,80
	- Nhập khẩu	1000 USD	8.334	4.942	168,66
<b>IV</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	Triệu đồng	<b>7.779.637</b>	<b>9.548.525</b>	<b>81,47</b>
<b>V</b>	<b>Lợi nhuận</b>	Triệu đồng	<b>-352.088</b>	<b>-271.803</b>	

*c) Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu*

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
<b>Đánh giá về hiệu quả hoạt động</b>		
ROE (L/N sau thuế/ VCSH)	(0,025)	(0,050)
ROS (Tỷ suất LN/D.thu)	-2,878%	-4,586%
Doanh thu thuần	9.444.931.421.578	7.676.859.932.284
% thay đổi doanh thu	(0,055)	(0,187)
Tỷ lệ giá vốn (%)	96,200	96,920
Tỷ lệ lợi nhuận gộp (%)	3,800	3,080
Tỷ lệ chi phí bán hàng quản lý (%)	5,638	6,675
<b>Chỉ số về hiệu quả quản lý tài sản</b>		
ATO (Tỷ lệ tài sản / Doanh thu)	0,523	0,605
Tổng tài sản	4.941.675.605.290	4.644.567.222.642
Tài sản cố định	1.941.804.412.275	1.726.747.918.324
Vốn lưu động ròng	(14.319.131.952)	(101.790.241.923)
Tình trạng chiếm dụng vốn	(586.751.525.174)	(549.557.324.583)
Số ngày các khoản phải thu	19,50	21,63
Số ngày hàng tồn kho	21,11	30,64
Số ngày các khoản phải trả	9,29	9,21
<b>Chu kỳ kinh doanh</b>	<b>40,61</b>	<b>52,27</b>
<b>Chỉ số về thanh toán và hiệu quả quản lý nợ</b>		
ALEV (Tổng TS/ VCSH)	1,685	1,800
Chỉ tiêu thanh toán hiện thời	0,990	0,931
Chỉ tiêu thanh toán nhanh	0,211	0,124
Chỉ tiêu thanh toán ngắn hạn	2,459	2,250
Tỷ lệ đòn bẩy (Tổng nợ/Tổng tài sản)	0,407	0,444
Tỷ lệ vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,593	0,556
Tỷ lệ Vay ngắn hạn/Tổng tài sản	0,195	0,233
Tỷ lệ vay dài hạn/Tổng tài sản	0,001	0,001
(Vay dài hạn + Vốn CSH)/ TSCĐ	1,513	1,498

**1.2. Tổng hợp toàn Tổng công ty**

Stt	Chỉ tiêu	Báo cáo tài chính hợp nhất		Tỷ lệ (% so 2020)
		Năm 2020	Năm 2021	
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>16.726.312.499.150</b>	<b>16.718.643.066.342</b>	<b>0%</b>

Stt	Chỉ tiêu	Báo cáo tài chính hợp nhất		Tỷ lệ (% so 2020)
		Năm 2020	Năm 2021	
	- Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ	16.552.851.285.923	16.540.580.531.022	0%
	- Doanh thu tài chính	95.628.922.532	86.983.082.757	-9%
	- Thu nhập khác	71.275.274.138	88.997.647.383	25%
	- Lãi trong Công ty liên doanh, liên kết	6.557.016.557	2.081.805.180	-68%
<b>2</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>16.936.421.837.781</b>	<b>17.013.012.072.864</b>	<b>0%</b>
	- Giá vốn hàng bán	15.559.303.110.083	15.594.218.998.619	0%
	- Chi phí tài chính	177.672.197.244	163.512.757.735	-8%
	- Chi phí bán hàng	700.091.195.552	817.169.449.067	17%
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	409.411.184.851	373.193.539.168	-9%
	- Chi phí khác	89.944.150.051	64.917.328.275	-28%
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(210.109.338.631)</b>	<b>(294.369.006.522)</b>	<b>40%</b>
4	Thuế TNDN hiện hành	21.002.940.476	18.489.266.451	-12%
5	Thuế thu nhập được hoãn lại	7.835.340.209	4.635.585.530	-41%
<b>6</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>(238.947.619.316)</b>	<b>(317.493.858.503)</b>	<b>33%</b>

Thuyết minh kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu (Công ty mẹ)

- Về sản lượng bán ra

Ngoài các mặt hàng: bột mì, thực phẩm chế biến sản lượng bán ra tăng hơn so năm 2020 với tỷ lệ tăng lần lượt là 17,65% và 19,77%; các mặt hàng còn lại sản lượng bán ra đều giảm so cùng kỳ, riêng mặt hàng chính là gạo bán ra được 459.970 tấn, giảm 30,99% so năm 2020, trong đó:

+ Xuất khẩu trực tiếp: 331.325 tấn, giảm 13,75%.

+ Tiêu thụ nội địa: 128.645 tấn, giảm 54,56%.

- Về hiệu quả sản xuất kinh doanh

+ Tổng doanh thu: 7.779.637 triệu đồng, đạt 81,47% so năm 2020.

+ Lợi nhuận (trước thuế): - 352.088 triệu đồng.

- Tính đến thời điểm 31/12/2021:

+ Vốn góp của chủ sở hữu (vốn cổ phần): 5.000 tỷ

+ Lỗ lũy kế: 2.651 tỷ

Trong đó: Lỗ lũy kế đến cuối năm trước: 2.299,6 tỷ

Lỗ năm 2021 (sau thuế): 352,088 tỷ

Như vậy, Tổng công ty đã thâm hụt vốn 2.651 tỷ. Hệ số bảo toàn vốn năm 2021 là 0,8799 < 1.

### 1.3. Đánh giá nguyên nhân hoạt động kinh doanh không hiệu quả, bị lỗ

Nguyên nhân chủ yếu: (i) Thiếu vốn để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, ảnh hưởng đến hoạt động mua vào, (ii) Bộ máy kinh doanh yếu và thiếu nhân sự, đặc



biệt ở các đơn vị phụ thuộc, rất bị động trong kinh doanh, (iii) Tổng công ty mới khai thác và phát triển thị trường thương mại (từ sau cổ phần hóa đến nay) nên thị phần còn thấp, sản lượng bán ra, doanh thu còn hạn chế, (iv) Giá thành sản phẩm sản xuất của đơn vị cao, không đủ năng lực cạnh tranh; thể hiện ở các yếu tố sau:

a) Nguồn vốn, định phí.

- Từ 2018 - 2021 kinh doanh liên tục bị thua lỗ, Tổng công ty phải hoạt động trong bối cảnh thiếu vốn lưu động, hiện đang phụ thuộc hoàn toàn vào vốn vay tín dụng. Tổng công ty chịu gánh nặng chi phí tài chính đối với phần vốn thiếu hụt không phục vụ hoạt động do xử lý tài chính.

- Sau cổ phần hóa Tổng công ty phải trích lập dự phòng cho các tồn tại của giai đoạn trước đó với số tiền phải trích lập 1.769,8 tỷ đồng, Vốn góp của chủ sở hữu sau khi cổ phần hóa là 5.000 tỷ đồng, trong đó 1.237 tỷ đồng dùng để đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên kết... tài sản cố định là 1.768 tỷ đồng, ngoài ra còn khoản nợ phải thu khó đòi từ giai đoạn trước để lại là 1.332 tỷ đồng, dẫn tới việc Tổng công ty gặp khó khăn về dòng tiền, thiếu vốn để thu mua, trong khi một số ngân hàng thương mại rất thận trọng trong việc cấp hạn mức tín dụng đối với Tổng công ty và mặc dù có hạn mức nhưng mức cho vay cũng hạn chế, thậm chí không cho vay.

- Việc tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng còn hạn chế, có nhiều khó khăn như: thời hiệu hợp đồng tín dụng ngắn, một số ngân hàng không cho vay mua hàng nội địa, phải chứng minh có hợp đồng xuất khẩu mới giải ngân và cũng do nguồn vốn có hạn nên mức độ giải ngân còn hạn chế; việc tái cấp lại hạn mức tín dụng chưa đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

b) Thị trường, nguồn cung

- Thị trường năm 2020, 2021 diễn biến phức tạp, khó lường, do chính sách xuất nhập khẩu gạo các thị trường chính của Việt Nam không sự ổn định, có nhiều thay đổi, bất lợi cho hoạt động kinh doanh gạo; hệ thống logistics toàn cầu bị ảnh hưởng nặng nề, cước vận chuyển tăng đột biến; tình hình lưu thông hàng hóa hạn chế ảnh hưởng đến công tác thu mua, sản xuất, chế biến và nguồn cung sản phẩm.

- Đặc biệt chính sách nhập khẩu gạo của Philippines và Trung Quốc không rõ ràng khiến việc dự báo cung cầu gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.

c) Về giá thành sản phẩm

Chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm cao hơn so giá thị trường cùng thời điểm với định phí hoạt động kinh doanh lớn, bình quân 600 tỷ đồng/năm làm cho giá thành SXKD không cạnh tranh với thị trường dẫn đến sản lượng sụt giảm, mất thị trường, khách hàng. Đặc biệt năm 2020, 2021 ảnh hưởng trực tiếp của dịch bệnh Covid-19, với qui mô sản xuất của Tổng công ty quá lớn, nhiều nhà máy phải ngưng hoạt động chi phí phòng chống dịch phát sinh làm ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm, giảm sức cạnh tranh trên thị trường.

d) Đầu tư

- Các nhà máy được đầu tư khá lâu với quy mô lớn nhưng thiếu đồng bộ, đến nay đã xuống cấp, công nghệ lạc hậu, hiệu suất sử dụng rất thấp so công suất thiết kế, không đáp ứng yêu cầu chế biến gạo thơm, gạo cấp cao của thị trường hiện nay.



- Việc đầu tư, nâng cấp máy, thiết bị hiện đang triển khai thực hiện nhưng còn manh mún, tiến độ còn rất chậm do không có nguồn vốn đầu tư.

e) Công tác tổ chức:

- Nhân sự chưa ổn định, lãnh đạo cấp cao thay đổi liên tục, lãnh đạo các Ban chuyên môn và các đơn vị phụ thuộc chưa được kiện toàn, còn thiếu và yếu.

- Bộ máy quản lý trong toàn Tổng công ty công kênh, chòng chẹo không hiệu quả, các nhà máy sản xuất cầm chừng. Chỉ có 2/14 Chi nhánh trực thuộc hoạt động có hiệu quả.

- Chưa có cơ chế quản lý giám sát toàn bộ hoạt động SXKD của các đơn vị thành viên kịp thời, đầy đủ và hiệu quả. Người đại diện vốn/Người đứng đầu chi nhánh tại các đơn vị thành viên chưa phát huy được năng lực quản lý.

f) Công tác báo cáo, công bố thông tin

Ngoài các báo cáo, nội dung công bố thông tin kịp thời vẫn còn một số trường hợp chậm trễ trong việc công bố thông tin, Ủy ban chứng khoán đã ra quyết định nhắc nhở, xử phạt hành chính.

g) Ảnh hưởng trực tiếp từ dịch bệnh 2020-2021

Do tác động của dịch bệnh Covid -19, hoạt động xuất khẩu gạo liên tiếp trong hai năm 2020-2021 gặp rất nhiều khó khăn; hoạt động sản xuất kinh doanh bị ảnh hưởng nghiêm trọng, hoạt động thu mua, sản xuất chế biến lúa gạo bị ách tắc do hạn chế lưu thông, tâm lý e ngại dịch bệnh; chi phí bán hàng tăng cao ảnh hưởng đến giao dịch, bán hàng; công tác giao hàng chậm trễ gây mất uy tín với khách hàng dẫn đến sản lượng và hiệu quả giảm đi rất nhiều ảnh hưởng đến doanh thu và dòng tiền của Tổng công ty.

Ngoài ra do dịch bệnh ảnh hưởng tới tâm lý các bên tham gia chuỗi cung ứng, làm biến động giá mua trong nước không dự báo được, ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của các hợp đồng xuất khẩu.

h) Hoạt động của các đơn vị phụ thuộc, các công ty cổ phần có vốn góp của Tổng công ty hầu như khó khăn, không hiệu quả

- Trong 14 đơn vị phụ thuộc và Văn phòng Tổng công ty, chỉ có 02 đơn vị hoạt động kinh doanh có hiệu quả. Các đơn vị còn lại hoạt động đều bị lỗ.

- Đối với công ty cổ phần có vốn góp chi phối của Tổng công ty, có 04/10 đơn vị kinh doanh có lãi, các đơn vị còn lại hoạt động không có hiệu quả, bị lỗ.

- Tổng số công ty cổ phần có vốn góp không chi phối là 11 đơn vị có 03 đơn vị có lãi, còn lại hầu hết hoạt động không có hiệu quả, bị lỗ; trong đó có 02 đơn vị đã có quyết định tuyên bố phá sản và ngưng hoạt động, các đơn vị còn lại lỗ lũy kế nhiều năm liền, âm vốn chủ sở hữu.

### III. Đánh giá chung

#### 1. Những việc đã làm được

- Thực hiện đổi mới phương thức hoạt động sản xuất kinh doanh, thích ứng linh hoạt với sự thay đổi của cơ chế, chính sách xuất nhập khẩu của các nước và diễn biến của thị trường.

- Duy trì và hợp tác tốt với các khách hàng truyền thống, các Tập đoàn, Công

ty có nhu cầu mua gạo lớn và cũng đã thiết lập được mối quan hệ, phát triển thêm một số khách hàng thương mại mới.

- Thực hiện đầu tư nâng cấp, đổi mới công nghệ chế biến, trang bị máy tách màu thế hệ mới; tuy việc ứng dụng còn hạn chế nhưng bước đầu đem lại hiệu quả cao; từng bước đã sản xuất được sản phẩm chất lượng cao cạnh tranh được trên thị trường như các đơn vị phụ thuộc: Lương thực Long An, Lương thực Tiền Giang, Lương thực Đồng Tháp.

- Chỉ đạo tăng cường quản lý, kiểm soát chi phí sản xuất, giá thành, chất lượng sản phẩm, tiết giảm chi phí bán hàng, các khoản chi phí khác trong điều kiện định phí cao, khấu hao tài sản lớn tuy có nhiều tiến bộ nhưng việc thực hiện còn chậm, chưa triệt để.

- Công tác kiểm tra tình hình sử dụng vốn, tài sản và hoạt động kinh doanh tại các đơn vị trực thuộc luôn được tăng cường và việc kiểm tra giám sát cũng được thực hiện thường xuyên trong quá trình hoạt động thu mua, cung ứng, xuất khẩu; qua đó, việc sử dụng vốn, tài sản đúng mục đích, không để xảy ra thất thoát hoặc phát sinh công nợ.

- Hoàn thiện và ban hành các quy chế, quy định trọng yếu phục vụ cho công tác điều hành, quản trị doanh nghiệp có hiệu quả, đúng quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Công đoàn Tổng công ty thực hiện tốt thỏa ước lao động tập thể, chăm lo đời sống cho người lao động đặc biệt duy trì việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động trong giai đoạn dịch bệnh nghiêm trọng.

## **2. Những việc chưa làm được**

### **2.1. Sắp xếp các đơn vị phụ thuộc:**

- Tổ chức bộ máy công kênh với 14 đơn vị phụ thuộc, hoạt động phân tán ở các tỉnh, địa phương; nhiều đơn vị chưa chủ động, tích cực trong hoạt động mua - bán, năng lực khai thác khách hàng, đầu ra hạn chế, sản lượng bán ra ít, chủ yếu phụ thuộc vào đầu ra của Văn phòng Tổng công ty.

- Các đơn vị phụ thuộc còn khuyết cán bộ lãnh đạo, quản lý; nhân sự làm công tác kinh doanh, phát triển thị trường vừa thiếu, vừa yếu. Đặc biệt có tình trạng nhân sự người đứng đầu các chi nhánh không ổn định đã ảnh hưởng trực tiếp đến công tác thu mua, chế biến, điều hành các đơn vị.

- Công tác sắp xếp chuyển sang công ty TNHH và cơ cấu các đơn vị thực hiện còn chậm phụ thuộc một phần vào công tác quyết toán bàn giao vốn.

### **2.2. Sắp xếp các khoản đầu tư vốn**

Hầu hết các đơn vị chưa khai thác, quản lý và sử dụng hiệu quả các cơ sở nhà đất được giao, chưa thực hiện việc sắp xếp lại nhà đất theo quy định.

Nhìn chung, đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp chưa hiệu quả, chưa thực sự đánh giá được hoạt động của đơn vị, người đại diện.

### **2.3. Công tác sắp xếp cơ sở nhà đất**

Sau khi có Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ về qui định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công; Tổng công ty đã thực hiện rà soát phương

án sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà đất trình các cấp có thẩm quyền theo đúng qui định.

#### 2.4. Các vấn đề tồn tại khác

- Nhân sự quản lý chưa được kiện toàn, chưa ổn định, đặc biệt là các vị trí lãnh đạo và người đứng đầu các ban, các đơn vị, nên có phần ảnh hưởng đến công việc chung.

- Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi, bổ sung theo Luật Doanh nghiệp của Tổng công ty chưa được phê duyệt để trình ĐHĐCĐ thông qua.

- Công tác sắp xếp, tái cơ cấu các đơn vị phụ thuộc, thoái vốn tại các công ty có vốn góp của Tổng công ty còn chậm do còn nhiều khó khăn vướng mắc và chưa đủ nguồn lực để tổ chức thực hiện.

- Tổng số nợ còn tồn đọng đến thời điểm 31/12/2021 là 1.335,741 tỷ đồng (Tổng công ty đã trích lập dự phòng đủ 100%). Các vụ án liên quan đến các khoản nợ lớn như vụ án Võ Thị Thu Hà, vụ án tại Công ty Lương thực Trà Vinh,... chưa được giải quyết dứt điểm dẫn đến chưa thu được nợ và một số vụ việc còn tiềm ẩn có khả năng phát sinh trong thời gian tới.

- Công tác Quyết toán bàn giao vốn nhà nước thực hiện chậm, đã hơn 3 năm từ thời điểm cổ phần hóa đến nay vẫn chưa hoàn thành dẫn đến: Việc hoàn thiện hồ sơ pháp lý về đất đai (chưa ký được hợp đồng thuê đất, xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất); Việc khai thác, đầu tư tại các cơ sở nhà đất của Tổng công ty còn nhiều hạn chế, bất cập và tạm dừng ở việc quản lý trông giữ, chưa phát huy được tiềm năng và tạo nguồn thu, trong khi hàng tháng vẫn phải nộp tiền thuê đất và các nghĩa vụ khác cho Nhà nước.

### **B. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC.**

#### **1. Hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc trong quản lý điều hành:**

Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Tổng công ty đã tổ chức, thực hiện đầy đủ quyền hạn, chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và các quy định liên quan của Pháp luật.

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường, lấy ý kiến bằng văn bản theo Điều lệ, Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT, ban hành các Nghị quyết, quyết định và thảo luận các vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Tổng công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình, với tinh thần trách nhiệm cao Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đều có sự phân công, phân nhiệm cụ thể, có đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết.

Ban hành các quy chế quy định nội bộ: Tại thời điểm báo cáo Ban kiểm soát ghi nhận các Quy chế, quy định trong điều hành đang trong giai đoạn xây dựng, sửa đổi, bổ sung.

#### **2. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban**

## **điều hành Tổng công ty**

Các tài liệu, tờ trình Hội đồng quản trị, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đều được cung cấp cho BKS cùng thời điểm theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Được Ban điều hành cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động của Tổng công ty trong quý, năm và các thông tin tài liệu khác khi có yêu cầu.

Ban kiểm soát được mời tham gia kết hợp với Hội đồng quản trị, Ban điều hành làm việc, kiểm tra hoạt động của một số đơn vị trực thuộc, công ty con.

Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát trên tinh thần hỗ trợ hợp tác đã phối hợp kịp thời trong những trường hợp cần thiết để hoạt động Tổng công ty vừa được tiến hành đúng quy định của pháp luật vừa đáp ứng được yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông.

### **C. NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ**

#### **1. Nhận xét:**

- Năm 2021, Hội đồng quản trị, Ban điều hành về cơ bản đã thực hiện và tuân thủ đúng Điều lệ của Tổng công ty và Quy định của Pháp luật. Từng bước ổn định về mặt cơ cấu tổ chức, nhân sự để đưa Tổng công ty đi vào hoạt động ổn định. Tuy nhiên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục thua lỗ và là năm thứ 03 liên tiếp thua lỗ kể từ khi cổ phần hóa. Hệ số bảo toàn vốn  $0,8799 < 1$ , tương ứng với số vốn không được bảo toàn trong năm 2021 là 352,088 tỷ đồng.

- Việc công bố thông tin chậm so với thời hạn quy định công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán.

- Ban kiểm soát thống nhất với kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong năm 2021.

#### **2. Kiến nghị:**

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành cần thực hiện các hành động, biện pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo toàn vốn cho các cổ đông, từng bước khôi phục phần vốn đã mất. Xây dựng kế hoạch sản xuất năm 2022 với hệ số bảo toàn vốn lớn hơn 1.

- Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 phải được công bố thông tin đúng thời hạn.

- Tiếp tục tái cơ cấu Tổng công ty theo phương án cổ phần hóa đã đề ra, thực hiện theo Quyết định số 22/2021/QĐ-TTg và phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng bộ khung quy chế, quy trình toàn Tổng công ty, hướng dẫn và kiểm soát xây dựng quy chế, quy trình cho các Công ty con, tạo hành lang pháp lý vững chắc cho hoạt động của Tổng công ty.

- Hoàn thành công tác bàn giao, quyết toán vốn Nhà nước giai đoạn 2 cho Công ty cổ phần.



- Giữ vững thị trường xuất khẩu hiện có, phát triển và chiếm lĩnh các thị trường xuất khẩu gạo mới.

- Đánh giá toàn bộ hiện trạng tài sản, dây chuyền, máy móc thiết bị, nhà kho, nhà xưởng, thanh lý những tài sản không cần dùng theo quy định của pháp luật. Xây dựng các phương án mua sắm tài sản cố định cấp thiết, phù hợp với điều kiện kinh doanh thực tế, mang lại hiệu quả, hiệu năng cao.

- Xây dựng kế hoạch dòng tiền, kế hoạch và thực hiện ngân sách cho tất cả các đơn vị phụ thuộc và Công ty con.

Trên đây là Báo cáo về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong năm 2021, Ban Kiểm soát xin kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 của Tổng công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Tuấn Vinh**



**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

MSDN: 0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

Số: /BC-LTMN-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2022

**Dự thảo**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ  
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty);*

*Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty;*

*Căn cứ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần;*

*Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán;*

*Căn cứ kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát.*

Ban kiểm soát (BKS) báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của BKS trong năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ công tác của BKS năm 2022 với các nội dung sau:

**I. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021**

**1. Các công tác đã thực hiện:**

Ban kiểm soát Tổng công ty gồm 03 thành viên, các thành viên Ban kiểm soát đương nhiệm trong năm và tại ngày lập Báo cáo như sau:

STT	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
3	Ông Nguyễn Tuấn Vinh	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 29/02/2020	Cử nhân kinh tế
4	Ông Trần Vĩnh Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/02/2020	Thạc sĩ kinh tế
5	Ông Nguyễn Như Khoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 11/9/2018	Thạc sỹ QTKD

Trong năm 2021 Ban kiểm soát đã thực hiện được một số công việc như sau:

Các hoạt động thường kỳ của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát đã tiến hành các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức

hoạt động, các quy chế, quy định của Tổng công ty trong việc quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty bao gồm:

- Giám sát việc triển khai thực hiện và kết quả của Nghị quyết Đại hội cổ đông.
- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong năm 2021.
- Thẩm định Báo cáo tài chính, kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc. Rà soát các báo cáo soát xét bán niên, báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của đơn vị kiểm toán.
- Tham gia ý kiến trong việc xây dựng lại các Quy chế, Quy định của Tổng công ty phù hợp với mô hình hoạt động của công ty cổ phần.
- Thực hiện và kết hợp thực hiện kiểm tra hoạt động một số đơn vị phụ thuộc Tổng công ty.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

## 2. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát bao gồm 03 thành viên và đã tổ chức 04 cuộc họp trong năm 2021. Cụ thể như sau:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Tuấn Vinh	04	100%	100%	
2	Ông Trần Vĩnh Thanh	04	100%	100%	
3	Ông Nguyễn Như Khoa	04	100%	100%	

## 3. Báo cáo chi phí thù lao của Ban kiểm soát Tổng công ty:

Tiền lương và thù lao của Ban kiểm soát được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật.

## II. Phương hướng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát năm 2022

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền nam – Công ty cổ phần và các quy định nội bộ của Tổng công ty, Ban kiểm soát xây dựng phương hướng, nhiệm vụ công tác của Ban kiểm soát trong năm 2022 như sau:

- Giám sát việc chấp hành, tuân thủ theo Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định của pháp luật có liên quan.
- Giám sát công tác quản trị, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.
- Tham mưu Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với mục tiêu của doanh nghiệp.
- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm.

- Hợp Ban kiểm soát định kỳ hàng quý để sơ kết công tác và đề ra kế hoạch của quý tiếp theo.

- Lập báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của Ban kiểm soát hàng quý.

- Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị về những vi phạm của người quản lý, điều hành: yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Điều lệ, quy chế, quy định của Tổng công ty.

- Thực hiện giám sát tài chính, hoạt động của các Ban thuộc Tổng công ty, một số đơn vị trực thuộc, các công ty con thông qua người đại diện vốn. Thực hiện công tác kiểm soát theo chuyên đề, kiểm soát, kiểm tra đột xuất, bất thường, kiểm soát các sự vụ phát sinh.

Trên đây là Báo cáo về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao của Ban kiểm soát trong năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ của Ban kiểm soát trong năm 2022, Ban kiểm soát xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Tổng công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Tuấn Vinh**





**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
M.S.D.N: 0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

Số: /TTr-LTMN-HĐQT TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

**V/v thông qua Báo cáo tài chính riêng và  
Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông  
Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

*Căn cứ Điều 15 Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty), quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông thường niên về việc thông qua Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Toàn văn Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 của Tổng công ty đã được công bố thông tin và đăng tải trên Website: www.vinafood2.com.vn. Bao gồm:

1. Báo cáo kiểm toán độc lập.
2. Bảng cân đối kế toán.
3. Báo cáo kết quả kinh doanh.
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
5. Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trong đó, ý kiến báo cáo kiểm toán độc lập có trình bày nội dung sau:

- Ý kiến báo cáo kiểm toán độc lập đối với Báo cáo tài chính riêng:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt

Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Ý kiến báo cáo kiểm toán độc lập đối với Báo cáo tài chính hợp nhất:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trong đoạn “*Tổng công ty đang trình bày giá trị khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Lương thực Hậu Giang, một công ty con theo giá gốc với giá trị ghi sổ là 28.771.200.000 VNĐ do công ty con này đã tạm ngưng hoạt động từ năm 2014 và đang trong quá trình thực hiện thủ tục phá sản theo Quyết định Tuyên bố phá sản số 01/2020/QĐ-PS ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang. Khoản đầu tư này đã được dự phòng tổn thất toàn bộ. Chúng tôi không thể thu thập được các thông tin tài chính cần thiết của công ty con này tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cũng không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán khác để đánh giá được ảnh hưởng của các điều chỉnh có thể có trong trường hợp công ty con này được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm*”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Huy Hưng**



**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

MSDN: 0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

Số: /TTr-LTMN-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

**V/v kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

Căn cứ báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 (Tờ trình số 2521A/LTMN-KHCL ngày 30/11/2021 của Tổng giám đốc), Hội đồng quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (Tổng công ty) kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 với các chỉ tiêu chính như sau:

**I. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022**

**1. Công ty mẹ**

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	% so năm 2021
<b>I</b>	<b>MUA VÀO</b>				
1	Lúa gạo (quy gạo)	Tấn	523.376	523.000	99,93
2	Lúa mì	Tấn	36.185	50.000	138,18
3	Xăng, dầu	Ngàn lít	2.416	3.000	124,17
4	Xe honda	Chiếc	5.126	6.450	125,83
<b>II</b>	<b>BÁN RA</b>				
1	Gạo (a + b)	Tấn	459.970	523.000	113,70
	a. Xuất khẩu	Tấn	331.325	365.000	110,16
	b. Tiêu thụ nội địa	Tấn	128.645	158.000	122,82
2	Bột mì	Tấn	23.639	36.000	152,29
3	Thực phẩm chế biến	Tấn	925	1.200	129,73
4	Nước khoáng	Ngàn lít	14.315	15.000	104,79
5	Xăng, dầu	Ngàn lít	2.416	3.000	124,17
6	Xe honda	Chiếc	4.952	6.450	130,25
<b>III</b>	<b>KIM NGẠCH XNK</b>	1000USD			
	- Xuất khẩu	1000USD	169.368	168.538	99,51
	- Nhập khẩu	1000USD	8.334	15.760	189,10

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	% so năm 2021
IV	DOANH THU	Tỷ đồng	7.779,637	8.520,561	109,52
V	LỢI NHUẬN (trước thuế)	Tỷ đồng	(352,088)	1,600	
VI	Nộp ngân sách			Theo quy định	

## 2. Hợp nhất

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	% so năm 2021
1	DOANH THU	Tỷ đồng	16.712,435	15.717,036	94,04
2	LỢI NHUẬN (trước thuế)	Tỷ đồng	(298,536)	104,655	

## II. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2022

Thực hiện đổi mới công tác đầu tư theo hướng đầu tư tập trung, đầu tư các hạng mục trọng điểm thực sự cần thiết, nhằm đáp ứng yêu cầu chế biến gạo thơm, gạo chất lượng cao của thị trường hiện nay.

Kế hoạch Đầu tư - XDCB năm 2022: 142.349 triệu đồng, trong đó:

- Các hạng mục còn dở dang năm 2021 chuyển sang tiếp tục thực hiện: 20.047 triệu đồng.
- Đầu tư mới trong năm 2022: 122.302 triệu đồng.
- Nguồn vốn đầu tư: vốn tự có và vốn huy động hợp pháp khác.

*(Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đều chưa tính tới các yếu tố khách quan, bất khả kháng phát sinh trong năm tài chính 2022)*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua. /.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, KHTH.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Huy Hưng**





**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

MSDN: 0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

Số: /ITr-LTMN-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

**V/v phân phối lợi nhuận năm 2021 và  
kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty mẹ**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.

Hội đồng quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần như sau:

**1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021**

Lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính của Công ty mẹ lỗ: **352,088 tỷ đồng.**

Trong năm 2021, Công ty mẹ hoạt động sản xuất kinh doanh chưa có lợi nhuận nên đề xuất không trích lập các quỹ và chia cổ tức.

**2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022:**

Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ lãi: **1,6 tỷ đồng.**

Kế hoạch phân phối lợi nhuận đề xuất như sau: Công ty mẹ còn lỗ lũy kế đến thời điểm 31/12/2021 là: 2.651,740 tỷ đồng nên sẽ không trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận:

*DVT: Tỷ đồng*

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
I	Lợi nhuận sau thuế	
II	Trích lập các quỹ	

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
01	Quỹ đầu tư phát triển (30 % LNST)	0
02	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (15% LNST)	0
III	Chia cổ tức	0
IV	Lợi nhuận sau thuế còn lại bù đắp lỗ năm 2021	0

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, TCKT.

**Nguyễn Huy Hưng**



## TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
MSSDN: 0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

Số: TT-LTMN-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2022

### TỜ TRÌNH

V/v thông qua tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS  
năm 2020, 2021 và kế hoạch năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ về việc quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/9/2018 của Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề sau:

**1. Tiền lương người quản lý chuyên trách và thù lao người quản lý không chuyên trách năm 2020:**

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và các quy định của Nhà nước, Tổng công ty trích quỹ tiền lương và thù lao thực hiện của người quản lý năm 2020 là 3.215,58 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Tiền lương người quản lý chuyên trách (8,76 người): 2.868,58 triệu đồng. Trong đó:

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị	:	30.000.000 đồng/người/tháng
+ Phó Chủ tịch HĐQT	:	28.000.000 đồng/người/tháng
+ Tổng giám đốc	:	30.000.000 đồng/người/tháng
+ Phó Tổng giám đốc	:	28.000.000 đồng/người/tháng
+ Kế toán trưởng	:	25.600.000 đồng/người/tháng
+ Trưởng ban kiểm soát	:	25.600.000 đồng/người/tháng
+ Kiểm soát viên chuyên trách	:	12.915.000 đồng/người/tháng

- Thù lao người quản lý không chuyên trách (4,58 người) bao gồm TV HĐQT (3 người) và Kiểm soát viên (1,58 người): 347 triệu đồng. Trong đó:

- + Thành viên HĐQT : 7.000.000 đồng/người/tháng
- + Thành viên BKS : 5.000.000 đồng/người/tháng

**2. Tiền lương người quản lý chuyên trách và thù lao người quản lý không chuyên trách năm 2021:**

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và các quy định của Nhà nước, Tổng công ty trích quỹ tiền lương và thù lao thực hiện của người quản lý năm 2021 là 3.138,27 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Tiền lương người quản lý chuyên trách (8,80 người): 2.886,51 triệu đồng. Trong đó:

- + Chủ tịch Hội đồng quản trị : 30.000.000 đồng/người/tháng
- + Phó Chủ tịch HĐQT : 28.000.000 đồng/người/tháng
- + Tổng giám đốc : 30.000.000 đồng/người/tháng
- + Phó Tổng giám đốc : 28.000.000 đồng/người/tháng
- + Kế toán trưởng : 25.600.000 đồng/người/tháng
- + Trưởng ban kiểm soát : 25.600.000 đồng/người/tháng
- + Kiểm soát viên chuyên trách : 12.915.000 đồng/người/tháng

- Thù lao người quản lý không chuyên trách (4 người): 251,76 triệu đồng. Trong đó:

- + Thành viên HĐQT (2,83 người) : 6.000.000 đồng/người/tháng
- + Thành viên BKS (1 người) : 4.000.000 đồng/người/tháng

**3. Tiền lương người quản lý chuyên trách và thù lao người quản lý không chuyên trách năm 2022:**

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận năm 2022 và các quy định hiện hành, Tổng công ty xây dựng quỹ tiền lương và thù lao kế hoạch năm 2022 đối với người quản lý là 3.895,44 triệu đồng, cụ thể như sau:

- Mức tiền lương người quản lý chuyên trách:

- + Chủ tịch Hội đồng quản trị : 36.240.000 đồng/người/tháng
- + Phó Chủ tịch HĐQT : 33.860.000 đồng/người/tháng
- + Thành viên HĐQT : 33.860.000 đồng/người/tháng
- + Tổng giám đốc : 34.700.000 đồng/người/tháng
- + Phó Tổng giám đốc : 32.400.000 đồng/người/tháng
- + Kế toán trưởng : 30.940.000 đồng/người/tháng
- + Trưởng ban kiểm soát : 33.280.000 đồng/người/tháng
- + Kiểm soát viên chuyên trách : 32.400.000 đồng/người/tháng

Tổng quỹ tiền lương người quản lý chuyên trách kế hoạch năm 2022 là 3.583,44 triệu đồng (tương ứng với 9 người).

- Mức thù lao người quản lý không chuyên trách:




- + Thành viên HĐQT : 10.000.000 đồng/người/tháng  
+ Thành viên BKS : 3.000.000 đồng/người/tháng

Tổng quỹ thù lao người quản lý không chuyên trách kế hoạch năm 2022 là 312 triệu đồng (tương ứng với 4 người: 2 thành viên HĐQT, 2 thành viên BKS).

Căn cứ vào quỹ lương và tổng mức thù lao kế hoạch, Tổng công ty tính toán mức lương phù hợp, tạm ứng tiền lương hàng tháng cho người quản lý chuyên trách; tạm ứng thù lao hàng tháng không vượt mức kế hoạch như trên.

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh cuối năm và các quy định có liên quan, Tổng công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông quỹ lương và tổng mức thù lao thực hiện đề quyết toán và chi trả cho các chức danh.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua. / 

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, TC.

**Nguyễn Huy Hưng**



## TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

MSDN: 0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

Số: /TTr-LTMN-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2022

### TỜ TRÌNH

**V/v phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập  
và lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông  
Tổng Công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty);*

*Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty.*

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua việc lựa chọn danh sách các công ty kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Tổng công ty như sau:

1. Các tiêu chí, hình thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập:

- Lựa chọn các công ty kiểm toán độc lập, có uy tín, được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận cho kiểm toán các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam;

- Có nhiều kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty đại chúng tại Việt Nam;

- Có uy tín và chất lượng kiểm toán;

- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán do Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

2. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán để thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần, bao gồm các công ty kiểm toán như sau:

- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

- Công ty TNHH KPMG Việt Nam
- Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam

3. Giao cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập nằm trong danh sách 04 công ty kiểm toán nêu trên để thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Tuấn Vinh**



# TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
MSDN: 0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

TT-LTMN-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2022

## TỜ TRÌNH

**V/v điều chỉnh, sửa đổi Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty  
(bao gồm bổ sung ngành nghề kinh doanh)**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông  
Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty).*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc điều chỉnh, sửa đổi Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty (bao gồm bổ sung ngành nghề kinh doanh), cụ thể như sau:

### **1. Bổ sung, điều chỉnh ngành nghề kinh doanh:**

- Bổ sung hai mã ngành:

+ Bán buôn tổng hợp (Mã ngành 4690);

+ Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. *Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (Mã ngành 4649).*

- Điều chỉnh, bổ sung chi tiết mã ngành 5210:

*Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Cho thuê kho bãi; kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan); kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác.*

## **2. Điều chỉnh và sửa đổi Điều lệ:**

Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty được điều chỉnh và sửa đổi dựa trên các quy định của Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020, Điều 7 của Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính. Nội dung điều chỉnh, sửa đổi được liệt kê chi tiết tại Bảng tổng hợp các nội dung sửa đổi Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.

## **3. Ủy quyền:**

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện điều chỉnh Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và thực hiện các thủ tục bổ sung, điều chỉnh ngành nghề kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc điều chỉnh trên.

### ***Đính kèm:***

- Dự thảo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty;
- Bảng tổng hợp các nội dung sửa đổi Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.

*(Tài liệu đính kèm trên được đăng tải trên website: [www.vinafood2.com.vn](http://www.vinafood2.com.vn))*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**

### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, PC.

**Nguyễn Huy Hưng**



## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ .....</b>	<b>4</b>
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
<b>CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY.....</b>	<b>5</b>
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty.....	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.....	6
<b>CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY .....</b>	<b>6</b>
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty.....	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty.....	13
<b>CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....</b>	<b>14</b>
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần.....	14
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu .....	14
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	15
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần .....	15
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	15
<b>CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....</b>	<b>16</b>
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	16
<b>CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....</b>	<b>16</b>
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	16
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	18
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông .....	19
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông .....	20
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền .....	22
Điều 17. Thay đổi các quyền .....	23
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông .....	24
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....	25
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	26

Điều 21. Điều kiện đề nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua .....	28
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	28
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	31
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	32
<b>CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>33</b>
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	33
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....	34
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	35
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	37
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	37
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị .....	38
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị .....	40
Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty.....	40
<b>CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....</b>	<b>41</b>
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	41
Điều 34. Người điều hành Tổng công ty .....	41
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	42
<b>CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>44</b>
Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	44
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát.....	44
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát.....	45
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ Ban kiểm soát .....	45
<b>CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....</b>	<b>47</b>
Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng.....	47
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	47
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....	48
<b>CHƯƠNG XI: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY .....</b>	<b>49</b>
Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	49
<b>CHƯƠNG XII: TỔ CHỨC ĐẢNG, CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ-XÃ HỘI, CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....</b>	<b>50</b>

Điều 44. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội .....	50
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn .....	50
<b>CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN .....</b>	<b>50</b>
Điều 46. Phân phối lợi nhuận .....	50
<b>CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN .....</b>	<b>51</b>
Điều 47. Tài khoản ngân hàng .....	51
Điều 48. Năm tài chính .....	51
Điều 49. Chế độ kế toán.....	51
<b>CHƯƠNG XV: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN .....</b>	<b>52</b>
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	52
Điều 51. Báo cáo thường niên .....	52
<b>CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY .....</b>	<b>52</b>
Điều 52. Kiểm toán.....	52
<b>CHƯƠNG XVII. CON DẤU .....</b>	<b>53</b>
Điều 53. Con dấu .....	53
<b>CHƯƠNG XVIII: GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY VÀ THANH LÝ.....</b>	<b>53</b>
Điều 54. Giải thể Tổng công ty.....	53
Điều 55. Gia hạn hoạt động .....	53
Điều 56. Thanh lý .....	54
<b>CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....</b>	<b>54</b>
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	54
<b>CHƯƠNG XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ .....</b>	<b>55</b>
Điều 58. Điều lệ Tổng công ty.....	55
<b>CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC .....</b>	<b>55</b>
Điều 59. Ngày hiệu lực .....	55

## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ngày tháng năm và được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ngày tháng năm .

### CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán, được quy định tại Điều 6 Điều lệ này và được xác nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp;

b. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

c. “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

d. “Tổng công ty” là gọi tắt của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần;

e. “Ngày thành lập” là ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu;

f. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;

g. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

h. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty;

i. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

j. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty thông qua bằng nghị quyết;

k. Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý Tổng công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

1. “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh sẽ có nghĩa tương tự trong Luật Doanh nghiệp.

## **CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY**

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty**

1. Tên Tổng công ty

- Tên Tổng công ty viết bằng tiếng Việt: TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

- Tên Tổng công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM SOUTHERN FOOD CORPORATION – JOINT STOCK COMPANY

- Tên Tổng công ty viết tắt: VINAFOOD II

- Tên giao dịch: TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM.

- Logo của Tổng công ty:



2. Tổng công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 333 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

- Điện thoại: (028) 38370025/26/27/27/29

- Fax: (028) 38365898/99

- E-mail: vanphong@vsfc.com.vn

- Website: www.vinafood2.com.vn

4. Tổng công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.



**Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty**

1. Tổng Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc. Việc cử Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty giao Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần quyết định cụ thể.

2. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty là cá nhân đại diện cho Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tổng công ty, đại diện cho Tổng công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty trở lại làm việc tại Tổng công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì chủ sở hữu công ty, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

**CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY**

**Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty**

1. Ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty là:

a. Ngành nghề kinh doanh chính:

Thu mua, bảo quản, chế biến, sản xuất, bán buôn, bán lẻ, dự trữ, lưu thông lương thực, thực phẩm chế biến, nông sản; Xuất khẩu, nhập khẩu lương thực, thực phẩm, nông sản; gia công đóng gói các mặt hàng: nông, thủy sản, phân bón, vật tư nông nghiệp ...

b. Ngành nghề có liên quan đến ngành kinh doanh chính:

- Sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản;
  - Nuôi trồng, chế biến thủy sản; Kinh doanh các mặt hàng thủy sản;
  - Sản xuất và kinh doanh bao bì, nguyên liệu sản xuất bao bì;
  - Sản xuất và kinh doanh thực phẩm chế biến;
  - Quản lý khai thác cảng biển, bến - cảng nội thủy, giao nhận hàng hóa, đại lý vận tải hàng hóa chuyên ngành đường biển;
  - Kinh doanh kho, bãi và lưu giữ hàng hóa, Logistic;
  - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường sông, đường bộ;
  - Khai thác và kinh doanh nước uống tinh khiết, nước khoáng;
  - Kinh doanh xe ô tô, xe máy; Bảo dưỡng, bảo trì xe ô tô, xe máy;
  - Kinh doanh hệ thống phân phối, bán lẻ các loại hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng, bán lẻ đồ điện gia dụng, đồ dùng nội thất;
  - Kinh doanh dịch vụ trồng trọt, dịch vụ chăn nuôi, dịch vụ sau thu hoạch và xử lý hạt giống để nhân giống;
  - Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
  - Kinh doanh phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, vật tư phục vụ sản xuất lương thực, vật tư xây dựng;
  - Kinh doanh xăng dầu;
  - Kinh doanh sản phẩm nhựa các loại;
  - Mua bán gỗ và các sản phẩm từ gỗ;
  - Kinh doanh khách sạn, nhà hàng ăn uống; dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế;
  - Kinh doanh quảng cáo thương mại, tiếp thị;
  - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
  - Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;
  - Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
  - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.
- \* Ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty cụ thể như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	<p>Bán buôn thực phẩm</p> <p>Chi tiết: Bán buôn, xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm chế biến. Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau, quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột và tinh bột (không hoạt động tại trụ sở). (thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy Ban Nhân Dân TP. Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh)</p>	4632
2	<p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Bán buôn, xuất khẩu, nhập khẩu lương thực (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn bao bì, nguyên liệu sản xuất bao bì, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. (thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy Ban Nhân Dân TP. Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh)</p>	4669
3	<p>Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết: Bán lẻ xuất khẩu, nhập khẩu lương thực (Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy Ban Nhân Dân TP. Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh).</p>	4721
4	<p>Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết: Bán lẻ xuất khẩu, nhập khẩu thực phẩm chế biến. Bán lẻ rau, quả tươi, đông lạnh hoặc được bảo quản, chế biến; sữa, sản phẩm từ sữa và trứng; thịt và sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm, tươi, đông lạnh và chế biến; hàng thủy sản tươi, đông lạnh và chế biến; bánh, mứt, kẹo, thực phẩm khác (Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-</p>	4722

	UBND ngày 17/10/2009 của Ủy Ban Nhân Dân Tp. Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh). Bán lẻ bánh tráng.	
5	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh  Chi tiết: Bán lẻ xuất khẩu, nhập khẩu nông sản (Thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy Ban Nhân Dân Tp. Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Tp. Hồ Chí Minh). Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
6	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp  Chi tiết: Bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ chơi (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), đồ thể thao, lương thực thực phẩm (thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định số 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy Ban Nhân Dân TP. Hồ Chí Minh quy hoạch về ngành nghề kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh)	4719
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (không hoạt động tại trụ sở).  Chi tiết: Thu mua, bảo quản, chế biến, dự trữ, lưu thông lương thực, thực phẩm chế biến, nông sản.	8299
8	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt  Chi tiết: Bảo quản, chế biến thực phẩm chế biến (không hoạt động tại trụ sở). Chế biến thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).	1010
9	Chế biến và bảo quản rau quả  Chi tiết: Bán quản, chế biến lương thực, thực phẩm chế biến, nông sản (không hoạt động tại trụ sở).	1030
10	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản  Chi tiết: Chế biến thức ăn chăn nuôi.	1080

***Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần***

11	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
12	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
13	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất bao bì từ hạt nhựa (trừ tái chế phế thải nhựa tại trụ sở)	2220
14	Sản xuất bao bì bằng gỗ Chi tiết: Sản xuất bao bì (trừ chế biến gỗ tại trụ sở).	1623
15	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất nguyên liệu sản xuất bao bì (trừ tái chế phế thải tại trụ sở).	3290
16	Sản xuất các loại bánh từ bột Chi tiết: Sản xuất bánh tráng.	1071
17	Xay xát và sản xuất bột thô Chi tiết: Xay xát, chế biến lúa, gạo, lúa mì, bột mì.	1061
18	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột Chi tiết: Sản xuất chế biến các sản phẩm từ bột.	1062
19	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ sau thu hoạch.	0163
20	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
21	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Khai thác cảng biển, bến-cảng nội thủy. Giao nhận, đại lý vận tải hàng hóa chuyên ngành đường biển.	5222
22	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
23	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
24	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa cảng sông, cảng biển	5224



Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	
25	Chi tiết: Cho thuê kho bãi, kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan), kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác.	5210
26	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ Chi tiết: bán buôn, xuất khẩu, nhập khẩu gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ (thực hiện theo Quyết định số 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 của Ủy Ban Nhân Dân TP. Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh)	4631 (chính)
27	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: sản xuất nước khoáng, nước uống tinh khiết.	1104
28	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
29	Bán lẻ đồ uống trong cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ uống có cồn, bán lẻ đồ uống không có cồn	4723
30	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
31	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
32	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
33	Bán mô tô, xe máy	4541
34	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
35	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
36	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (không hoạt động tại trụ sở).	4661
37	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

***Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần***

38	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
39	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển, Logistics	5229
40	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
41	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động khác	5610
42	Điều hành tua du lịch	7912
43	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
44	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh) (không hoạt động tại trụ sở).	8230
45	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
46	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác, Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản, Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa) (không hoạt động tại trụ sở).	4620
47	Bán buôn đồ uống	4633
48	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).	1020
49	Dịch vụ đóng gói	8292
50	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161

51	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
52	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết : Kinh doanh bất động sản	6810
53	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng, dầu, nhớt và các sản phẩm có liên quan	4610
54	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu, mỡ bôi trơn và sản phẩm làm mát động cơ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác.	4730
55	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ. Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ.	5225
56	Bán buôn tổng hợp	4690
57	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4649

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty có thể mở rộng thêm do Đại hội đồng cổ đông quyết định trong khuôn khổ và ngành nghề mà pháp luật không cấm.

2. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty là huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh nhằm mục tiêu mang lại lợi nhuận tối đa hợp pháp; bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu đầu tư tại Tổng công ty trong điều kiện tuân thủ các quy định pháp luật; phát triển bền vững lâu dài;

Mục tiêu chính của Tổng công ty là doanh nghiệp kinh doanh lương thực hàng đầu của Việt Nam, cung cấp các loại gạo và đa dạng với các sản phẩm, dịch vụ khác, chất lượng, hiệu quả đảm bảo thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

#### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty**

1. Tổng công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Tổng công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.

2. Tổng công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

## **CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN**

### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần**

1. Vốn điều lệ của Tổng công ty là 5.000.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm ngàn tỷ đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành 500.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Tổng công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Tổng công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Tổng công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định theo pháp luật hiện hành.

7. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

8. Tổng công ty không có cổ đông sáng lập.

### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Tổng công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Tổng công ty phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu

của Tổng công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Tổng công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

#### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Tổng công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Tổng công ty.

#### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng; trừ trường hợp hạn chế theo cam kết của cổ đông chiến lược, hạn chế đối với cổ phần ưu đãi mua thêm của người lao động, của tổ chức công đoàn, hạn chế khác (nếu có) theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong giấy chứng nhận sở hữu cổ phần của cổ phần tương ứng.

Cổ đông chiến lược không được chuyển nhượng cổ phần trong thời hạn tối thiểu năm (05) năm đầu kể từ ngày Tổng công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần. Trong trường hợp đặc biệt, cổ đông chiến lược có thể chuyển nhượng cổ phần của mình trước thời hạn nêu trên nếu được chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty.

Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 10. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng



ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cần trong việc gửi thông báo.

## **CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Tổng công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

## **CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 12. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác theo quy định pháp luật. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d. Ưu tiên mua cổ phần chào bán mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng công ty;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Tổng công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

1. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp;

b. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

f. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và các quy chế nội bộ của Tổng công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Tổng công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Tổng công ty.

7. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

8. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

#### **Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối; Tổng công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;

b. Báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp

#### **Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;



- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
  - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;
  - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
  - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
  - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
  - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
  - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.
  - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
  - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
  - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
  - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
  - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết;
  - k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;
  - l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
  - m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;

- n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chỉ định người thanh lý;
  - o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
  - p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - q. Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
  - r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
  - s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
  - t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
  - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 16. Đại diện theo ủy quyền**

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
  - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
  - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
  - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

#### **Điều 17. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 66% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng công ty không bị thay đổi khi Tổng công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

**Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp không quá bảy (07) ngày làm việc trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Thẻ/Phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

#### **Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết;

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.



**Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông cho các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành Đại hội đồng cổ đông để bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

5. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Chủ tọa cuộc họp có quyền yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có những người dự họp không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh thì Chủ tọa có thể trục xuất người đó ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

8. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

9. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

10. Hàng năm, Tổng công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

11. Trường hợp Tổng công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

**Điều 21. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề sẽ được thông qua khi có từ 66% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tham dự trực tiếp (hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tham dự) và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

2. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

3. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 66% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

**Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với các vấn đề sau đây:

- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
- b. Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;
- c. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- d. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

đ. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;

e. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

f. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;

g. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

j. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

k. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

l. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;

m. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;

n. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

o. Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;

p. Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

q. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

r. Vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ trừ trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi cho tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Phương án bầu cử (nếu có);

g. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

h. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Tổng công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Tổng công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử hợp lệ và số phiếu biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;

e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;



f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu, nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Tổng công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 66% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- f. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- g. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên (nếu có);
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội

đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

j. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến không tán thành về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

#### **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật này và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

3. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị

quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

## CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
- f. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

4. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy

(07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; từ 90% trở lên được đề cử đủ ứng cử viên.

5. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

### **Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và có xét yếu tố về giới.

Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Tổng công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Khi Tổng Công ty đã là công ty niêm yết thì phải có tối thiểu 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

4. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới sau đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

### **Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.\*

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Tổng công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;



l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;

p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định khác của pháp luật.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Tổng công ty;

b. Thành lập các công ty con của Tổng công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Tổng công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng công ty;

f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Tổng công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Tổng công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

**Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.

3. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

4. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

5. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

**Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

### **Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được ít nhất 2/3 số thành viên dự họp tán thành.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua nếu được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết có ý kiến tán thành. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến không tán thành về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

### **Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

### **Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty**

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.



2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tổng công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Tổng công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty. Tổng công ty có một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### **Điều 34. Người điều hành Tổng công ty**

1. Người điều hành Tổng công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn

phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

**Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc:

a. Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh doanh; có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty, phải có kinh nghiệm ít nhất ba (03) năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của Tổng công ty;

b. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

c. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật;

d. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Tổng công ty; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Tổng công ty. Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

e. Không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.

5. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;

b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Tổng công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng công ty;

e. Kiến nghị số lượng người điều hành doanh nghiệp mà Tổng công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách cũng như phù hợp với kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty;

i. Quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, tuyển dụng, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, cho thôi giữ chức vụ, mức lương và phụ cấp đối với các chức danh quản lý trong Tổng công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

j. Đề nghị Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh: Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Tổng công ty; thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty và Kiểm soát viên công ty con là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm 100% vốn điều lệ.

k. Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định cử Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác, giới thiệu người tham gia vào Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát tại doanh nghiệp khác.

l. Thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của các doanh nghiệp thành viên.

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, các quy chế nội bộ của Tổng công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty.

6. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

7. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi được ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

## **CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên**

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát**

1. Số lượng Kiểm soát viên của Tổng công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;

- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
- 4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
  - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát**

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 39. Quyền và nghĩa vụ Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- c. Giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
- d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.



e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

i. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Quy chế hoạt động Ban kiểm soát.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Tổng công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

4. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

a. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định

tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

b. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

c. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

## **CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty.

### **Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng Công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Tổng công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này

là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

#### **Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Tổng công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Tổng công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Tổng công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Tổng công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) hoặc được coi là

hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Tổng công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **CHƯƠNG XI: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY**

### **Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được xem xét, kiểm tra, tra cứu, trích lục biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty. Việc kiểm tra trích lục nêu trên được thực hiện trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Tổng công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Tổng công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Tổng công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Tổng công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Tổng công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

## **CHƯƠNG XII: TỔ CHỨC ĐẢNG, CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ-XÃ HỘI, CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 44. Tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội**

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội trong Tổng công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Tổng công ty tạo điều kiện để tổ chức Đảng, tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Tổng công ty hoạt động theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức đó.

### **Điều 45. Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

### **Điều 46. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng công ty.

2. Tổng công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/ đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được



tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký chứng khoán tại từng thời điểm phù hợp với quy định pháp luật.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

### **Điều 47. Tài khoản ngân hàng**

1. Tổng công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Tổng công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng công ty mở tài khoản.

### **Điều 48. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

### **Điều 49. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Tổng công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.

3. Tổng công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Tổng công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ

thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

## **CHƯƠNG XV: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **Điều 50. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**

1. Tổng công ty phải lập Báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Tổng công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty.

3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Tổng công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

### **Điều 51. Báo cáo thường niên**

Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

## **CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY**

### **Điều 52. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Tổng công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.

## **CHƯƠNG XVII. CON DẤU**

### **Điều 53. Con dấu**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **CHƯƠNG XVIII: GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY VÀ THANH LÝ**

### **Điều 54. Giải thể Tổng công ty**

1. Tổng công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Tổng công ty mà không có quyết định gia hạn;

b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật quản lý thuế có quy định khác;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Tổng công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 55. Gia hạn hoạt động**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

**Điều 56. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Tổng công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Tổng công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Tổng công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Tổng công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

**CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

**Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Tổng công ty, hoặc thỏa thuận giữa:

- a. Cổ đông với Tổng công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một (01) chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **CHƯƠNG XX: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 58. Điều lệ Tổng công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

3. Mọi quan hệ của Tổng công ty với các đơn vị thành viên sẽ được quy định cụ thể tại các Quy chế nội bộ của Tổng công ty do Hội đồng quản trị ban hành và phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ này.

## **CHƯƠNG XXI: NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 59. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 59 Điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần nhất trí thông qua ngày      tháng năm      tại trụ sở Tổng công ty Lương thực miền Nam – công ty cổ phần và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** 

**NGUYỄN HUY HÙNG**



## BẢNG TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI

### ĐIỀU LỆ TỜ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

(Kèm theo Tờ trình số ...../TT-LTMN-HĐQT ngày ...../4/2022 của Hội đồng quản trị)

- Cơ sở pháp lý
  - Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (LDN);
  - Luật số 03/2022/QH15;
  - Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 (LCK);
  - Nghị định 155/2020/NĐ-CP về hướng dẫn một số điều Luật chứng khoán (Nghị định 155);
  - Thông tư 116/2020/TT-BTC về quản trị công ty đại chúng (Thông tư 116).

- Về kết cấu Điều lệ và nội dung sửa đổi:
  - Điều lệ sửa đổi bao gồm 21 chương, 59 điều;
  - Trong bản sửa đổi này, phần chữ in nghiêng là phần bổ sung, sửa đổi so với Điều lệ hiện hành, phần gạch ngang (ABC) là những nội dung đề xuất bỏ trong Điều lệ mới, các nội dung khác không đề cập là những nội dung giữ nguyên theo Điều lệ hiện hành.

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p><b>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</b></p> <p>b. “Luật doanh nghiệp” là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>c. “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010</p> <p>g. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều</p>	<p><b>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</b></p> <p>b. “Luật doanh nghiệp” là Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;</p> <p>c. “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.</p> <p>g. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với văn bản pháp luật mới</p> <p>Sửa đổi để phù hợp với văn bản pháp luật mới</p> <p>Điểm i Khoản 1 Điều 1 Điều lệ mẫu Thông tư 116 và Khoản</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
4	<p>4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;</p> <p>h. “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu cổ phần của Tổng công ty</p> <p>i. Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;</p> <p>j. “Người quản lý” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Tổng công ty</p>	<p>Luật Chứng khoán</p> <p>“h. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty”</p> <p>i. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật chứng khoán;</p> <p>k. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý Tổng công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.</p>	<p>46 Điều 4 Luật Chứng khoán; khoản 23 Điều 4 LDN</p> <p>Điểm k Khoản 1 Điều 1 Điều lệ mẫu Thông tư 116 và Khoản 3 Điều 4 LDN.</p>
	<p><b>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty</b></p> <p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 53 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p>	<p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</p>	<p>Khoản 2 Điều 54 và Điều 55 Dự thảo Điều lệ này</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
<p><b>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty</b></p> <p>2. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty là cá nhân đại diện cho Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tổng công ty, đại diện cho Tổng công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. <del>Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 14 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</del></p> <p>5. <del>Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.</del></p>	<p><b>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty</b></p> <p>2. Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty là cá nhân đại diện cho Tổng công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Tổng công ty, đại diện cho Tổng công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì chủ sở hữu công ty, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.</p>	<p>Khoản 1 Điều 12 LDN</p> <p>Khoản 5 Điều 12 LDN</p>	
<p><b>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty</b></p>	<p><b>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty</b></p>		

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>Mã ngành: 5210</p> <p>Chi tiết: Cho thuê kho bãi</p>	<p>Điều chỉnh mã ngành: 5210</p> <p>Chi tiết: Cho thuê kho bãi, kho bãi và lưu giữ hàng hóa <i>trong kho đông lạnh (trừ kho ngoại quan), kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác.</i></p> <p>Bổ sung mã ngành:</p> <p>Bán buôn tổng hợp (mã ngành 4690);</p> <p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (mã ngành 4649).</p> <p>Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh</p>	<p>Điều chỉnh đây đủ chi tiết mã ngành 5210 theo thực tế kinh doanh của Tổng công ty.</p> <p>Bổ sung theo đề nghị của đơn vị phụ thuộc cho phù hợp với ngành nghề kinh doanh của đơn vị.</p>
	<p><b>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần</b></p> <p>5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng</p>	<p><b>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần</b></p> <p>5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Tổng công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp <i>Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc</i> cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</p>	<p>Khoản 3 Điều 124 LDN</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>khoán theo phương thức đấu giá.</p> <p>6. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Tổng công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.</p> <p>7. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	<p>6. Tổng công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định theo pháp luật hiện hành.</p> <p>7. Tổng công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Khoản 6 Điều 6 Điều lệ mẫu Thông tư 116.</p> <p>Khoản 7 Điều 6 Điều lệ mẫu Thông tư 116.</p>
	<p><b>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</b></p> <p>2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Tổng công ty phát hành, búi toản ghi số hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Tổng công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.</p> <p>5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng,</p>	<p><b>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</b></p> <p>2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Tổng công ty phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Tổng công ty cấp lại</p>	<p>Khoản 2 Điều 7 Điều lệ mẫu thông tư 116 và Khoản 2 Điều 4 LCK</p> <p>Khoản 4 Điều 7 Điều lệ mẫu thông tư 116 và Khoản 3 Điều</p>



STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng công ty.</p>	<p>cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p> <p>b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>	121 LDN
	<p><b>Điều 10. Thu hồi cổ phần</b></p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và ngừng chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Tổng công ty</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 11 Luật doanh nghiệp.</p> <p>Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p>	<p><b>Điều 10. Thu hồi cổ phần</b></p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật doanh nghiệp.</p> <p>Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p>	<p>Cập nhật số thứ tự Điều luật của LDN</p> <p>Điều 10 Điều lệ mẫu Thông tư 116</p>
	<p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải tham gia các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh theo tỷ lệ (không qua</p>	<p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Tổng công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc</p>	<p>Khoản 5 Điều 10 Điều lệ mẫu thông tư 116.</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p><del>1.5. Lần tái suất cho vay kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</del></p>	<p>cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p>	
	<p><b>Điều 12. Quyền của cổ đông</b></p> <p>1. Cổ đông là người chủ sở hữu Tổng công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.</p> <p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p> <p>a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;</p>	<p><i>Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.</i></p> <p>2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:</p>	<p>Khoản 3 Điều 4 và Điểm c Khoản 1 Điều 111 LDN</p> <p>Khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu thông tư 116 và Khoản 1 Điều 115 LDN</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
<p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;</p> <p>d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phê thông mà họ sở hữu;</p> <p>e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;</p> <p>i. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ</p>	<p>c. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;</p> <p>d. Ưu tiên mua cổ phần chào bán mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;</p> <p>e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;</p> <p>i. Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp;</p> <p>Bổ sung</p> <p>j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Tổng công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p> <p>k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình, đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>1. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ</p>	<p>Điều k, l khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu thông tư 116</p> <p>Khoản 2 Điều 115 LDN</p>	

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn hiện tại ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:</p>	<p>phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:</p>	<p>(Khoản 3 Điều 12 Điều lệ mẫu công ty 116 quy định từ 10% trở xuống)</p>
<p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136-Luật doanh nghiệp;</p>	<p>a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p><i>c. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty;</i></p>	<p>Điều b Khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu công ty 116 và Điểm a Khoản 2 Điều 115 LDN</p>	
<p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết</p>	<p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng, có phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông; tổng số cổ phần của cá nhân cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p>	<p>Điểm c khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu công ty 116 và Điểm c khoản 2 Điều 115 LDN</p>	

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p><del>đình thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</del></p>	<p><i>e. Kiến nghị văn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Tổng công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, văn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</i></p> <p><i>f. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.</i></p>	
	<p><b>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</b></p> <p>1. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và các quy chế nội bộ của Tổng công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;</p>	<p><b>Điều 13: Nghĩa vụ của cổ đông</b></p> <p>1. Tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty; chấp hành <i>ngợi quyết</i>, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:</p> <p>b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;</p>	<p>Khoản 4 Điều 13 Điều lệ mẫu thông tư 116 và khoản 3, 4 Điều 119 LDN</p> <p>Khoản 6 Điều 13 Điều lệ mẫu thông tư 116 và Điểm b khoản 3 Điều 144 LDN</p>



STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
3.	<p>Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.</p>	<p>3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.</p> <p>Bổ sung:</p> <p>7. Bảo mật các thông tin được Tổng công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Tổng công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>8. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Tổng công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Tổng công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Tổng công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.</p>	<p>Khoản 1 Điều 13 Điều lệ mẫu Thông tư 116 và Khoản 2 Điều 119 LDN</p> <p>Khoản 1 Điều 13 Điều lệ mẫu Thông tư 116 và Khoản 5 Điều 119 LDN</p> <p>Khoản 2 Điều 13 Điều lệ mẫu Thông tư 116 và Khoản 2 Điều 119 LDN</p>
1.	<p>Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Khoản 1 Điều 14 Điều lệ mẫu Thông tư 116 và Khoản 1 Điều 139; Khoản 1 Điều 138 LDN</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p><del>doanh gia hạn thời gian triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính:</del></p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Tổng công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, <del>Kiểm soát viên</del> ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành</p>	<p><i>được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</i></p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Tổng công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Tổng công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;</p>	<p>Khoản 2 Điều 14 Điều lệ mẫu thông tư 116 và Khoản 2 Điều 139 LDN; Khoản 4 Điều 273 Nghị định 155</p> <p>Điều b Khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu thông tư 116 và Điểm b Khoản 1 Điều 140 LDN</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>viên quy định tại Điều lệ này;</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>e. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Điểm d Khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu thông tư 116 và điểm d Khoản 1 Điều 140 LDN</p>
<p>4.e. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>4. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường:</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy</p>	<p>Điểm b, c Khoản 4 Điều 14 Điều lệ mẫu thông tư 116 và Khoản 4 Điều 140 LDN</p> <p>Điểm d khoản 4 Điều 14 Điều lệ mẫu thông tư 116</p>	

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
		<i>đính tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</i>	
	<p><b>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p>	<p><b>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;</p> <p>b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;</p> <p>e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;</p> <p>i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;</p> <p>j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p>	<p>Điều chỉnh toàn bộ điều 15 theo Điều lệ mẫu tại Thông tư 116</p> <p>Bổ sung theo Khoản 2 Điều 138 LDN</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p>	<p>k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bài miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</p> <p>e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>f. Mục cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p>	<p>Khoản 3 Điều 139 và khoản 2 điều 15 Điều lệ mẫu Thông tư 116</p>



STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
		<p>g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>h. Bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thu lao, thương và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng công ty;</p> <p>n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng công ty và chi định người thanh lý;</p> <p>o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;</p> <p>p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p>	

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
		<p>q. Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.</p>	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p><b>Điều 16. Đại diện theo ủy quyền</b></p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p>	<p><b>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p>	<p>Điều 16 Điều lệ mẫu thông tư 116</p> <p>Khoản 2 Điều 144 LDN</p>
	<p><b>Điều 17. Thay đổi các quyền</b></p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông năm giữ ít nhất 66% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông năm giữ ít nhất 66% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu</p>	<p><b>Điều 17. Thay đổi các quyền</b></p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 66% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua.</p>	<p>Khoản 1 Điều 17 Điều lệ mẫu thông tư 116 và Khoản 6 Điều 148 LDN</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>trên biểu quyết thông qua</p> <p>2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này</p>	<p>3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.</p>	<p>Khoản 3 Điều 17 Điều lệ mẫu thông tư 116</p>
<p><b>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. <del>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn bảy(07) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</del></p> <p>d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p>	<p><b>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp không quá bảy (07) ngày làm việc trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng</p>	<p>Khoản 1 Điều 273 Nghị định 155.</p> <p>Điểm a khoản 2 Điều 18 Điều lệ mẫu Thông tư 116 và Khoản 1 Điều 273 Nghị định 155</p> <p>Khoản 5 điều 140 LDN</p>	

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <del>hai</del> (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp đề các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p>	<p><i>quản trị, Kiểm soát viên:</i></p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <i>chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước</i> ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p>	<p>Khoản 3 Điều 16 Điều lệ mẫu Khoản 1 Điều 143 LDN</p>	
5.	<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy</p>	<p>5. <i>Trưởng</i> họp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất</p>	<p>Khoản 3 Điều 142 LDN</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a. <del>Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</del></p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông <del>trở lên trong thời gian hiện tại nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;</del></p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật <del>và Điều lệ này.</del></p>	<p>là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p> <p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	Bổ sung theo khoản 4 Điều 142 LDN
<p><b>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự</p>	<p><b>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu</p>	<p><b>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu</p>	<p>Khoản 1 Điều 145 LDN (Khoản 1 Điều 19 Điều lệ mẫu</p>



STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>hợp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	quyết;	cho phép Điều lệ quy định khác (trên 50%)
<p>2. Trường hợp không có đủ số <del>hạng đại biểu</del> <del>cán thiết</del> trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p>	Khoản 2 Điều 19 Điều lệ mẫu thông tư 116 và Khoản 2 Điều 145 LDN	
<p>3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu <del>cán thiết</del> trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm <del>án định</del> khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba sẽ được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp</p>	<p>3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p>	Khoản 3 Điều 19 Điều lệ mẫu thông tư 116 và Khoản 3 Điều 145 LDN	

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.		
	<p><b>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký <del>cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</del></p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ/phiếu biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại <del>đại hội</del>, số phiếu bầu thành nghị quyết được thu trước, số phiếu không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu</p>	<p><b>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông cho các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>Thay đổi bố cục, thứ tự điều khoản theo Điều 20 Điều lệ mẫu Thông tư 116</p> <p>Điều 146 LDN</p> <p>Điều a Khoản 1 Điều 20 Điều lệ mẫu thông tư 116 và Khoản 5 Điều 146 LDN</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cử đồng quyết định <del>ăn-cứ</del> đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p>		
3.	<p>Cử đồng hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc <del>ở quyền đảng ký ngay</del> và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cử đồng đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p>	<p>b. <i>Cử đồng, người đại diện theo ủy quyền của cử đồng là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cử đồng đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</i></p>	<p>Điểm b Khoản 1 Điều 20 Điều lệ mẫu thông tư 116 và Khoản 6 Điều 146 LDN</p>
4.	<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển đề Đại hội đồng cử đồng bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>2. <i>Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</i></p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành Đại hội đồng cử đồng để bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>Điểm a khoản 2 Điều 146 LDN</p>
	<p>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cử đồng</p>	<p>b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại</p>	<p>Điểm b Khoản 2 Điều 20 Điều lệ mẫu thông tư 116 và Điểm b</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>điều <del>khuyến</del> cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</p> <p>d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>Khoản 2 Điều 146 LDN</p> <p>Bổ sung theo khoản 2 điều 20 Thông tư 116</p>
	<p>6. Chủ tọa đại hội có thể <del>tiến hành</del> các <del>hoạt động</del> cần thiết để điều <del>khuyến</del> cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phân ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p>	<p>4. Chủ tọa đại hội có quyền <i>thực hiện</i> các <i>biện pháp</i> cần thiết và <i>hợp lý</i> để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phân ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự</p>	<p>Khoản 4 Điều 20 Điều lệ mẫu thông tư 116 và Khoản 4 Điều 146 LDN</p>
	<p>7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội <del>khai mạc nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số tương đại biểu dự họp cần thiết</del> theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>5. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông <del>đã có đủ số người đăng ký dự họp tới đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc</del> theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.</p>	<p>Khoản 8 Điều 146 LDN</p>
	<p>8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu <del>các cổ đông</del> hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có <del>ế</del> đồng hoặc đại diện được ủy quyền <del>không tuân thủ những quy định về</del> kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh</p>	<p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Chủ tọa cuộc họp có quyền yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có những người dự họp không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh thì Chủ tọa có thể trực xuất người đó ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Khoản 7 điều 146 LDN</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sẽ được thông qua khi có từ 66% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Bổ sung</p> <p>11. Trường hợp Tổng công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Tổng công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 10 Điều lệ mẫu thông tư 116.</p>
	<p>Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sẽ được thông qua khi có từ 66% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều 21. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề sẽ được thông qua khi có từ 66% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết tham dự trực tiếp (hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tham dự) và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.</p> <p>Bổ sung Khoản 3, Khoản 4:</p> <p>3. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông số hữu trên 66% tổng số phiếu bầu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.</p> <p>4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay</p>	<p>Điều chỉnh tên Điều khoản theo Điều lệ mẫu tại Thông tư 116</p> <p>Khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15</p> <p>Khoản 4, Khoản 6 Điều 148 LDN</p>



STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
		<p><i>đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi cùng loại trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</i></p>	
	<p><b>Điều 22. Thăm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Thăm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p>	<p><b>Điều 22. Thăm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</b></p> <p>Thăm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p>	<p>Khoản 1, 2 điều 149 LDN</p>
	<p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.</p>	<p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông với các vấn đề sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. <i>Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;</i></li> <li>b. <i>Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;</i></li> <li>c. <i>Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</i></li> <li>d. <i>Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;</i></li> <li>đ. <i>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;</i></li> <li>e. <i>Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mọi loại;</i></li> </ul>	

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
		<p>f. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>g. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát;</p> <p>h. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</p> <p>i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>j. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>k. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</p> <p>l. Báo cáo tư đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;</p> <p>m. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;</p> <p>n. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>o. Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;</p> <p>p. Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>q. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p>	<p>Khoản 3 điều 149 LDN</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu</p>	<p>r. Văn đề khác thuộc thẩm quyền của DHD/CĐ trừ trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi cho tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.</p> <p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p>	<p>Khoản 2 điều 149 LDN</p> <p>Khoản 3 Điều 149 LDN</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông;</p>		
	<p>h. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty</p>	<p>h. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	
	<p>6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>e. Các vấn đề đã được thông qua;</p>	<p>6. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p>	<p>Khoản 5 Điều 149 LDN</p>
	<p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p>	<p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p>	
	<p>7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Tổng công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng</p>	<p>7. Biên bản kiểm phiếu, nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Tổng công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ thời điểm kết</p>	

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p>	<p>thúc kiểm phiếu.</p>	
<p><b>Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>j. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>4. <del>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến không tán thành về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thời hạn quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản</del></p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.</p>	<p><b>Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>j. <i>Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</i></p> <p>Bỏ nội dung này</p>	<p>Điểm i khoản 1 điều 150 LDN</p> <p>Điều 23 Điều lệ mẫu thông tư 116</p>	<p>Điều 23 Điều lệ mẫu thông tư 116 và Khoản 6 Điều 150 LDN</p>
	<p>4. <i>Nghi quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định</i></p>	<p>Khoản 4 Điều 23 Điều lệ mẫu thông tư 116 và Khoản 6 Điều 150 LDN</p>	



STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
		<i>pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.</i>	
	<p><b>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, <del>Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc</del>, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông <del>không thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này</del>, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.</li> </ol>	<p><b>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><i>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật này và Điều lệ Tổng công ty, <i>trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật doanh nghiệp</i></li> </ol>	<p>Điều 151 LDN</p> <p>Khoản 2 Điều 115 LDN</p> <p>Khoản 1 Điều 151 LDN</p> <p>Khoản 3 Điều 152 LDN</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	<p>theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p>	
<p><b>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</b> <b>b. Trình độ học vấn</b></p>	<p><b>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>Bổ sung</p> <p><i>f. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</i></p>	<p>Bổ sung theo điểm g khoản 1 Điều 25</p>	
<p><del>i. Các thông tin khác (nếu có):</del></p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông <del>trong thời hạn hạn tục ít nhất sáu (06) tháng</del> có quyền góp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>5. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Khoản 3 Điều 12 dự thảo sửa đổi Điều lệ và Khoản 5 Điều 115 LDN</p>	
<p>3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên</p>		<p>Điểm b khoản 5 điều 115 LDN và khoản 3 Điều 274 Nghị định 155</p>	

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.</p>		
	<p><b>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định tối thiểu là 03 (ba) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đầu tiên là 05 (năm) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là không quá 05 năm; Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau</p> <p>Khi Tổng Công ty là công ty đại chúng chưa niêm yết thì tổng số thành viên Hội đồng quản trị không được ít hơn 03 (ba) thành viên và phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Khi Tổng Công ty đã là công ty niêm yết thì tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p><b>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. <i>Trường hợp tái cử thành viên Hội đồng quản trị cũng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</i></p> <p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau</p> <p><i>Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Tổng công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</i></p> <p>Khi Tổng Công ty đã là công ty niêm yết thì phải có tối thiểu 01 thành viên độc lập Hội đồng quản trị.</p>	<p>Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 154 LDN và Khoản 1, Khoản 2 Điều 26 Điều lệ mẫu tại TT 116</p> <p>Khoản 3 Điều 26 thông tư 116 và Điểm a khoản 3 Điều 41 Luật chứng khoán</p> <p>Điều a Khoản 3 Điều 26 Điều lệ mẫu thông tư 116.</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo Khoản 1 Điều 151 Luật doanh nghiệp.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Có đơn từ chức gửi đến trụ sở chính của Công ty</p> <p>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyển môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng</p> <p>7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể</p>	<p>3. Tiêu chuẩn tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Khoản 4 Điều 25 Điều lệ mẫu thông tư 116.</p> <p>Khoản 4 Điều 26 Điều lệ mẫu thông tư 116.</p> <p>Khoản 3 Điều 275 Nghị định</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	không phải là cổ đông của Tổng công ty	của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.	155
	<p><b>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2.</p>	<p><b>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;</p> <p>b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;</p> <p>e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Khoản 1 điều 153 LDN</p> <p>Điều chỉnh theo Khoản 2 Điều 27 Điều lệ mẫu thông tư 116</p>





STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
		<p>f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng có đồng theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Tổng công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;</p> <p>k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p>	

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và</p>	<p>hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phải sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;</p> <p>p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;</p> <p>q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định khác của pháp luật.</p> <p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Tổng công ty;</p>	

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>hủy bỏ các hợp đồng của Tổng công ty;</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Tổng công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua</p> <p>5. <del>Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng công ty.</del></p>	<p>Bỏ nội dung này</p> <p>Điều 28. Thủ lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Khoản 3 Điều 27 dự thảo Điều lệ mẫu Thông tư 116</p>
	<p>Điều 28. Thủ lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 28. Thủ lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tổng công ty có quyền trả thủ lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh</li> <li>2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thủ lao công việc và thưởng.</li> <li>3. Thủ lao công việc được tính theo số ngày công cần</li> </ol>	<p>Viết lại theo Điều 28 Điều lệ mẫu thông tư 116</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
		<p>thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>4. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mức riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công tron gói theo từng lần, hương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.</p>	

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p><b>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch:</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng có đồng ý đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.</p>	<p><b>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p>
			<p>Điều 29 Điều lệ mẫu thông tư 116 và Khoản 3 Điều 156 LDN</p>



STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p>	<p>e) <i>Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</i>  <i>f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</i></p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p>	<p>Khoản 4 Điều 29 Điều lệ mẫu của Thông tư 116</p>
	<p><b>Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p><b>Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và <i>chủ trì</i>. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>Xây dựng lại theo Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116</p>
	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp</p>	<p>2. <i>Hội đồng quản trị phải họp ít nhất một quý 01 lần và có thể họp bất thường.</i></p>	

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ yêu cầu cuộc họp, văn đề của thảo luận:</p> <p>a. Ban kiểm soát;</p> <p>b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;</p> <p>c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Các trường hợp khác (nếu có).</p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng công ty.</p> <p>6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Tổng công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của</p>	<p>Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;</p> <p>b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Trường hợp khác (nếu có).</p> <p>4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, văn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bao đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.</p> <p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành</p>	<p>Lý do, căn cứ sửa đổi</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị:</p> <p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được thể hiện bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng thư fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Tổng công ty.</p> <p>9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mời thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p>	<p>viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.</p>		

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đồng nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp theo hình thức này có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được xác định bằng biên bản có chữ ký của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p> <p>1.1. Điều quyết:</p> <p>a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên</p>	<p>1.1. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p>	

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c. Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không từ nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định hoặc điều khiển cuộc họp để các thành viên Hội đồng quản trị còn lại có ý kiến thống nhất về việc loại trừ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 41</p> <p>Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;</p> <p>e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>12. Thành viên Hội đồng quản trị trực</p>		



STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>tiếp hoặc giám tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tổng công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.</p> <p>13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết nếu được ít nhất 2/3 số thành viên dự họp tán thành, trừ trường hợp số phiếu ngang nhau thì quy định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	<p>12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được ít nhất 2/3 số thành viên dự họp tán thành.</p>	
	<p><b>Điều 31. Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiêu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương</p>	<p><b>Điều 31. Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiêu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của</p>	<p>Khoản 1 Điều 31 Điều lệ mẫu Thông tư 116</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>thường, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiêu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiêu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiêu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiêu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiêu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiêu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>tiêu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiêu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiêu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiêu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiêu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiêu ban.</p>	<p>Khoản 2 Điều 31 Điều lệ mẫu Thông tư 116</p>
<p><b>Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ</p>	<p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiêu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty.</p>	<p><b>Điều 32. Người phụ trách quản trị Tổng công ty</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người</p>	<p>Khoản 1 Điều 32 Điều lệ mẫu Thông tư 116 và Khoản 1 Điều 281. Nghị định 155</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>hoạt động quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>b. Không được đồng thời làm việc cho <del>ông ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty</del></p> <p>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật. <del>Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</del></p> <p>4. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và <del>Điều lệ Tổng công ty.</del></p>	<p>phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>b. Không được đồng thời làm việc cho <i>tổ chức kiểm toán được chấp thuận</i> đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty</p> <p>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Khoản 2 Điều 32 Điều lệ mẫu Thông tư 116 và Khoản 2 Điều 281 Nghị định 155</p>
	<p><b>Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp</b></p> <p>1, 2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số</p>	<p><b>Điều 34. Người điều hành Tổng công ty</b></p> <p>1. <i>Người điều hành Tổng công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.</i></p>	<p>Khoản 1 Điều 34 Điều lệ mẫu Thông tư 116</p> <p>Đổi số thứ tự</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn căn để hỗ trợ Tổng công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>2-3. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.</p>	<p>4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p>Đổi số thứ tự</p> <p>Khoản 4 Điều 34 Điều lệ mẫu Thông tư 116</p>
	<p><b>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng</p>	<p><b>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của</p>	<p>Khoản 1 Điều 35 Điều lệ mẫu Thông tư 116 và Khoản 1 Điều 162 LDN</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty.</p>	<p>Tổng công ty.</p> <p>Bổ sung:            2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p>	<p>Khoản 2 Điều 35 Điều lệ mẫu Thông tư 116</p>
<p>2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc:</p> <p>b. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>d. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ,</p>	<p>3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc:</p> <p>b. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp</p>	<p>Khoản 2 Điều 162 LDN và Khoản 3 Điều 35 Điều lệ mẫu Thông tư 116</p> <p>Điểm a Khoản 5 Điều 162 LDN</p>	
<p>d. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ,</p>	<p>d. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp. Kiểm soát viên của Tổng công ty;</p>	<p>Điểm b Khoản 5 Điều 162 và Khoản 22 Điều 4 LDN</p>	



STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
<p>em ruột, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người đang đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện vốn Nhà nước tại Tổng công ty, của thành viên Hội đồng quản trị, của Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Tổng công ty; Kiểm soát viên Tổng công ty</p> <p>4. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Tổng công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Tổng công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Tổng công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương</p>	<p>người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Tổng công ty. Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng</p> <p>5. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty đã được Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;</p> <p>b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Tổng công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>e. Kiến nghị số lượng người điều hành doanh nghiệp mà Tổng công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;</p>	<p>Điểm b, c Khoản 4 Điều 35</p> <p>Điều lệ mẫu Thông tư 116</p> <p>Điểm a Khoản 4 Điều 35 Điều lệ mẫu Thông tư 116</p>	

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp đề Hội đồng quản trị quyết định;</p> <p>g. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phát hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p> <p>m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Tổng công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty.</p>	<p>g. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách cũng như <i>phù hợp</i> với kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p> <p>m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, các quy chế nội bộ của Tổng công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty.</p>	
<p><b>Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</b></p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện <del>trưng</del> <i>trư</i> quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đề cử bổ sung ứng viên có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. <del>Cơ chế Ban kiểm soát</del> <i>đương</i></p>	<p><b>Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</b></p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. <i>Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</i></p>	<p>Khoản 2 Điều 36 Điều lệ mẫu thông tư 116.</p>	

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p><del>nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</del></p>		
	<p><b>Điều 37. Kiểm soát viên</b></p> <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p>	<p><b>Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát</b></p> <p>2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và không thuộc các trường hợp sau:</p>	
<p>3. <del>Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Tổng công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</del></p> <p>a. <del>Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</del></p> <p>b. <del>Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</del></p>	<p>3. <del>Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</del></p> <p>a) <del>Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;</del></p> <p>b) <del>Có đơn từ chức và được chấp thuận.</del></p>	<p>Tách nội dung Trưởng ban kiểm soát thành một Điều riêng theo Điều lệ mẫu thông tư 116</p>	

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p><del>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị đề trình Đại hội đồng cổ đông;</del></p> <p>4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p><del>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;</del></p> <p><del>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</del></p> <p><del>c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</del></p> <p><del>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. Điều lệ Tổng công ty:</del></p> <p><del>1. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</del></p> <p><del>a. Không hoàn thành nhiệm vụ công việc được phân công;</del></p> <p><del>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm</del></p>	<p>4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;</p> <p>d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Khoản 3, Khoản 4 Điều 37 Điều lệ mẫu thông tư 116.</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p><del>soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;</del></p> <p><del>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</del></p> <p><del>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty.</del></p>	<p><b>Bổ sung Điều 38</b></p> <p><b>Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:</p> <p>a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham</p>	<p>Điều 38 Điều lệ mẫu thông tư 116.</p>



STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
		<p>Khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p>	
	<p><b>Điều 38. Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p>	<p><b>Điều 39. Quyền và nghĩa vụ Ban kiểm soát</b></p> <p>1. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p>	<p>Điều 39 Điều lệ mẫu thông tư 166 và Điều 288 Nghị định 155; Khoản 3 Điều 171 LDN.</p>
	<p>a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty;</p> <p>c. Giám sát tình hình tài chính Tổng công ty, tình hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc và cổ đông;</p>	<p>a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bất miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p> <p>c. Giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.</p> <p>d. Đàm phán phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.</p>	
	<p>d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông</p>	<p>e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu</p>	

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p>	<p>qua.</p> <p>f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.</p> <p>i. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.</p> <p>j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Quy chế hoạt động Ban kiểm soát.</p>	<p>Điều 40 Điều lệ mẫu TT 116</p>
	<p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.</p>	<p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành</p>	

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>4. Tiền lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</p>	<p>Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p> <p>4. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>a. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>b. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>c. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty.</p>	<p>Điều 41 Điều lệ mẫu Thông tư 116</p>
	<p><b>Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b></p>	<p><b>Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b></p>	

STT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ dự thảo Điều lệ sửa đổi	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p> <p>4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Tổng công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các</p>	<p>Điều chỉnh toàn bộ điều này theo Điều 47 Điều lệ mẫu thông tư 116</p>	



STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính từ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ – công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyê n ngành có quy định khác.</p> <p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p>	<p>giao dịch có liên quan.</p> <p>6. Giao dịch giữa Tổng công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p> <p>b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p>	

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị; Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị; Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết và vấn đề đó; và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Tổng công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị; Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều</p>		



STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>		
	<p><b>Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b></p> <p>3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Tổng công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty được Tổng công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ kiện nại, kiện, khởi tố (từ các vụ kiện do Tổng công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cảm vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p>	<p><b>Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</b></p> <p>Bỏ nội dung này</p>	<p>Vì nội dung này trùng với nội dung tại khoản 2 Điều này.</p>
	<p><b>Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</b></p>	<p><b>Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</b></p> <p>1. Có đồng phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>a. Có đồng phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông</p>	<p>Điều 49 Điều lệ mẫu thông tư 116</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>1- 2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra <del>đánh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục</del> các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Tổng công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p> <p>2- Thành viên Hội đồng quản trị [...]</p> <p>3- Tổng công ty phải lưu [...]</p> <p>4- Điều lệ Tổng công ty [...]</p>	<p><i>có quyền biên quyết, yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này <i>có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Tổng công ty.</i> Việc kiểm tra trích lục nêu trên được thực hiện trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Tổng công ty.</p> <p>2. <i>Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu số sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</i></p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị [...]</p> <p>4. Tổng công ty phải lưu [...]</p> <p>5. Điều lệ Tổng công ty [...]</p>	<p>Đổi số thứ tự</p>
	<p><b>Điều 45. Phân phối lợi nhuận</b></p> <p>4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới mỗi loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ</p>	<p>4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ</p>	<p>Khoản 4 Điều 51 Điều lệ mẫu Thông tư 116</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cô đồng cung cấp.</p> <p>Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cô đồng cung cấp mà cô đồng đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty đã chuyển cho cô đồng này. Việc thanh toán cô tức đối với các cô phiếu đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc <del>Trung tâm</del> <del>tra cứu chứng khoán Việt Nam</del>.</p> <p>5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cô đồng. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cô đồng hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, <del>hối suất, phần phát lợi nhuận, phần</del> <del>ô phiếu</del>, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p>	<p>đồng cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cô đồng cung cấp mà cô đồng đó không nhận được tiền, Tổng công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty đã chuyển cho cô đồng này. Việc thanh toán cô tức đối với các cô phiếu niêm yết/ đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc <i>Trung tâm lưu ký chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký chứng khoán tại từng thời điểm phù hợp với quy định pháp luật.</i></p> <p>5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, <i>quyết định</i> xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cô đồng. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cô đồng hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức <i>bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu</i>, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p>	<p>Khoản 5 Điều 51 Điều lệ mẫu Thông tư 116</p>
	<p><b>CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QỦY DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</b></p> <p><b>Điều 48. Chế độ kế toán</b></p>	<p><b>CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</b></p> <p><b>Điều 49. Chế độ kế toán</b></p>	

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.</p>	<p>1. Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.</p>	<p>Khoản 1 Điều 54 Điều lệ mẫu Thông tư 116</p>
	<p><b>Điều 49. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</b></p> <p>1. Tổng công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 51 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, trừ trường hợp được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính năm khi có yêu cầu bằng văn bản của Tổng công ty nhưng tối đa không quá 100 ngày, Tổng công ty phải nộp báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Tổng công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm</p>	<p><b>Điều 50. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</b></p> <p>1. Tổng công ty phải lập Báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Tổng công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>	<p>Khoản 1 Điều 55 Điều lệ mẫu Thông tư 116</p> <p>Khoản 2 Điều 55 Điều lệ mẫu</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phân ánh một cách trung thực và khách quan hình ảnh về lãi/lỗ của Tổng công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phân ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo tư chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p> <p>3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sâu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và một cơ quan thuế hải quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phân ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Tổng công ty.</p> <p>3. Tổng công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sâu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>	<p>Thông tư 116</p> <p>Khoản 3 Điều 55 Điều lệ mẫu Thông tư 116</p>
<p><b>Điều 51. Kiểm toán</b></p> <p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.</p> <p>4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Tổng công ty được phép</p>	<p><b>Điều 52. Kiểm toán</b></p> <p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>3. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.</p> <p>4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty được phép tham dự các cuộc</p>	<p>Khoản 3 Điều 57 Điều lệ mẫu Thông tư 116</p> <p>Khoản 4 Điều 57 Điều lệ mẫu Thông tư 116</p>	



STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.</p>	<p>hợp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng công ty.</p>	
<p><b>Điều 52. Con dấu</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Tổng công ty. Tổng công ty có 01 con dấu. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau:</p> <p>a) Tên doanh nghiệp; địa chỉ quản thành phố của trụ sở;</p> <p>b) Mã số doanh nghiệp;</p> <p>c) Con dấu hình tròn, kích thước 3,6 cm, màu mực đỏ và Tổng công ty có 01 mẫu con dấu thông nhất về nội dung, hình thức và kích thước.</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p><b>Điều 53. Con dấu</b></p> <p>1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dươi hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p> <p>2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Tổng công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty (nếu có).</p>	<p>3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>Điều 58 điều lệ mẫu Thông tư 116</p>
<p><b>CHƯƠNG XVIII: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</b></p>	<p><b>CHƯƠNG XVIII: GIẢI THỂ TỔNG CÔNG TY VÀ THANH LÝ</b></p>		

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p><b>Điều 53. Chấm dứt hoạt động</b></p> <p>1. Tổng công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng công ty - kể cả sau khi đã gia hạn;</p> <p>b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p>	<p><b>Điều 54. Giải thể Tổng công ty</b></p> <p>1. Tổng công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;</p> <p>b. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật quản lý thuế có quy định khác;</p>	<p>Khoản 1 Điều 59 Điều lệ mẫu Thông tư 116</p>
	<p><b>Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ</b></p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Tổng công ty, các quy định giữa:</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nêu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.</p>	<p><b>Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ</b></p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Tổng công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Tổng công ty, hoặc thỏa thuận giữa:</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.</p>	<p>Khoản 1 Điều 62 Điều lệ mẫu Thông tư 116.</p> <p>Khoản 2 Điều 62 Điều lệ mẫu Thông tư 116.</p>
	<p><b>Điều 57. Điều lệ Tổng công ty</b></p>	<p><b>Điều 58. Điều lệ Tổng công ty</b></p>	

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p>2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.</p>	<p>2. Trong trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.</p>	<p>Khoản 2 Điều 63 Điều lệ mẫu Thông tư 116</p>
	<p><b>Điều 58. Ngày hiệu lực</b></p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 58 Điều được Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất Tổng công ty Lương thực miền Nam Công ty cổ phần nhất trí thông qua ngày 11 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tổng công ty Lương thực miền Nam công ty cổ phần và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này và được sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất theo Nghị quyết số 02/2020/V-SF-DHĐCĐ ngày 29/2/2020 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:</p> <p>a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;</p> <p>b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban</p>	<p><b>Điều 59. Ngày hiệu lực</b></p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 59 Điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần nhất trí thông qua ngày tháng năm tại trụ sở Tổng công ty Lương thực miền Nam – công ty cổ phần và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.</p>	<p>Khoản 1, Khoản 2 Điều 64 Điều lệ mẫu Thông tư 116</p>

STT	Điều lệ hiện hành	Nội dung dự thảo Điều lệ sửa đổi	Lý do, căn cứ sửa đổi
	<p><del>nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;</del> e.Bán (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.</p>		
	<p>Mục ký tên “TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ”  CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	<p>“Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật”  Bỏ nội dung này</p>	<p>Mục ký tên tại Điều lệ mẫu Thông tư 116 và Điểm c Khoản 4 Điều 24 LDN</p>



# TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

Tr-LTMN-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2022

## TỜ TRÌNH

V/v phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề sau:

1. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty được xây dựng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020, Điều 7 của Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính với các nội dung cụ thể theo dự thảo đính kèm;

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị và giao Chủ tịch Hội đồng quản trị được chủ động hoàn thiện Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần để phát hành bản chính thức phù hợp với quy định của pháp luật.

(Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty được đăng tải trên website: [www.vinafood2.com.vn](http://www.vinafood2.com.vn))

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, PC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Huy Hưng**



## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	<b>5</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng .....	5
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt .....	5
<b>CHƯƠNG 2. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> .....	<b>6</b>
<b>Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</b> .....	<b>6</b>
Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông .....	6
<b>Mục 2. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b> .....	<b>6</b>
Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông .....	6
Điều 5. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông .....	7
Điều 6. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông .....	9
Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông .....	9
Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông .....	9
Điều 9. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông .....	11
Điều 10. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....	12
Điều 11. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông .....	13
Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội .....	13
Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết .....	14
Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử .....	14
Điều 15. Cách thức kiểm phiếu .....	15
Điều 16. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua .....	15
Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu .....	16
Điều 18. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	16
Điều 19. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....	17
Điều 20. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....	17
<b>Mục 3. Quy định đối với Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</b> .....	<b>18</b>
Điều 21. Trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản .....	18
Điều 22. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản .....	19
<b>Mục 4. Quy định đối với Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến</b> .....	<b>20</b>
Điều 23. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến .....	20

Điều 24. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến -----	21
Điều 25. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử -----	21
Điều 26. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến-----	21
Điều 27. Điều kiện tiến hành -----	22
Điều 28. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến -----	22
Điều 29. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	22
Điều 30. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến-----	23
Điều 31. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến-----	23
Điều 32. Thông báo kết quả kiểm phiếu -----	24
Điều 33. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông -----	24
Điều 34. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông-----	24
<b>Mục 5. Quy định đối với Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến -----</b>	<b>24</b>
Điều 35. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông-----	24
Điều 36. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông -----	24
Điều 37. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông-----	24
Điều 38. Điều kiện tiến hành -----	24
Điều 39. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông -----	24
Điều 40. Cách thức bỏ phiếu -----	24
Điều 41. Cách thức kiểm phiếu -----	24
Điều 42. Thông báo kết quả kiểm phiếu -----	24
Điều 43. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông -----	24
Điều 44. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông-----	24
<b>CHƯƠNG 3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ-----</b>	<b>25</b>
<b>Mục 1. Quy định chung -----</b>	<b>25</b>
Điều 45. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT -----	25
Điều 46. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT -----	25
<b>Mục 2. Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT-----</b>	<b>26</b>
Điều 47. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên HĐQT-----	26
Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT-----	26
Điều 49. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT -----	27
Điều 50. Cách thức bầu thành viên HĐQT -----	27

**Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần**

Điều 51. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT	27
Điều 52. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	28
Điều 53. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT	28
Điều 54. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT	28
<b>Mục 3. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT</b>	<b>29</b>
Điều 55. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT	29
<b>Mục 4. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT</b>	<b>30</b>
Điều 56. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm	30
Điều 57. Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường	30
Điều 58. Thông báo họp HĐQT và quyền dự họp HĐQT của thành viên Ban kiểm soát	30
Điều 59. Điều kiện tổ chức họp HĐQT	31
Điều 60. Cách thức biểu quyết	31
Điều 61. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT	32
Điều 62. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên HĐQT	32
Điều 63. Lập biên bản họp HĐQT	32
Điều 64. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp HĐQT	33
Điều 65. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT	33
<b>Mục 5. Các tiểu ban thuộc HĐQT</b>	<b>33</b>
Điều 66. Các tiểu ban thuộc HĐQT	33
<b>Mục 6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty</b>	<b>33</b>
Điều 67. Người phụ trách quản trị Tổng công ty	33
Điều 68. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty	34
Điều 69. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty	34
Điều 70. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty	34
<b>CHƯƠNG 4. BAN KIỂM SOÁT</b>	<b>34</b>
<b>Mục 1. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát</b>	<b>34</b>
Điều 71. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát	35
<b>Mục 2. Quy định về Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát</b>	<b>35</b>

**Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần**

Điều 72. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát-	35
Điều 73. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát-----	36
Điều 74. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát-----	36
Điều 75. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát-----	37
Điều 76. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát ---	37
Điều 77. Thông báo bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát ---	37
Điều 78. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát-----	37
<b>CHƯƠNG 5. TỔNG GIÁM ĐỐC-----</b>	<b>38</b>
<b>Mục 1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc -----</b>	<b>38</b>
Điều 79. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc-----	38
<b>Mục 2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc -----</b>	<b>39</b>
Điều 80. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc -----	39
Điều 81. Ứng cử, đề cử Tổng giám đốc-----	40
Điều 82. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc -----	40
Điều 83. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc-----	40
Điều 84. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc-----	40
<b>CHƯƠNG 6. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC -----</b>	<b>40</b>
Điều 85. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc---	40
Điều 86. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác-----	41
Điều 87. Khen thưởng-----	41
Điều 88. Kỷ luật-----	41
<b>CHƯƠNG 7. SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY -----</b>	<b>42</b>
Điều 89. Bổ sung và sửa đổi Quy định nội bộ về quản trị Công ty -----	42
<b>CHƯƠNG 8. NGÀY HIỆU LỰC-----</b>	<b>42</b>
Điều 90. Ngày hiệu lực-----	42

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ  
TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần;*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số..., ngày ... tháng ... năm 2022.*

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần;

Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần bao gồm các nội dung sau:

**CHƯƠNG 1.  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan được đề cập trong quy chế này.

**Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt**

1. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Tổng công ty: là Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.

3. HĐQT: là viết tắt của Hội đồng quản trị.

4. BKS: là viết tắt của Ban kiểm soát.



5. Đại biểu: là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền).
6. Ứng cử: là tự đề cử.
7. TCLKCK: Tổ chức lưu ký chứng khoán.
8. UBCKNN: là viết tắt của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
9. SGDK: là viết tắt của Sở giao dịch chứng khoán.
10. HOSE: là viết tắt của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
11. Người phụ trách quản trị Tổng công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

## **CHƯƠNG 2. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### ***Mục 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông***

#### **Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định theo Điều 138 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Điều 14, Điều 15 Điều lệ Tổng công ty.

### ***Mục 2. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông***

#### **Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 Điều lệ Tổng công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều 14 Điều lệ Tổng công ty;

b. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Điều lệ Tổng công ty thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Điều lệ Tổng công ty thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 3 Điều 14 Điều lệ Tổng công ty có quyền yêu cầu đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc

## **Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần**

triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Tổng công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 5. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông**

1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa:

a. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và phù hợp để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

d. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

e. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

- Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

- Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

f. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.

g. Đoàn Chủ tọa gồm 3 - 5 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 2 - 4 thành viên.

h. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

## **Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần**

- Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;

- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;

- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;

- Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

i. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

2. Thư ký đại hội:

a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;

- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của cổ đông/Đại biểu;

- Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

3. Ban kiểm phiếu:

a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.

- Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết.

- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.

- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:

a. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm trong Ban kiểm tra tư cách cổ đông/Đại biểu phục vụ cuộc họp. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 3-5 người, bao gồm 01 Trưởng ban và 2 - 4 thành viên.

b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:

- Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

- Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty được tổ chức tiến hành.

- Tham gia kiểm phiếu các nội dung khác trước khi thành lập Ban kiểm phiếu.

**Điều 6. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày TCLKCK xác lập danh sách người sở hữu chứng khoán được hưởng quyền phù hợp với quy định của pháp luật. Tổng công ty phải công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng và việc lập danh sách cổ đông có quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp ĐHCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

2. HĐQT gửi thông báo và các tài liệu liên quan đến Sở giao dịch chứng khoán (SGDCK) và Trung tâm lưu ký chứng khoán (TTLKCK) thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ít nhất là 10 (mười) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng.

**Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b. Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử.

4. Trường hợp Tổng công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

**Điều 8. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 4 Quy chế này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông có quyền dự họp không quá bảy (07) ngày làm việc trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

## **Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần**

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;

c. Thẻ/Phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ Tổng công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

**Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần**

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ Tổng công ty;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

**Điều 9. Cách thức đăng ký, ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông**

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Tổng công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Tổng công ty.

b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;

- Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này; (Trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện).

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

- Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

- Tổng công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Tổng công ty;

b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được



lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

c. Phiếu biểu quyết/Phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

- Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

- Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông

Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

### **Điều 10. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết;

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

### **Điều 11. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản và các hình thức khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 12. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội**

#### **1. Nguyên tắc chung**

a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.

b. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Tổng công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

#### **2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử**

##### **a. Phiếu biểu quyết**

Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu biểu quyết hợp lệ

##### **b. Phiếu bầu cử**

- Phiếu bầu cử hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự và gửi về cho Ban kiểm phiếu trước thời điểm mở niêm phong thùng phiếu.

- Phiếu bầu cử không hợp lệ:

- + Nội dung không đúng theo các quy định của Phiếu bầu cử hợp lệ;
- + Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu;
- + Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- + Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 13. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết**

#### **1. Nguyên tắc chung**

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

#### **2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết**

a. Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

b. Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “√” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

### **Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử**

#### **1. Nguyên tắc chung**

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và Ban kiểm soát.

#### **2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử**

##### **a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu**

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;

## **Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần**

- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);

- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp phiếu cũ;

- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

+ Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu;

+ Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;

+ Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- Nguyên tắc trúng cử:

+ Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

+ Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

+ Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết:

Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 13 Quy chế này.

### **Điều 15. Cách thức kiểm phiếu**

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách tổng hợp thẻ/phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

### **Điều 16. Điều kiện để nghị quyết được thông qua**

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề sẽ được thông qua khi có từ 66% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tham dự trực tiếp (hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tham dự) và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

2. Việc bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một

hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

3. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 66% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

5. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

#### **Điều 17. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

#### **Điều 18. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Tổng công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Tổng công ty có quyền yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Tổng công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Tổng công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật doanh nghiệp;

b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.

**Điều 19. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên (nếu có);
- i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- j. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
- k. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến không tán thành về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

**Điều 20. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp



phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

**Mục 3. Quy định đối với Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

**Điều 21. Trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản**

HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với các vấn đề sau đây:

- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
- b. Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;
- c. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- d. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- f. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- g. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;
- h. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- i. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- l. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- m. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên;
- n. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;
- o. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- p. Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;
- q. Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

s. Vấn đề khác thuộc thẩm quyền của HĐQT trừ trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

**Điều 22. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

1. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Tổng công ty.

3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến

a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/ phiếu bầu cử của cổ đông;
- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- Phương án bầu cử (nếu có);
- Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

b. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

- Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu

## ***Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần***

HDQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề, tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên (nếu có);
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HDQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HDQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

### **5. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu**

a. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

b. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **6. Lưu tài liệu:**

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

7. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thực hiện theo Khoản 2 Điều 18 Quy chế này.

***Mục 4. Quy định đối với Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến***

### **Điều 23. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

Lưu ý: Phiếu biểu quyết/ bầu cử không cần gửi kèm thông báo mời họp.

**Điều 24. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

1. Điều kiện tham gia:

- Có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông lập theo thông báo thực hiện quyền của Tổng công ty.
- Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và điều lệ Tổng công ty.

2. Yêu cầu kỹ thuật:

Đại biểu cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...).

3. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 25 Quy chế này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

**Điều 25. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử**

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do HĐQT quy định). Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

2. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Tổng công ty.

3. Đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử Theo nội dung của Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

**Điều 26. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

1. Cổ đông thực hiện ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy chế này.

2. Một số quy định cần lưu ý khi thực hiện ủy quyền trực tuyến:

Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền trực tuyến, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ

## **Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần**

liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.

Hiệu lực của ủy quyền trực tuyến: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.
- Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
- Tổng công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức.

Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Tổng công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Tổng công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.

Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

### **Điều 27. Điều kiện tiến hành**

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

### **Điều 28. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến**

a. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;
- Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận;
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội;
- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.

b. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Tổng công ty trả lời sau.

### **Điều 29. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức bỏ phiếu điện tử.

**Điều 30. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến**

**a. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:**

- Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc không ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.

- Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

**b. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:**

Bầu cử theo phương thức bầu đôn phiếu: Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu đôn phiếu (bầu đôn đều hoặc bầu ghi số). Theo đó, Đại biểu thực hiện việc bầu cử bằng cách đánh dấu vào ô “Bầu đôn phiếu” hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.

**c. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:**

- Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.

- Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.

- Đại biểu có thể thay đổi nội dung biểu quyết, bầu cử của mình (nhưng không thể hủy nội dung biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.

- Trong trường hợp, Đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên khác với (lớn hơn hoặc nhỏ hơn) tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.

- Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại đại hội. Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Tổng công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

**Điều 31. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến**

Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số biểu quyết tán thành, biểu quyết không tán thành và biểu quyết không ý kiến.



**Điều 32. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp

**Điều 33. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

- Thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.
- Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Đại hội cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.
- Hình thức thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc tại các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty.

**Điều 34. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

*Mục 5. Quy định đối với Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến*

**Điều 35. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

**Điều 36. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 và Điều 24 Quy chế này.

**Điều 37. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 và Điều 26 Quy chế này.

**Điều 38. Điều kiện tiến hành**

Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

**Điều 39. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Điều 11, Điều 29 Quy chế này.

**Điều 40. Cách thức bỏ phiếu**

Thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 và Điều 30 Quy chế này.

**Điều 41. Cách thức kiểm phiếu**

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 và Điều 31 Quy chế này.

**Điều 42. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 32 Quy chế này.

**Điều 43. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Điều 19 và Điều 33 Quy chế này.

**Điều 44. Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

Thực hiện theo quy định tại Điều 20 Quy chế này.

### **CHƯƠNG 3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Mục 1. Quy định chung**

#### **Điều 45. Vai trò, Quyền và nghĩa vụ của HĐQT**

HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Tổng công ty;
2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty;
3. Đảm bảo hoạt động của Tổng công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Tổng công ty;
4. Xây dựng Quy chế hoạt động của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty theo hướng dẫn tại Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.;
5. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Tổng công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;
6. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 270 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
7. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty;
8. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty;
9. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 280 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
10. Báo cáo về tình hình quản trị công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của Tổng công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
11. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Điều lệ Tổng công ty.

#### **Điều 46. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của thành viên HĐQT**

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.

## ***Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần***

2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d. Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

### ***Mục 2. Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT***

#### **Điều 47. Số lượng, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên HĐQT**

1. Số lượng thành viên HĐQT là 05 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:

a. Cơ cấu HĐQT của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên HĐQT là thành viên không điều hành. Tổng công ty hạn chế tối đa thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của HĐQT.

b. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

c. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

d. Thành viên HĐQT không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

#### **Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên HĐQT**

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc.

3. Thành viên HĐQT chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT tại tối đa 05 công ty khác.

**Điều 49. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT**

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; từ 90% trở lên được đề cử đủ ứng cử viên.

2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

**Điều 50. Cách thức bầu thành viên HĐQT**

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

**Điều 51. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp thành viên đó không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

**Điều 52. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Tổng công ty theo trình tự và quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 53. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT**

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;

Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).

**Điều 54. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT**

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;

## **Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần**

- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

### **Mục 3. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT**

#### **Điều 55. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT**

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng.

3. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

4. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

5. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

6. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.



7. Thành viên HĐQT có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

#### **Mục 4. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT**

##### **Điều 56. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm**

1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

2. HĐQT họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

##### **Điều 57. Các trường hợp phải triệu tập họp HĐQT bất thường**

1. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:

- a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT;
- d. Trường hợp khác do Điều lệ Tổng công ty quy định.

2. Đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

3. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

##### **Điều 58. Thông báo họp HĐQT và quyền dự họp HĐQT của thành viên Ban kiểm soát**

1. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Tổng công ty.

2. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên HĐQT.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

**Điều 59. Điều kiện tổ chức họp HĐQT**

Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

**Điều 60. Cách thức biểu quyết**

1. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Điều 62 Quy chế này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

**3. Biểu quyết**

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 1 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 6 Điều 41 Điều lệ Tổng công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

4. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng công ty và biết bản

thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Tổng công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

5. HĐQT có quyền lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua Nghị quyết HĐQT khi thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ Tổng công ty.

6. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của ít nhất 2/3 thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

7. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

#### **Điều 61. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT**

Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được ít nhất 2/3 số thành viên dự họp tán thành.

#### **Điều 62. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên HĐQT**

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

#### **Điều 63. Lập biên bản họp HĐQT**

Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

## **Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần**

i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 64 Quy chế này.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

### **Điều 64. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp HĐQT**

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h Điều 63 Quy chế này thì biên bản này có hiệu lực.

### **Điều 65. Thông báo nghị quyết, quyết định của HĐQT**

Sau khi ban hành Nghị quyết/Quyết định HĐQT, Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Tổng công ty theo trình tự và quy định hiện hành.

### **Mục 5. Các tiểu ban thuộc HĐQT**

#### **Điều 66. Các tiểu ban thuộc HĐQT**

1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là 03 (ba) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

### **Mục 6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty**

#### **Điều 67. Người phụ trách quản trị Tổng công ty**

1. HĐQT phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

## **Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần**

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 68. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty**

1. HĐQT có thể bãi nhiệm/miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
2. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của HĐQT.

### **Điều 69. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty**

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty, Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Tổng công ty theo trình tự và quy định pháp luật hiện hành.

### **Điều 70. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty**

Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG 4. BAN KIỂM SOÁT**

### **Mục 1. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**

**Điều 71. Vai trò, quyền, nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát có các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Tổng công ty. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Tổng công ty có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

3. Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

c. Giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông.

e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát để công ty đại chúng tham chiếu xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

**Mục 2. Quy định về Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát**

**Điều 72. Số lượng, nhiệm kỳ, thành phần và cơ cấu thành viên Ban kiểm soát**

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty là 03 người.

2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.



4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Tổng công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam.

5. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

### **Điều 73. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát**

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d. Không phải là người quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty;

e. Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;

f. Không phải là người là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liên trước đó.

g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty; người đại diện phần vốn của Tổng công ty, người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty, đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 169 của luật doanh nghiệp.

3. Trưởng Ban kiểm soát - phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

### **Điều 74. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát**

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, 2 Điều 25 Điều lệ Tổng công ty.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm

giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

**Điều 75. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát**

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

**Điều 76. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;
- d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 77. Thông báo bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Tổng công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

**Điều 78. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát**

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không

vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty.

## **CHƯƠNG 5. TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **Mục 1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc**

#### **Điều 79. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc**

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;

b. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Tổng công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng công ty;

e. Kiến nghị số lượng người điều hành doanh nghiệp mà Tổng công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;

f. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách cũng như phù hợp với kế hoạch tài chính năm (05) năm;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty;

**Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần**

i. Quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, tuyển dụng, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu, cho thôi giữ chức vụ, mức lương và phụ cấp đối với các chức danh quản lý trong Tổng công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

k. Đề nghị HĐQT Tổng công ty quyết định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh: Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Tổng công ty; thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty và Kiểm soát viên công ty con là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng công ty nắm 100% vốn điều lệ.

l. Đề nghị HĐQT quyết định cử Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác, giới thiệu người tham gia vào HĐQT, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát tại doanh nghiệp khác.

m. Thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của các doanh nghiệp thành viên.

n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, các quy chế nội bộ của Tổng công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty.

**Mục 2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc**

**Điều 80. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc**

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a. Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh doanh; có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty, phải có kinh nghiệm ít nhất ba (03) năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của Tổng công ty;

b. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

c. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành Pháp luật;

d. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Tổng công ty; người đại diện phần vốn nhà nước; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Tổng công ty. Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

e. Không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.

**Điều 81. Ứng cử, đề cử Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc, các thành viên HĐQT có quyền đề cử ứng viên Tổng giám đốc theo đúng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 80 Quy chế này và trình lên HĐQT xem xét khi Tổng công ty có nhu cầu tìm kiếm Tổng giám đốc.

**Điều 82. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc**

HĐQT bổ nhiệm 01 thành viên HĐQT hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

HĐQT có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi được ít nhất 2/3 số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

HĐQT có thẩm quyền ký kết/ chấm dứt hợp đồng và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điểm i Khoản 2 Điều 27 và Điều 35 Điều lệ Tổng công ty.

**Điều 83. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc**

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc, Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Tổng công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Tổng công ty theo trình tự và quy định pháp luật hiện hành.

**Điều 84. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc**

1. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do HĐQT quyết định.

2. Tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

**CHƯƠNG 6.  
CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC**

**Điều 85. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc**

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

4. HĐQT ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

5. Mọi quan hệ giữa HĐQT và Ban Kiểm soát: HĐQT chịu sự giám sát, kiểm tra của Ban kiểm soát.

**Điều 86. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác**

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác.

2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Tổng công ty và cổ đông.

3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.

4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của BKS.

5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

**Điều 87. Khen thưởng**

1. HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng (nếu có) có trách nhiệm xây dựng chính sách khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 86 của Quy chế này.

2. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Tổng công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do Tổng giám đốc lập kế hoạch trình HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng Ban điều hành và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Điều 88. Kỷ luật**

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hình thức kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.



2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Tổng công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Tổng công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG 7.**

### **SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

#### **Điều 89. Bổ sung và sửa đổi Quy định nội bộ về quản trị Công ty**

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty xem xét và quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

## **CHƯƠNG 8.**

### **NGÀY HIỆU LỰC**

#### **Điều 90. Ngày hiệu lực**

1. Quy chế này gồm 08 Chương, 90 Điều được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm ..... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Huy Hưng**



# TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn



TTTr-LTMN-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2022

## TỜ TRÌNH

**trình phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (sau đây gọi tắt là Tổng công ty);*

*Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty ban hành kèm theo Quyết định số 07/2019/QĐ-LTMN-HĐQT ngày 15/3/2019 của Hội đồng quản trị Tổng công ty.*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề sau:

1. Phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty được xây dựng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020, Điều 7 của Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính với các nội dung cụ thể theo dự thảo đính kèm;

2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị và giao Chủ tịch Hội đồng quản trị được chủ động hoàn thiện Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị của Tổng công ty để phát hành bản chính thức phù hợp với quy định của pháp luật.

*(Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty được đăng tải trên website: www.vinafood2.com.vn)*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, PC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Huy Hưng**

**MỤC LỤC**

<b>CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG .....</b>	<b>3</b>
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị .....	3
<b>CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>4</b>
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị .....	4
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị .....	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	5
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị... 7	
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị .....	7
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị....	8
<b>CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>9</b>
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị .....	9
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	11
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đồng bất thường.....	11
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.....	12
<b>CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>13</b>
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	13
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị .....	15
<b>CHƯƠNG V: CHƯƠNG TRÌNH, ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC, BỘ MÁY GIÚP VIỆC .....</b>	<b>16</b>
<b>VÀ PHÂN CẤP, ỦY QUYỀN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>16</b>
Điều 17. Chế độ hội họp và đi công tác .....	16
Điều 18. Điều kiện và chi phí làm việc của các thành viên Hội đồng quản trị.....	16
Điều 19. Bộ máy giúp việc Hội đồng quản trị.....	17
<b>CHƯƠNG VI. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH.....</b>	<b>20</b>
Điều 20. Trình báo cáo hằng năm.....	20
Điều 21. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 22. Công khai các lợi ích liên quan .....	21
<b>CHƯƠNG VII. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>22</b>

Điều 23. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	22
Điều 24. Mối quan hệ với ban điều hành .....	22
Điều 25. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.....	23
<b>CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....</b>	<b>24</b>
Điều 26. Hiệu lực thi hành.....	24

**TỔNG CÔNG TY  
LƯƠNG THỰC MIỀN NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN**

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật số 03/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động hiện hành của Tổng Công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần;*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ..... ngày ... tháng ... năm 2022;*

*Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số ... ngày ... tháng ... năm 2022 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.*

**CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị và những đối tượng liên quan có đề cập trong quy chế này.

**Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Tổng công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

## **CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong hệ thống Tổng công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, Công ty con, Công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

### **Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của đơn vị trong hệ thống Tổng công ty.

2. Người quản lý doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ doanh nghiệp quy định.

### **Điều 5. Số lượng, nhiệm kỳ, và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác.



4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Tổng công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của thành viên hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Tổng công ty và quy chế này.

6. Thành viên hội đồng quản trị độc lập được tổ chức và phối hợp hoạt động theo nguyên tắc sau:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Mọi hoạt động của thành viên hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, và Điều lệ Tổng công ty.

**Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị**

- Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác;

- Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;

- Trường hợp doanh nghiệp thỏa mãn điều kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và Công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ;

- Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

**Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Tổng công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Thư ký Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Tổng công ty;

d) Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế quản trị nội bộ Tổng công ty.

**Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

**Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; từ 90% trở lên được đề cử đủ ứng cử viên.

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Tổng công ty.

5. Nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Tổng công ty.

#### **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;

- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;
- g) Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác trừ trường hợp các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;



i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Tổng công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;

r) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của đơn vị trong Tổng công ty.

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, quy chế nội bộ về quản trị công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết,



quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

**Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch**

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty giữa Tổng công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 5% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

**Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành

viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá (07) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Tổng công ty không quy định thời hạn ngắn hơn. Tổng công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

#### **Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương, thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

## CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ Tổng công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, email, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời

hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Tổng công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được ít nhất 2/3 số thành viên dự họp tán thành.

13. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

a) Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

b) Theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Văn phòng Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến (theo mẫu đi kèm tại phụ lục 1) và gửi các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu gửi kèm phải được gửi tận tay hoặc bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc đã được đăng ký của từng thành viên Hội đồng quản trị. Hồ sơ lấy ý kiến có thể gửi đến thành viên Hội đồng quản trị bằng thư điện tử (email). Văn phòng Hội đồng quản trị cần lưu bằng chứng xác nhận đã gửi hồ sơ lấy ý kiến đến từng thành viên Hội đồng quản trị.

c) Phiếu lấy ý kiến phải có nội dung chủ yếu sau đây: tên, địa chỉ trụ sở chính của Tổng công ty; vấn đề lấy ý kiến; thời hạn lấy ý kiến.

d) Văn phòng Hội đồng quản trị tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu theo quy định. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể biểu quyết ý kiến bằng văn bản, email hoặc điện thoại đối với vấn đề được nêu trong văn bản hoặc email. Văn phòng Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến của các thành viên

Hội đồng quản trị gửi bằng văn bản hoặc email để lập biên bản tổng hợp ý kiến Hội đồng quản trị.

e) Phiếu ý kiến đã được thành viên Hội đồng quản trị trả lời (có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị), biên bản kiêm phiếu, Nghị quyết/Quyết định được thông qua và tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc lấy ý kiến phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

#### **Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu liên quan khác đến phiên họp được lưu giữ tại Văn phòng Hội đồng quản trị và Văn thư được lưu giữ theo chế độ bảo mật của Tổng công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.



## **CHƯƠNG V:**

### **CHƯƠNG TRÌNH, ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC, BỘ MÁY GIÚP VIỆC VÀ PHÂN CẤP, ỦY QUYỀN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 17. Chế độ hội họp và đi công tác**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm tham gia các cuộc họp của Tổng công ty, các đơn vị theo giấy mời Hội đồng quản trị hoặc mời đích danh Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không thể tham dự được, thì ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị/người khác đi họp thay, trừ trường hợp cơ quan mời họp không chấp nhận người thay thế.

2. Thành viên Hội đồng quản trị đi công tác thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng quản trị phải có chương trình cụ thể và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị. Tùy theo tính chất và nội dung công việc, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể yêu cầu cán bộ, nhân viên Tổng công ty có liên quan cùng tham gia.

3. Chương trình công tác hàng tuần của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị liên quan đến hoạt động của Công ty được thể hiện trên lịch công tác tuần của Tổng công ty để các bộ phận và Người quản lý liên hệ công tác.

#### **Điều 18. Điều kiện và chi phí làm việc của các thành viên Hội đồng quản trị**

1. Phòng làm việc của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị được đặt tại Trụ sở chính của Tổng công ty. Điều kiện, phương tiện làm việc, văn phòng phẩm phục vụ hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị được áp dụng theo quy định chung của Tổng công ty.

2. Chi phí hoạt động để phục vụ cho nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được thanh toán vào chi phí của Tổng công ty theo chứng từ, hoá đơn phù hợp với chế độ kế toán, tài chính theo quy định của pháp luật và Quy chế, quy định của Tổng công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên của Hội đồng quản trị được hưởng thù lao theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và được đài thọ các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Tiểu ban, Ban, Khối, Hội đồng chức năng của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.



5. Tổng giám đốc Tổng công ty bảo đảm các điều kiện và phương tiện làm việc cần thiết cho Hội đồng quản trị và bộ phận giúp việc của Hội đồng quản trị (nếu có).

6. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm: thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Tổng công ty, công ty con, công ty liên kết của Tổng công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Tổng công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty (Theo quy định tại Khoản 2 Điều 28 Điều lệ Tổng công ty).

### **Điều 19. Bộ máy giúp việc Hội đồng quản trị**

1. Văn phòng Hội đồng quản trị có nhiệm vụ giúp việc cho Hội đồng quản trị. Văn phòng Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Xây dựng, theo dõi Chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị và Lịch công tác của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị;

b) Tham mưu cho Hội đồng quản trị đối với các nội dung, công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

c) Cung cấp thông tin cho thành viên Hội đồng quản trị. Chuẩn bị chương trình, tài liệu và cung cấp các tài liệu cho các thành viên Hội đồng quản trị để phục vụ các cuộc họp hoặc xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị; Ghi chép biên bản, nội dung các cuộc họp, làm việc, đàm phán của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị;

d) Soạn thảo các văn bản, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị; giúp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị triển khai, theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;

e) Tổng hợp trình Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị các đề nghị, văn bản, tài liệu do Tổng Giám đốc trình cũng như các văn bản của các cơ quan, đơn vị khác gửi đến Hội đồng quản trị;

f) Kiểm soát thể thức văn bản trình Hội đồng quản trị ký; Lập sổ theo dõi công văn đi, đến của Hội đồng quản trị; Bảo quản, lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị; Cung cấp và thông báo cho các đối tượng liên quan về các Nghị quyết, văn bản của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định của Tổng công ty;

g) Tư vấn về thủ tục các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị;

h) Được trực tiếp làm việc với các cán bộ, nhân viên của Tổng công ty và các cơ quan, đơn vị khác để giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; Chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị về công việc được giao;

i) Được hưởng lương, phụ cấp, các chế độ khác và có các nhiệm vụ, quyền hạn khác được quy định đối với các cán bộ, nhân viên chuyên môn, nghiệp vụ của Tổng công ty;

k) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị giao;

l) Đơn đốc, phối hợp với các phòng ban chức năng thực hiện các báo cáo thông tin định kỳ và công bố đúng thời hạn theo quy định.

m) Cơ cấu tổ chức, định biên nhân sự của Văn phòng Hội đồng quản trị sẽ do Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định cho phù hợp trong từng thời kỳ.

## 2. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

a) Trong từng thời kỳ, Hội đồng quản trị có thể thành lập, giải thể các tiểu ban giúp việc cho Hội đồng quản trị để hỗ trợ cho hoạt động Hội đồng quản trị theo các lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị: bao gồm tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban đặc biệt khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

b) Các tổ giúp việc Hội đồng quản trị, bao gồm:

### b.1) Tiểu ban chính sách và chiến lược phát triển Tổng công ty:

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc xác định mục tiêu chiến lược kinh doanh của Tổng công ty, định hướng thị trường trong ngắn hạn cũng như dài hạn;

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị đề ra các chính sách phát triển sản phẩm truyền thống và chủ lực của Tổng công ty, nghiên cứu, đánh giá các dự án đầu tư mới của Tổng công ty trình Hội đồng quản trị trước khi quyết định đầu tư;

- Nghiên cứu và phân tích các yếu tố cũng như mức độ khả thi của kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm do Tổng giám đốc trình trước khi Hội đồng quản trị phê duyệt và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua;

- Các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển Tổng công ty.

### b.2) Tiểu ban quản lý các vấn đề nhân sự:

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị về quy mô, cơ cấu của Hội đồng quản trị, người điều hành, cán bộ quản lý khác phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Tổng công ty;

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị xử lý các vấn đề nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát và người điều hành Tổng công ty theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

- Nghiên cứu, tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc ban hành các quy chế nội bộ của Tổng công ty về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân viên, quy trình đào tạo và các chính sách khác đối với người lao động trong Tổng công ty;

- Các vấn đề khác liên quan đến công tác quản trị nhân sự của Tổng công ty.

**b.3) Tiểu ban quản lý tài chính và kiểm toán:**

- Nghiên cứu, đánh giá và phân tích tình hình tài chính của Tổng công ty trong từng thời kỳ, đề xuất với Hội đồng quản trị các biện pháp tài chính hiệu quả và phù hợp với thực tế của Tổng công ty;

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị ban hành các quy định về quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ;

- Kiểm tra, kiểm toán các báo cáo tài chính do Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị thông qua;

- Các vấn đề khác liên quan đến công tác quản trị tài chính của Tổng công ty.

**b.4) Tiểu ban thi đua và khen thưởng:**

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị ban hành các quy chế, chính sách về thi đua khen thưởng và giám sát việc triển khai thực hiện các chính sách này;

- Giám sát việc các cán bộ quản lý chấp hành các quy chế nội bộ do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị ban hành. Đánh giá mức độ hoàn thành công việc của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý cấp cao của Tổng công ty;

- Các vấn đề khác liên quan đến công tác thi đua khen thưởng.

**3. Người phụ trách quản trị Tổng công ty:**

a) Khi Tổng công ty niêm yết, Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

b) Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Có hiểu biết về pháp luật;

- Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty;

- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

c) Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Tổng công ty tùy từng thời điểm.

d) Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;
- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- Tham dự các cuộc họp;
- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;
- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

## **CHƯƠNG VI. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

### **Điều 20. Trình báo cáo hằng năm**

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tổng công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tổng công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

**Điều 21. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.

3. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

4. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

5. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

**Điều 22. Công khai các lợi ích liên quan**

Trường hợp Điều lệ Tổng công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Tổng công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 5% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải



được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng công ty.

## **CHƯƠNG VII. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 23. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

### **Điều 24. Mối quan hệ với Ban điều hành**

Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc được quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Mối quan hệ của Hội đồng quản trị với Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành được quy định như sau:

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi, cần thiết để Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Tổng Giám đốc có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện nội dung không có lợi cho Tổng công ty, thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm đề nghị Hội đồng quản trị xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh Nghị quyết, Quyết định, Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện Nghị quyết, Quyết định đó nhưng có quyền bảo lưu ý kiến.

3. Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị các vấn đề liên quan đến hoạt động điều hành của Tổng công ty.



4. Chủ tịch Hội đồng quản trị tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị nội dung trình Hội đồng quản trị do Tổng Giám đốc chủ trì.

5. Tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền chủ trì cuộc họp Hội đồng quản trị có thể quyết định mời các Phó Tổng Giám đốc, Trưởng các phòng/ban có liên quan tham dự, báo cáo công việc và tham gia ý kiến.

6. Tổng Giám đốc và những Người quản lý có trách nhiệm báo cáo đầy đủ, kịp thời thông tin và cung cấp thông tin cho các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ được phân công.

7. Tổng Giám đốc chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo Điều lệ Tổng công ty; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (như thiên tai, dịch họa, sự cố) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị biết. Thời hạn báo cáo không trễ hơn 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh trường hợp khẩn cấp.

8. Định kỳ hàng tháng (báo cáo nhanh hoặc gửi email), quý, 6 tháng, hàng năm, Tổng Giám đốc gửi báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cho Hội đồng quản trị, cùng với kiến nghị cần thiết để thực hiện nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền. Khi phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố xảy ra có thể ảnh hưởng xấu đến uy tín, hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, Tổng Giám đốc và Người quản lý cần kịp thời báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp phụ trách công việc đó biết để có biện pháp xử lý kịp thời.

9. Tổng Giám đốc báo cáo bất thường theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

10. Tổng công ty phải thông tin cho Hội đồng quản trị về Lịch công tác và kế hoạch, công việc của Tổng Giám đốc và Ban điều hành để Hội đồng quản trị nắm thông tin và chủ động phối hợp chỉ đạo.

#### **Điều 25. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát**

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

## **CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 26. Hiệu lực thi hành**

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần bao gồm 8 chương, 26 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2022.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Phụ lục 1: Mẫu phiếu lấy ý kiến**

**TỔNG CÔNG TY  
LƯƠNG THỰC MIỀN NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN**  
Số: .../20.../PLYK-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
....., ngày .....tháng ..... năm 20....

**PHIẾU LẤY Ý KIẾN BIỂU QUYẾT HĐQT  
BẰNG VĂN BẢN**

(V/v: .....)

**Kính gửi: Các Thành viên HĐQT**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/ 2020;*

*Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty);*

Chủ tịch Hội đồng quản trị đề nghị các thành viên Hội đồng quản trị cho ý kiến về nội dung sau:

**Nội dung:** Phê chuẩn.....(Chi tiết theo Tài liệu đính kèm)

**Ý kiến của Thành viên hội đồng quản trị:**

[ ]  
Đồng ý

[ ]  
Không đồng ý

[ ]  
Không có ý kiến

**Ý kiến bổ sung (Kèm theo phụ lục ý kiến chi tiết nếu có):**

Đề nghị Thành viên HĐQT cho ý kiến vào phiếu này và gửi về:

..... Văn phòng HĐQT Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

Địa chỉ: .....

Điện thoại:..... Email: .....

Thời điểm: trước ..... giờ 00 ngày ...../...../....

Trân trọng./.

....., ngày .... tháng .... năm...

**THÀNH VIÊN HĐQT**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**CHỦ TỊCH HĐQT/ VĂN PHÒNG HĐQT**

**Ghi chú:**

Ý kiến bổ sung (nếu có) của Thành viên HĐQT có thể được trình bày ngắn gọn ở mục “Ý kiến bổ sung” hoặc trình bày bằng văn bản (Phụ lục 2).

**Phụ lục 2: Phụ lục chi tiết ý kiến bổ sung**

**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC  
MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC PHIẾU Ý KIẾN**

*Về nội dung Văn bản.....(kèm theo Phiếu lấy ý kiến)*

**I. NHẬN XÉT CHUNG**

.....

**II. CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ:**

STT	Khoản, mục	Nội dung văn bản	Nhận xét	Đề nghị

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



## TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

MSDN: 0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

Số:

TTr-LTMN-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2022

### TỜ TRÌNH

#### V/v trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông  
Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty).*

Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Tổng công ty, thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị của Tổng công ty, Ban Kiểm soát đã soạn thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (*chi tiết tại bản dự thảo đính kèm*), kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét, phê duyệt.

*(Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được đăng tải trên website: www.vinafood2.com.vn)*

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Tuấn Vinh**

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA  
BAN KIỂM SOÁT**  
**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**(Ban hành theo Nghị quyết số .... ngày ... tháng ... năm .... của**  
**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)**



## MỤC LỤC

CHƯƠNG I_ QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng .....	3
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	3
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát .....	3
CHƯƠNG II_ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN) .....	4
Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát .....	4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát .....	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát .....	5
Điều 7. Trưởng Ban Kiểm soát .....	5
Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Kiểm soát viên .....	6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát .....	6
Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát .....	7
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát .....	7
CHƯƠNG III_ BAN KIỂM SOÁT .....	8
Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát .....	8
Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát .....	10
Điều 14. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông .....	10
CHƯƠNG IV_ CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT .....	11
Điều 15. Cuộc họp của Ban Kiểm soát .....	11
Điều 16. Thông qua quyết định của Ban Kiểm soát .....	11
Điều 17. Biên bản họp của Ban Kiểm soát .....	12
CHƯƠNG V_ BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH .....	12
Điều 18. Trình báo cáo hàng năm .....	12
Điều 19. Thù lao, tiền lương và lợi ích của thành viên Ban Kiểm soát .....	13
Điều 20. Công khai lợi ích liên quan .....	13
CHƯƠNG VI_ QUAN HỆ GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC .....	14
Điều 21. Quan hệ với cổ đông .....	14
Điều 22. Quan hệ với Hội đồng quản trị .....	14
Điều 23. Quan hệ với Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác .....	14
CHƯƠNG VII_ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH .....	15
Điều 24. Hiệu lực thi hành và sửa đổi, bổ sung quy chế .....	15

# CHƯƠNG I

## QUY ĐỊNH CHUNG

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát và mối quan hệ với các bộ phận khác của Tổng Công ty Lương thực miền Nam - CTCP.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được áp dụng cho Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát, các tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động của Ban Kiểm soát.

### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. Tổng Công ty: Là Tổng Công ty Lương thực miền Nam – CTCP
2. Cổ đông: Là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng Công ty.
3. Người có liên quan: Là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật chứng khoán;
4. Người quản lý: Là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty
5. Ban Tổng Giám đốc: Là Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc của Tổng Công ty
6. Kiểm toán nội bộ: Là cơ quan chuyên môn do Hội đồng quản trị thành lập thực hiện việc kiểm tra, đánh giá, giám sát tính đầy đủ, thích hợp và tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ.
7. Kiểm soát viên: Là cá nhân do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, bổ nhiệm lại để thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác của Tổng Công ty.

### **Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các báo cáo, kết luận kiểm tra, giám sát của mình. Thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo về việc thực hiện các công việc được phân công phụ trách.

2. Tất cả các báo cáo, kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát gửi cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cơ quan có thẩm quyền phải được thảo luận tập thể trong Ban Kiểm soát.

3. Mục tiêu hoạt động của Ban Kiểm soát là bảo vệ lợi ích của cổ đông, của Tổng Công ty, đảm bảo Tổng Công ty phát triển bền vững, đảm bảo sự đoàn kết nội bộ giữa các cổ đông, cân bằng lợi ích giữa các bộ phận trong Tổng Công ty.

## CHƯƠNG II

### THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

#### **Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng Công ty;
3. Trung thành với lợi ích của Tổng Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát theo quy định;
5. Đề nghị Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập họp Ban Kiểm soát bất thường hoặc khi xét thấy cần thiết;
6. Kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm nếu có;
7. Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Tổng Công ty, đơn vị trực thuộc cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công;
8. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích;
9. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích;
10. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị, nhưng không được biểu quyết;
11. Bảo lưu ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
12. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

#### **Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát có từ 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty.
3. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

#### **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát**

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

3. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, cha chồng, mẹ chồng, cha vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

4. Không được giữ các chức vụ quản lý Tổng Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Tổng Công ty có quy định khác;

5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty;

6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty trong 03 năm liền trước đó;

7. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng Công ty.

#### **Điều 7. Trưởng Ban Kiểm soát**

1. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

2. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát được quy định như sau:

a) Xây dựng chương trình kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát hàng năm, quý, tháng, các nội dung đột xuất khi có những vấn đề phát sinh và phân công thực hiện;

b) Thay mặt Ban Kiểm soát đề nghị triệu tập hoặc triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty;



c) Trao đổi ý kiến với Hội đồng quản trị về các nội dung nêu trong báo cáo của Ban Kiểm soát trước khi trình Đại hội đồng cổ đông;

d) Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc khi thấy cần thiết. Được tham gia thảo luận tại cuộc họp nhưng không được biểu quyết;

e) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan đến báo cáo của Ban Kiểm soát;

f) Triệu tập, chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu và chủ tọa các cuộc họp của Ban Kiểm soát;

g) Bảo đảm các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét;

h) Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.

i) Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản, báo cáo thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát trên cơ sở nội dung đã được các thành viên trong Ban Kiểm soát thông qua.

k) Trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác trong Ban Kiểm soát thực hiện quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát.

### **Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Kiểm soát viên**

1. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

### **Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên

có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng Công ty.

#### **Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ Tổng Công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Quy chế này và Điều lệ Tổng Công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban Kiểm soát, Tổng Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- d) Lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty và các bên có liên quan của Tổng Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty;
- g) Tổng Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới



Tổng Công ty của ứng cử viên Ban Kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **CHƯƠNG III**

#### **BAN KIỂM SOÁT**

##### **Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Tổng Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định theo Điều lệ, các quy chế của Tổng Công ty phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường hợp Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm

việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng Công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc các đơn vị trực thuộc, người đại diện vốn của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp khác và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban Kiểm soát.

### **Điều 14. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông**

1. Ban Kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban Kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện (trừ trường hợp Điều lệ Tổng Công ty có quy định khác).

2. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Tổng Công ty hoàn lại.

## CHƯƠNG IV

### CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

#### **Điều 15. Cuộc họp của Ban Kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất một năm hai (02) lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.

2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

3. Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát theo đề nghị của:

- Ít nhất một (01) thành viên Ban Kiểm soát;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.

Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát phải được tiến hành trong vòng bảy (07) ngày sau khi nhận được đề nghị.

4. Trong trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt thì người được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền bằng văn bản triệu tập cuộc họp của Ban Kiểm soát.

5. Thời gian triệu tập họp Ban Kiểm soát: Cuộc họp Ban Kiểm soát được thông báo mời họp ít nhất một (01) ngày trước ngày khai mạc bao gồm thời gian, địa điểm, nội dung và tài liệu kèm theo (nếu có). Thông báo triệu tập họp có thể bằng văn bản, fax, thư điện tử, điện thoại.

6. Địa điểm họp Ban Kiểm soát: Địa điểm họp do người triệu tập họp quyết định trên lãnh thổ Việt Nam.

7. Cuộc họp Ban Kiểm soát được coi là có giá trị pháp lý khi có ít nhất 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát hoặc người được thành viên Ban Kiểm soát ủy quyền thay thế tham dự.

Chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát là Trưởng Ban Kiểm soát hoặc người được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền bằng văn bản. Trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt và không ủy quyền lại thì các thành viên tham dự cuộc họp bầu một người làm chủ tọa cuộc họp.

#### **Điều 16. Thông qua quyết định của Ban Kiểm soát**

1. Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có một (01) phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát khác thực hiện biểu quyết thay;

2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền và lợi ích liên quan đến nội dung vấn đề được đưa ra biểu quyết sẽ không được phép tham gia biểu quyết;

3. Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng



Ban Kiểm soát hoặc Kiểm soát viên được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền.

### **Điều 17. Biên bản họp của Ban Kiểm soát**

1. Những nội dung được đưa ra trao đổi, kết luận và biểu quyết về từng vấn đề của cuộc họp của Ban Kiểm soát đều phải được ghi trong biên bản. Các thành viên Ban Kiểm soát được quyền bảo lưu ý kiến trong biên bản.

2. Biên bản cuộc họp của Ban Kiểm soát được lập bằng tiếng Việt, lưu trữ tại Ban Kiểm soát và phải được tất cả thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp ký tên và chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Biên bản cuộc họp được gửi đến tất cả các thành viên Ban Kiểm soát.

## **CHƯƠNG V**

### **BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH**

#### **Điều 18. Trình báo cáo hàng năm**

1. Kết thúc năm tài chính, các báo cáo sau đây của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Tổng Công ty không có quy định khác:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty;

2. Các Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

a) Báo cáo về kết quả kinh doanh của Tổng Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

b) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát.

c) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát.

d) Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

f) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

g) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết.

h) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng Công ty, công ty con, công ty khác do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở

lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

#### **Điều 19. Thù lao, tiền lương và lợi ích của thành viên Ban Kiểm soát**

1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát;

2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức tiền lương, thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng Công ty.

#### **Điều 20. Công khai lợi ích liên quan**

1. Thành viên Ban Kiểm soát của Tổng Công ty phải kê khai cho Tổng Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban Kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng Công ty.

4. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng Công ty, công ty con, công ty khác do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban Kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.



5. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

## CHƯƠNG VI

### QUAN HỆ GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### Điều 21. Quan hệ với cổ đông

Ban Kiểm soát thực hiện báo cáo cổ đông kết quả giám sát hoạt động của Tổng Công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty hoặc đột xuất theo yêu cầu của các cổ đông, Đại hội đồng cổ đông.

#### Điều 22. Quan hệ với Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị chịu sự giám sát của Ban Kiểm soát trong việc quản lý Tổng Công ty và Hội đồng quản trị có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ kịp thời các thông tin về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty;

2. Ban Kiểm soát thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

3. Trong các cuộc họp của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm toán nội bộ và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban Kiểm soát quan tâm;

4. Trường hợp Ban Kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông và công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

5. Thành viên Ban Kiểm soát có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Tổng Công ty, Công ty con, Công ty do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật.

#### Điều 23. Quan hệ với Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác

1. Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý chịu sự giám sát của Ban Kiểm soát trong việc quản lý Tổng Công ty. Tổng Giám đốc chỉ đạo các phòng ban chức năng, đơn vị trực thuộc có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ kịp thời số liệu, tài liệu thông tin giải trình các hoạt động theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

2. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra, giám sát và thực hiện báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát, đề nghị, kiến nghị Ban Tổng Giám đốc theo quy định. Ban Tổng Giám đốc thông báo cho Ban Kiểm soát những chỉ đạo, ý kiến của mình đối với những vấn đề Ban Kiểm soát đã có báo cáo, đề nghị, kiến nghị để Ban Kiểm

soát theo dõi;

3. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Ban Tổng Giám đốc tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban Kiểm soát quan tâm;

4. Trường hợp Ban Kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng Công ty của các thành viên trong Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát thông báo bằng văn bản đến Ban Tổng Giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời Ban Kiểm soát có trách nhiệm thông báo đến Hội đồng quản trị, báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

5. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty tại trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

6. Khi có nhu cầu sử dụng tư vấn độc lập bên ngoài, Ban Kiểm soát phải thông tin về phạm vi, giá trị và các nội dung trọng yếu khác trong vòng bốn mươi tám (48) giờ kể từ thời điểm xác lập dịch vụ đó.

## **CHƯƠNG VII**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 24. Hiệu lực thi hành và sửa đổi, bổ sung quy chế**

1. Quy chế này gồm 07 Chương 24 Điều, có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua; Những nội dung khác về tổ chức hoạt động, chế độ làm việc, các mối quan hệ nếu chưa được đề cập trong quy chế này thì được thực hiện theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Ban Kiểm soát xem xét, quyết định và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty chưa được đề cập trong quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng Công ty.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thực hiện./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**NGUYỄN TUẤN VINH**



**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
MSDN: 0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

Số: /TTr-LTMN-HĐQT TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

**V/v miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị  
và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông  
Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty);*

*Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty;*

*Căn cứ văn bản số 79/UBQLV-TCCB ngày 21/01/2022 của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp về việc công tác cán bộ;*

*Theo Đơn xin thôi giữ chức vụ và thôi việc ngày 11/01/2022 của bà Nguyễn Thị Hoài;*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung sau:

**1. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị**

- Số lượng nhân sự Thành viên Hội đồng quản trị miễn nhiệm: 02 thành viên

- Nhân sự trình đề miễn nhiệm:

+ Bà Nguyễn Thị Hoài, Thành viên Hội đồng quản trị đang giữ chức vụ Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng quản trị;

+ Ông Nguyễn Ngọc Nam, Thành viên Hội đồng quản trị đang giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Thời điểm miễn nhiệm có hiệu lực: Tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

## 2. Thông qua việc bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị: 02 người
- Nhiệm kỳ: 2018 - 2023
- Số lượng ứng viên Hội đồng quản trị tối đa: Không hạn chế
- Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị (theo khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 và Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP)

*(\*) Hồ sơ đề cử, ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, TC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Huy Hưng**



**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
MSDN: 0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

Số: /TTr-LTMN-HĐQT TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

**V/v miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát  
và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông  
Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;  
Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;  
Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền  
Nam - Công ty cổ phần (sau đây viết tắt là Tổng công ty);  
Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty;  
Theo Đơn xin từ nhiệm Thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty ngày  
06/4/2022 của ông Trần Vĩnh Thanh.*

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung sau:

**1. Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Kiểm soát viên**

- Số lượng nhân sự Kiểm soát viên miễn nhiệm: 01 Kiểm soát viên
- Nhân sự trình để miễn nhiệm: Ông Trần Vĩnh Thanh, Kiểm soát viên chuyên trách.
- Thời điểm miễn nhiệm có hiệu lực: Tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

**2. Thông qua việc bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ**

- Số lượng Kiểm soát viên: 01 người
- Nhiệm kỳ: 2018 - 2023
- Số lượng ứng viên Kiểm soát viên tối đa: Không hạn chế

- Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát (theo Điều 169 của Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14 và Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP).

(\*) Hồ sơ đề cử, ứng cử Kiểm soát viên được quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử và trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Quý cổ đông;
- Lưu: VT, TC.

**Nguyễn Huy Hưng**





## TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Trụ sở chính: 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Giấy CNĐKDN số: 0300613198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/02/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 23/11/2021.

Điện thoại: (028) 38370026 Fax: (028) 38365898 - 38365899 Website: www.vinafood2.com.vn

### DỰ THẢO

### QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2018 – 2023

### TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

#### Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần

Ban Kiểm phiếu Đại hội công bố Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần như sau:

#### **I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt**

- Tổng công ty : Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

#### **II. Chủ tọa tại đại hội:**

Chủ tọa tại đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT và BKS;
- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu;
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có)

#### **III. Quy chế đề cử, ứng cử HĐQT**

- Số lượng thành viên HĐQT: 02 người
- Nhiệm kỳ: 2018 – 2023
- Số lượng ứng cử viên HĐQT tối đa: không hạn chế

**1. Quyền đề cử, ứng cử HĐQT: (theo Điều 25 Điều lệ công ty)**

- Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; từ 90% trở lên được đề cử đủ ứng viên.
- Ứng cử viên được đề cử phải có đủ các tiêu chuẩn nêu tại mục 2 dưới đây.
- Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế được Tổng Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng Công ty.

**2. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị: Ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây (theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14, Nghị định 155/2020/NĐ-CP)**

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
- Không được là người có quan hệ gia đình (vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng) của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.
- Thành viên Hội đồng quản trị công ty chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT của tối đa 05 công ty khác.

**IV. Quy chế đề cử, ứng cử Ban kiểm soát:**

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát: 01 người
- Nhiệm kỳ: 2018 – 2023
- Số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát tối đa: không hạn chế.

**1. Quyền đề cử, ứng cử: (theo Điều 36 Điều lệ công ty)**

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; từ 90% trở lên được đề cử đủ ứng viên.

Ứng cử viên được đề cử phải có đủ các tiêu chuẩn nêu tại mục 2 dưới đây.

Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

**2. Tiêu chuẩn ứng cử thành viên Ban Kiểm Soát:** *Ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây (theo Khoản 1, Điều 169 của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14; Điều 286 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 37 Điều lệ Tổng công ty)*

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 17 của Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14;
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Không được là người có quan hệ gia đình (vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng) của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
- Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
- Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Tổng công ty.

#### **V. Nguyên tắc bầu cử:**

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.
- Mỗi lần bầu cử, một đại biểu cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu.
- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa đoàn đề cử và được đại hội thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

#### **VI. Phương thức bầu cử:**

- Danh sách ứng cử viên HĐQT và BKS được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

- Phương thức bầu cử: (Theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020)
  - Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu: theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS.
  - Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
  - Mỗi cổ đông dự họp được cấp một phiếu bầu HĐQT và một phiếu bầu BKS. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.
  - Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).
  - Cách ghi Phiếu bầu cử:
    - ✓ Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số thành viên cần bầu;
    - ✓ Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc chia đều toàn bộ số phiếu cho các ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô **“Bầu dồn đều phiếu”** của các ứng viên tương ứng.
    - ✓ Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho từng ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô **“Số phiếu bầu”** của các ứng viên tương ứng.

**Lưu ý:**

Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô **“Bầu dồn đều phiếu”** vừa ghi số lượng ở ô số phiếu bầu thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô **“Số phiếu bầu”**.

- Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.
- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, có đóng dấu đỏ của Công ty, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu.
- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
  - Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
  - Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu đỏ của công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;
  - Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng thành viên cần bầu;
  - Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của các đại biểu lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
  - Không có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.
- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban kiểm phiếu và của đại diện cổ đông (nếu cần).

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với chủ toạ đoàn giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).
- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định và mở ra theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông của công ty.

**VII. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên:**

- Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

**VIII. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào HĐQT, BKS:**

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT và BKS bao gồm:

- Đơn xin ứng cử/đề cử để bầu vào HĐQT và BKS (theo mẫu).
- Sơ yếu lý lịch (theo mẫu).
- Bản sao các giấy tờ sau: CMND/CCCD/Hộ chiếu.
- Các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).
- Giấy xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/ nhóm cổ đông thỏa mãn điều kiện đề cử theo quy định tại điều lệ Công ty.

Người đề cử vào HĐQT và BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Hồ sơ xin gửi về Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần trước ... giờ ... ngày tháng ... năm ... theo địa chỉ sau:

**Văn phòng Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần**

**Địa chỉ: 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP.HCM**

**Điện thoại: (028) 3837 0026 - Fax: (028) 3836 5898**

Trên đây là toàn bộ quy chế ứng cử đề cử bầu vào Ban kiểm soát tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**Quy chế này có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.**

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- ĐHCĐ;
- TV HĐQT, Ban TGD, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký.

**Nguyễn Huy Hưng**





## TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Trụ sở chính: 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Giấy CNĐKDN số: 0300613198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/02/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 23/11/2021.

Điện thoại: (028) 38370026 Fax: (028) 38365898 - 38365899 Website: www.vinafood2.com.vn

### DỰ THẢO

## QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022

### TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

#### Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần
- Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội để Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

#### 1. MỤC ĐÍCH

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng, quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

#### 2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

- Đối tượng: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Tổng công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần.

#### 3. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ/TỪ VIẾT TẮT

- Công ty : Tổng công ty Lương thực miền Nam – Công ty cổ phần
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- Kiểm soát viên : Thành viên Ban Kiểm soát

- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)
- Đại hội : Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

#### **4. NỘI DUNG QUY CHẾ**

##### **4.1 Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ triệu tập lần hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

##### **4.2 Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội**

Các cổ đông có quyền biểu quyết của Tổng công ty theo danh sách chốt tại ngày 19/04/2022 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.

##### **4.3 Khách mời tại Đại hội**

- Là các chức danh quản lý của Tổng công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Tổng công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (*trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý*).

##### **4.4 Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ các quy định sau**

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân .v.v...theo yêu cầu của Ban tổ chức Đại hội.
- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.
- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại.

- Không hút thuốc lá, giữ trật tự trong phòng Đại hội.
- Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa điều hành Đại hội.
- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

#### **4.5 Chủ tọa và Đoàn chủ tọa**

- Đoàn chủ tọa gồm Chủ tọa và các thành viên.
- Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do HĐQT triệu tập;
- Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.
- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật doanh nghiệp.
- Nhiệm vụ của Đoàn chủ tọa:
  - Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
  - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
  - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
  - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- Nguyên tắc làm việc của Đoàn chủ tọa: Đoàn chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

#### **4.6 Thư ký Đại hội**

- Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp.
- Nhiệm vụ và quyền hạn:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;
- Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
- Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ tọa.

#### **4.7 Ban kiểm phiếu**

- Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Các ứng viên tham gia ứng cử, đề cử (khi thực hiện bầu cử) không được tham gia vào Ban kiểm phiếu.
- Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
  - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết, bầu cử.
  - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết, bầu cử;
  - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa.

#### **4.8 Ban kiểm tra tư cách đại biểu**

- Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm ... người, bao gồm 01 Trưởng Ban và ... thành viên, do Chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.
- Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:
  - Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
  - Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty được tổ chức tiến hành.

#### **4.9 Phát biểu tại Đại hội**

- Đại biểu tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký Đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.
- Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

#### **4.10 Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội**

##### **4.10.1 Nguyên tắc**

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.

- Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Tổng công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu Bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
- Chủ tọa đề xuất các hình thức biểu quyết đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình đề Đại hội thông qua.
- Hình thức biểu quyết như sau:
  - o Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Quy chế bầu cử; Nhân sự Đoàn chủ tọa; Nhân sự Ban kiểm phiếu; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);
  - o Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề: Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị; Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc năm 2021; Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc Công ty về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch hoạt động năm 2022; Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021 và biểu quyết thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội.

#### **4.10.2 Cách thức biểu quyết**

- o Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Mục 4.10.1.
- o Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến và Không hợp lệ.
- o Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng

phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

#### **4.10.3 Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết**

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC Đại hội phát ra, có đóng dấu đỏ của Tổng công ty, không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (Báo cáo, Tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;
- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC Đại hội phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Tổng công ty hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, phiếu không có chữ ký, không ghi đầy đủ họ tên của đại biểu, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

#### **4.10.4 Thẻ lệ biểu quyết**

Cứ 01 (một) cổ phần phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 19/04/2022) tổng số cổ phần của Tổng công ty là: 500.000.000 cổ phần tương đương với 500.000.000 quyền biểu quyết.
- Mỗi quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 66% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội theo quy định tại khoản 1 điều 21 Điều lệ Tổng công ty. Lưu ý:
  - Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 20% tổng giá trị tài sản Tổng công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 66% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành. Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với người có liên quan (theo quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều 40 Điều lệ Tổng công ty) không có quyền biểu quyết. (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).
  - Cổ đông/ đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản Tổng Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

#### **4.10.5 Ghi nhận kết quả biểu quyết**

- Tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban kiểm phiếu.



- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thu phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử.
- Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

#### **4.11 Bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

Việc bầu cử thành viên Ban kiểm soát phải được thực hiện theo Quy chế bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại đại hội.

#### **4.12 Biên bản, Nghị Quyết họp ĐHĐCĐ**

Biên bản họp và nghị quyết ĐHĐCĐ phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

### **5. Thực hiện**

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, khách mời tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại Quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của Tổng công ty và các quy định pháp luật có liên quan.
- Người triệu tập ĐHĐCĐ có quyền:
  - Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;
  - Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Luật doanh nghiệp 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước .

***Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ Tổng công ty biểu quyết thông qua.***

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- ĐHĐCĐ;
- TV HĐQT, Ban TGD, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký.

**Nguyễn Huy Hưng**



# TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

## GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ

### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2018 – 2023

(Áp dụng cho cổ đông)

**Kính gửi: Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần**

- Họ tên cổ đông: .....
- CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:..... Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
- Người đại diện theo pháp luật (nếu có): .....
- Số lượng cổ phần sở hữu (Tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022):.....cổ phần
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)

**Đề nghị Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần cho tôi đề cử:**

1. **Ông/Bà:** .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)
2. **Ông/Bà:** .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)
3. **Ông/Bà:** .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

4. Ông/Bà: .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

5. Ông/Bà: .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

**Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần nhiệm kỳ 2018 – 2023**

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú.
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).

....., ngày..... tháng ..... năm .....

Người đề cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2018 – 2023**

*(Áp dụng cho nhóm cổ đông)*

**Kính gửi: Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần**

- Người đại diện nhóm cổ đông: .....
- CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....  
(đính kèm danh sách nhóm cổ đông)
- Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022) của nhóm cổ đông: ..... cổ phần
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)

**Đề nghị Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần cho chúng tôi đề cử:**

1. **Ông/Bà:** .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)
2. **Ông/Bà:** .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)
3. **Ông/Bà:** .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)
4. **Ông/Bà:** .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ....., (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

**5. Ông/Bà:** .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ....., (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

**Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần nhiệm kỳ 2018 – 2023**

**Xin trân trọng cảm ơn!**

**Hồ sơ kèm theo:**

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú.
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).

....., ngày..... tháng ..... năm .....

Người đại diện nhóm cổ đông đề cử

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

**DANH SÁCH NHÓM CỔ ĐÔNG**  
**ĐÍNH KÈM GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ CỦA NHÓM CỔ ĐÔNG**  
 (theo mẫu)

STT	Họ và tên	CMND/CCCD/HC/GĐKDN	Địa chỉ thường trú	Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến ngày chốt DS)	Chữ ký cổ đông/ chữ ký, đóng dấu nếu là tổ chức
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
....					
....					
....					
....					
<b>Tổng cộng</b>					



## BIÊN BẢN HỌP NHÓM

### ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN 2018 – 2023

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.
- Căn cứ Quy định đề cử thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần 2018 – 2023

Hôm nay, ngày ...../...../2022, tại ....., chúng tôi là những cổ đông của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần, cùng nhau nắm giữ ... cổ phần (bằng chữ:..... cổ phần), chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

STT	Tên Cổ đông	CMND/CCCD/HỘ CHIẾU/ĐKDN	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Ký và ghi rõ họ tên
1					
2					
3					
4					
5					
	<b>Tổng cộng</b>				

**Chúng tôi cùng nhất trí cử:**

**Ông/Bà:** .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

**Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử vào Hội đồng quản trị của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần nhiệm kỳ 2018 – 2023**

**Và cùng nhất trí đề cử các ứng cử viên sau đây tham gia Hội đồng quản trị:**

**1. Ông/Bà:** .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

2. Ông/Bà: .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

3. Ông/Bà: .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

4. Ông/Bà: .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

5. Ông/Bà: .....  
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....  
Địa chỉ thường trú: .....  
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....  
Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)  
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

Biên bản này được lập vào lúc ..... giờ, ngày ..... /.../..... tại .....

....., ngày..... tháng ..... năm .....  
Người được đề cử đại diện nhóm  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

**GIẤY ĐỀ NGHỊ TỰ ĐỀ CỬ  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2018 – 2023**

**Kính gửi: Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần**

- Tôi tên là: .....
- CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:..... Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
- Người đại diện theo pháp luật (nếu có): .....
- Số lượng cổ phần sở hữu (Tính đến ngày chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022):..... cổ phần
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)

Đề nghị Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần cho tôi được tự đề cử vào Hội đồng quản trị của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần nhiệm kỳ 2018 – 2023

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

Xin trân trọng cảm ơn!

**Hồ sơ kèm theo:**

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu/ Hộ khẩu thường trú.
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên.
- Bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.

....., ngày..... tháng ..... năm .....

Người tự đề cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

17

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1/ Họ và tên:	
2/ Giới tính:	
3/ Ngày tháng năm sinh:	
4/ Nơi sinh:	
5/ CMND:	ngày cấp:
6/ Quốc tịch:	
7/ Dân tộc:	
8/ Địa chỉ thường trú:	
9/ Số điện thoại công ty:	Số điện thoại di động:
10/ Địa chỉ email:	
11/ Trình độ chuyên môn:	
12/ Quá trình công tác: + Từ ... đến ... : + Từ ... đến ... :	
13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	
14/ Tổng số CP nắm giữ (chốt ngày.../.../...) .... cổ phần, chiếm ....% vốn điều lệ, trong đó: + Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/ khác): + Cá nhân sở hữu:	.... cổ phần, chiếm .....% vốn điều lệ .... cổ phần, chiếm .....% vốn điều lệ
15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
16/ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của công ty:	..... – Mối quan hệ: .....; nắm giữ: ..... CP, chiếm ..... vốn điều lệ ..... – Mối quan hệ:.....; nắm giữ: ..... CP, chiếm .....% vốn điều lệ
17/ Những khoản nợ đối với Công ty:	
18/ Lợi ích liên quan đối với Công ty:	
19/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đính kèm là Danh sách người có liên quan

....., ngày ..... tháng ..... năm 2022

Người khai

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

**DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN<sup>1</sup>**

STT	Tên cá nhân/ tổ chức	Số tài khoản giao dịch (nếu có)	Chức vụ/ Quan hệ	Giới tính	Địa chỉ	Số CMND/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần sở hữu	Điện thoại	Fax	Quốc tịch

....., ngày ....., tháng ..... năm 2022

**Người khai**

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

<sup>1</sup> Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14

Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán quy định: "Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đầu tư chung hoặc công ty đầu tư chung hoặc đại chúng đó;
- b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
- c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
- d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
- đ) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;
- e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
- g) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.



**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ**

**KIỂM SOÁT VIÊN NHIỆM KỲ 2018 – 2023**

*(Áp dụng cho cổ đông)*

***Kính gửi: Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần***

- Họ tên cổ đông: .....
- CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....
- Người đại diện theo pháp luật (nếu có): .....
- Số lượng cổ phần sở hữu (Tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022): ..... cổ phần
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)

**Đề nghị Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần cho tôi đề cử:**

**1. Ông/Bà: .....**

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

**2. Ông/Bà: .....**

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

**3. Ông/Bà: .....**

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)



**Làm ứng cử viên Kiểm soát viên của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần  
nhiệm kỳ 2018 – 2023.**

Xin trân trọng cảm ơn!

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú.
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).

....., ngày..... tháng ..... năm .....

Người đề cử

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*



**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ**

**KIỂM SOÁT VIÊN NHIỆM KỲ 2018 – 2023**

*(Áp dụng cho nhóm cổ đông)*

**Kính gửi: Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần**

- Người đại diện nhóm cổ đông: .....
- CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....  
(đính kèm danh sách nhóm cổ đông)
- Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022) của nhóm cổ đông: ..... cổ phần
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)

**Đề nghị Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần cho chúng tôi đề cử:**

**1. Ông/Bà: .....**

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

**2. Ông/Bà: .....**

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

**3. Ông/Bà: .....**

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

**Làm ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần nhiệm kỳ 2018 – 2023**

**Xin trân trọng cảm ơn!**

**Hồ sơ kèm theo:**

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú.
- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).

....., ngày..... tháng ..... năm .....

Người đại diện nhóm cổ đông đề cử

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

**DANH SÁCH NHÓM CỔ ĐÔNG**  
**ĐÍNH KÈM GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐỀ CỬ CỦA NHÓM CỔ ĐÔNG**

STT	Họ và tên	CMND/CCCD/ GĐKDN	Địa chỉ thường trú	Số lượng cổ phần sở hữu (tính đến ngày chốt DS)	Chữ ký cổ đông/ chữ ký, đóng dấu nếu là tổ chức
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					
....					
....					
.....					
.....					
<b>Tổng cộng</b>					

**BIÊN BẢN HỌP NHÓM**  
**ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA BAN KIỂM SOÁT**  
**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**NHIỆM KỲ 2018 – 2023**

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần
- Căn cứ Quy định đề cử Kiểm soát viên Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần nhiệm kỳ 2018 – 2023

Hôm nay, ngày ...../...../....., tại ....., chúng tôi là những cổ đông của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần, cùng nhau nắm giữ .....cổ phần (bằng chữ: ..... cổ phần), chiếm tỷ lệ .....% số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong danh sách dưới đây:

STT	Tên Cổ đông	CMND/CCCD/HỘ CHIẾU/ĐKDN	Địa chỉ	Số CP sở hữu	Ký và ghi rõ họ tên
1					
2					
3					
4					
5					
	<b>Tổng cộng</b>				

**Chúng tôi cùng nhất trí cử:**

**Ông/Bà:** .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

**Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử vào Ban kiểm soát của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần nhiệm kỳ 2018 – 2023**

**Và cùng nhất trí đề cử các ứng cử viên sau đây tham gia vào Ban kiểm soát:**

**1. Ông/Bà:** .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ..... (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

2. Ông/Bà: .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ....., (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

3. Ông/Bà: .....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành: .....

Hiện đang sở hữu: ....., (cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:..... (đồng)

Biên bản này được lập vào lúc ..... giờ, ngày ..... /...../..... tại .....

.....

....., ngày..... tháng ..... năm .....

Người được đề cử đại diện nhóm

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)





**TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN**  
Địa chỉ: Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Kho, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
MSDN:0300613198 Điện thoại: (028) 3837 0026 Website: www.vinafood2.com.vn

**GIẤY ĐỀ NGHỊ TỰ ĐỀ CỬ**  
**KIỂM SOÁT VIÊN NHIỆM KỲ 2018 – 2023**

***Kính gửi: Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần***

- Tôi tên là: .....
- CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:..... Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
- Người đại diện theo pháp luật (nếu có): .....
- Số lượng cổ phần sở hữu (Tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022): ..... cổ phần
- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: ..... (đồng)

Đề nghị Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần cho tôi được tự đề cử vào Ban kiểm soát của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần nhiệm kỳ 2018 – 2023.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm

bầu làm Kiểm soát viên tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Tổng công ty Lương thực miền Nam - Công ty cổ phần.

Xin trân trọng cảm ơn!

**Hồ sơ kèm theo:**

- Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu/ Hộ khẩu thường trú.
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên.
- Bảng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.

....., ngày..... tháng ..... năm .....

Người tự đề cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----o0o-----

SƠ YẾU LÝ LỊCH

1/ Họ và tên:	
2/ Giới tính:	
3/ Ngày tháng năm sinh:	
4/ Nơi sinh:	
5/ CMND:	ngày cấp:
6/ Quốc tịch:	
7/ Dân tộc:	
8/ Địa chỉ thường trú:	
9/ Số điện thoại công ty:	Số điện thoại di động:
10/ Địa chỉ email:	
11/ Trình độ chuyên môn:	
12/ Quá trình công tác: + Từ ... đến ... : + Từ ... đến ... :	
13/ Các chức vụ công tác hiện nay:	
14/ Tổng số CP nắm giữ (chốt ngày.../.../...) .... cổ phần, chiếm ....% vốn điều lệ, trong đó: + Đại diện phần vốn của (tên tổ chức là cổ đông Nhà nước/cổ đông chiến lược/ khác): + Cá nhân sở hữu:	.... cổ phần, chiếm .....% vốn điều lệ .... cổ phần, chiếm .....% vốn điều lệ
15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)	
16/ Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của công ty:	..... – Mối quan hệ: .....; nắm giữ: ..... CP, chiếm ..... vốn điều lệ ..... – Mối quan hệ: .....; nắm giữ: ..... CP, chiếm .....% vốn điều lệ
17/ Những khoản nợ đối với Công ty:	
18/ Lợi ích liên quan đối với Công ty:	
19/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đính kèm là Danh sách người có liên quan

....., ngày ..... tháng ..... năm 2022

**Người khai**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

**DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN<sup>1</sup>**

STT	Tên cá nhân/ tổ chức	Số tài khoản giao dịch (nếu có)	Chức vụ/ Quan hệ	Giới tính	Địa chỉ	Số CMND/ Hộ chiếu	Ngày cấp	Nơi cấp	Số lượng cổ phần sở hữu	Điện thoại	Fax	Quốc tịch

..... tháng ..... năm 2022

**Người khai**

*(Ký tên, ghi rõ họ tên)*

<sup>1</sup> Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14

Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán quy định: “Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;
- b) Doanh nghiệp và tổ chức; cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
- c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát cùng với tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
- d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố đẻ, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
- d) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;
- e) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.